

### *Chương III*

---

## **Các biện pháp xử lý trong và sau quá trình tố tụng cạnh tranh**

Cần phân biệt giữa các biện pháp xử lý vụ việc cạnh tranh thông thường được áp dụng sau khi kết thúc quá trình tố tụng đầy đủ với các biện pháp khẩn cấp tạm thời được áp dụng trong một số trường hợp trước khi kết thúc quá trình tố tụng.

#### **MỤC I**

#### **CÁC BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI**

**1500.** Thủ tục tố tụng cạnh tranh nhất thiết phải kéo dài trong một thời gian.

Chính vì lý do đó cho nên các quyết định xử lý được đưa ra khi kết thúc thủ tục tố tụng có nguy cơ mất đi tính hiệu quả và không còn ý nghĩa đối với những doanh nghiệp là nạn nhân của hành vi vi phạm, nếu như trong quá trình tố tụng mà quyền, lợi ích chính đáng của họ bị xâm hại đến mức không khắc phục được.

Để bảo đảm hiệu lực và hiệu quả của các quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, pháp luật đã quy định một số thủ tục khẩn cấp để phòng ngừa nguy cơ kể trên.

Mặc dù chỉ được áp dụng trong những tình huống khẩn cấp, nhưng những thủ tục đó cũng không vì thế mà phải thực hiện trong những thời hạn bắt buộc<sup>1</sup>.

**1501.** Có hai cơ chế khẩn cấp tạm thời khác nhau: một cơ chế áp dụng đối với các hành vi "phản cạnh tranh"<sup>2</sup> và một cơ chế áp dụng đối với một số hành vi "hạn chế cạnh tranh"<sup>3</sup>.

Bên cạnh hai cơ chế đó là các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định chung của pháp luật và một số biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định trong pháp luật của Liên minh châu Âu.

Đối với hành vi phản cạnh tranh cũng như đối với hành vi hạn chế cạnh tranh, cơ quan quản lý cạnh tranh hoàn toàn có quyền áp dụng thủ tục khẩn cấp tạm thời của thông luật được quy định tại các điều 809 và 873 của Bộ luật Tổ tụng dân sự mới và tại Điều 5-1 của Bộ luật Tổ tụng hình sự.

Về vấn đề này, Tòa án Phúc thẩm Paris đã nêu rõ: *"thẩm quyền của Hội đồng Cạnh tranh theo quy định tại Điều 12, Pháp lệnh ngày 1-12-1986 (nay là Điều L.464-1 Bộ luật Thương mại) không cản trở việc thực hiện những thẩm quyền chung của thẩm phán phụ trách thủ tục khẩn cấp tạm thời quy định tại các điều 872 và 873 của Bộ luật Tổ tụng dân sự mới"*<sup>4</sup>.

Thậm chí, thủ tục khẩn cấp tạm thời truyền thống còn được phát huy trước sự cạnh tranh của các quy định chuyên biệt về các biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định tại Pháp lệnh ngày 1-12-1986.

---

1. Hội đồng Cạnh tranh, Quyết định số 01-MC-07 ngày 21-12-2001; Hội đồng Cạnh tranh, Quyết định số 03-MC-04, sau đổi thành Quyết định 03-D-42, ngày 18-8-2003.

2. Điều L.464-1, Bộ luật Thương mại.

3. Khoản IV, Điều L.442-6, Bộ luật Thương mại.

4. Tòa án Phúc thẩm Paris, Phân tòa thứ nhất, ngày 13-7-2000, bản án giữ nguyên phần lớn nội dung của Quyết định xét xử nhanh của Tòa án Thương mại sơ thẩm Paris về vụ tranh chấp giữa Công ty Wappup và Công ty France Télécom liên quan đến hoạt động tiêu thụ điện thoại di động WAP.

**1502.** Các quy định trên chính là cơ sở pháp lý để áp dụng một số biện pháp khẩn cấp. Những biện pháp này đóng một vai trò ngày càng quan trọng trong bối cảnh mà thủ tục xử lý về mặt nội dung đối với các hành vi phản cạnh tranh thường kéo dài quá lâu.

Ngoài ra, nếu so với pháp luật của Liên minh châu Âu thì các quy định của nội luật Pháp về vấn đề này có tính thực thi cao hơn.

### **§1. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật Liên minh châu Âu**

**1503.** Thẩm quyền áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Ủy ban châu Âu không được quy định trong Hiệp ước Rome. Thậm chí là cho đến tận năm 2004, tất cả các văn bản hướng dẫn thi hành Điều 81 và các điều tiếp theo của Hiệp ước đều không có quy định về vấn đề này.

Khoản 3, Điều 3, Quy chế số 17/62 chỉ quy định rằng trước khi ra quyết định chính thức để xử lý hành vi vi phạm các quy định tại Điều 81 hoặc 82, Ủy ban châu Âu có quyền *"khuyến cáo các doanh nghiệp hoặc hiệp hội doanh nghiệp liên quan chấm dứt hành vi vi phạm"*.

Rõ ràng là nếu xét về mặt câu chữ thì quy định trên đây không tạo cho Ủy ban một quyền hạn thực sự mạnh mẽ và không cho phép Ủy ban áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Tuy nhiên, đó lại không phải là cách giải thích mà Tòa án Công lý châu Âu đã đưa ra trong một quyết định của Chánh án Tòa án này vào ngày 17-1-1980 về việc chấp thuận yêu cầu của Camera Care, một công ty bị từ chối bán và phải chịu những thiệt hại không thể khắc phục được<sup>5</sup>.

---

5. Ngày 17-1-1980, Tòa án Công lý của Liên minh châu Âu 1980-I, tr.119.

Tòa án Công lý của Liên minh châu Âu đã tái khẳng định lại cách giải thích đó vào năm 1984 trong bản án *Ford*<sup>6</sup>. Tòa án cho rằng Khoản 3, Điều 3, Quy chế số 17 cho phép Ủy ban châu Âu áp dụng mọi biện pháp phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể để bảo đảm việc thực hiện thẩm quyền ra quyết định xử lý vụ việc chính thức của mình theo quy định tại Hiệp ước Rome.

Bản án trên là một ví dụ tiêu biểu cho cách tiếp cận mang tính mục đích đối với các văn bản quy phạm pháp luật. Với cách tiếp cận đó, Tòa án Công lý của Liên minh châu Âu chủ động sửa chữa những khiếm khuyết của Hiệp ước bằng cách đưa ra những giải thích nhằm bảo đảm hiệu lực của một số quy định về các mục tiêu chung của Hiệp ước, và làm cho các quy định đó có hiệu lực áp dụng cao hơn so với các quy định chuyên biệt.

**1504.** Ngày nay, Ủy ban châu Âu đã chính thức có được một cơ sở pháp lý để áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời. Cơ sở pháp lý đó được quy định tại Điều 8, Quy chế số 1/2003.

Trong trường hợp khẩn cấp có thể gây ra những thiệt hại nghiêm trọng và không thể khắc phục được, Ủy ban châu Âu có quyền áp dụng mọi biện pháp khẩn cấp tạm thời trong một thời gian xác định, nhưng có thể gia hạn, với điều kiện là biện pháp đó không được vượt quá giới hạn cần thiết.

Như vậy, Ủy ban không chỉ có quyền ra quyết định buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm, mà còn có quyền áp dụng mọi biện pháp khác, với điều kiện biện pháp đó phải phù hợp với hoàn cảnh và bảo đảm được nguyên tắc tương xứng. Nguyên tắc này chủ yếu liên quan đến thời hạn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: năm 2002, Ủy ban châu Âu đã từng căn cứ vào quy định tại Điều 3, Quy chế số 17, để ra quyết định buộc IMS Health - một công ty chiếm vị trí thống lĩnh trên thị trường

---

6. Các vụ việc số 228 và 229-82, Tòa án Công lý của Liên minh châu Âu 1984-2, tr.1129.

thu thập thông tin về hoạt động kinh doanh dược phẩm của Đức - phải tạm thời ngừng thực hiện một số hoạt động. Sau đó, Ủy ban đã rút lại quyết định này khi xét thấy không còn lý do để áp dụng nữa<sup>7</sup>.

**1505.** Các tòa án của Liên minh châu Âu có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ nguyên tắc tương xứng kể trên. Ví dụ, Tòa án Công lý của Liên minh châu Âu đã từng ra bản án thừa nhận rằng Ủy ban có đầy đủ căn cứ để ra quyết định buộc các Hãng truyền hình RTE và ITV phải cung cấp có thu phí các chương trình của họ cho một số bên thứ ba có yêu cầu để sao chép lại<sup>8</sup>.

Ủy ban châu Âu có toàn quyền quyết định việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Việc quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải lập thành văn bản có nêu rõ lý do<sup>9</sup>. Quyết định đó có thể bị khởi kiện ra trước Tòa án Công lý của Liên minh châu Âu.

Ví dụ, Tòa án Sơ thẩm của Liên minh châu Âu (Tòa án có thẩm quyền giải quyết khiếu kiện trong lĩnh vực cạnh tranh) đã từng tuyên hủy một quyết định do Ủy ban châu Âu đưa ra vào tháng 8-1991 từ chối áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với UER theo yêu cầu của Hãng truyền hình "La Cinq"<sup>10</sup>.

---

7. Ủy ban châu Âu, ngày 6-4-2002, ND Health/IMS Health, *Công báo của Liên minh châu Âu* ngày 18-10-2003.

8. Tòa án Công lý của Liên minh châu Âu, ngày 6-4-1995, Radio Telefís Eireann, ITV.

9. Tài liệu tham khảo: "Các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Ủy ban châu Âu trong lĩnh vực cạnh tranh", tác giả Anne Piroche (cán bộ Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận thương mại) RTD eur số 3, tháng 7 đến tháng 9-1989; "Các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong pháp luật cạnh tranh: một ví dụ mới về sự kết hợp giữa pháp luật của Pháp và pháp luật của Liên minh châu Âu", tác giả L.Idot, RTD eur, 29 (4), tháng 10 đến tháng 12-1993.

10. Tòa án Sơ thẩm của Liên minh châu Âu, ngày 24-1-1992, *La Cinq c/Commission*.

**1506.** Thủ tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong lĩnh vực vận tải hàng không bị hạn chế hơn so với thủ tục chung.

Điều 4 bis, Quy chế số 3975/87 (Quy chế này đã bị bãi bỏ kể từ ngày 1-5-2004) hướng dẫn thi hành các quy định về cạnh tranh đối với lĩnh vực vận tải hàng không quy định: các biện pháp khẩn cấp tạm thời chỉ có thể được áp dụng khi hội đủ ba điều kiện sau đây:

- Ủy ban châu Âu phải có "chứng cứ xác thực" để khẳng định rằng các hành vi liên quan đã vi phạm quy định tại các điều 81 và 82 của Hiệp ước;

- Ủy ban châu Âu cũng phải có "chứng cứ xác thực" để khẳng định rằng các hành vi liên quan đã được thực hiện nhằm mục đích làm ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại của một dịch vụ hàng không, hoặc đã gây ra hệ quả như vậy;

- Phải chứng minh được rằng việc áp dụng các thủ tục thông thường sẽ không đủ để bảo vệ dịch vụ hàng không bị xâm hại.

**1507.** Tòa án Công lý của Liên minh châu Âu và Tòa án Sơ thẩm của Liên minh châu Âu cũng có quyền áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời nếu bên khởi kiện có yêu cầu.

Thẩm quyền này được quy định tại các điều 242 và 243 (Điều 185 và 186 cũ) của Hiệp ước Rome. Các điều luật này được áp dụng chung cho mọi lĩnh vực thuộc thẩm quyền của các cơ quan của Liên minh châu Âu.

Trên bình diện cạnh tranh, các tòa án của Liên minh châu Âu cũng có thẩm quyền trên đối với các hoạt động trợ cấp. Cuối năm 1991, Tòa án Công lý của Liên minh châu Âu đã bác đơn của công ty Matra yêu cầu Tòa án áp dụng thủ tục khẩn cấp tạm thời để đình chỉ việc thực hiện chương trình trợ cấp dành cho một công ty con của hai tập đoàn Ford và Volkswagen để công ty này sản xuất loại xe hơi "monocoques" tại Setubal, Bồ Đào Nha.

Bên yêu cầu phải chứng minh được về nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng và không thể khắc phục được.

Đương nhiên, dù Tòa án Công lý áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì điều đó cũng không có nghĩa rằng quyết định giải quyết vụ việc về mặt nội dung chắc chắn sẽ kết luận có tồn tại hành vi vi phạm.

Các bên liên quan có quyền yêu cầu Chánh án Tòa án Sơ thẩm của Liên minh châu Âu đình chỉ thực hiện biện pháp khẩn cấp tạm thời do Ủy ban quyết định.

## **§2. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời áp dụng đối với hành vi phản cạnh tranh theo quy định của nội luật Pháp**

**1508.** Điều L.464-1 Bộ luật Thương mại cho phép Hội đồng Cạnh tranh áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh về mặt nội dung.

### **1) Chủ thể có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời**

**1509.** Tất cả các chủ thể có quyền khiếu nại vụ việc cạnh tranh đều có thể yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Các chủ thể đó bao gồm: Bộ trưởng Bộ Kinh tế, doanh nghiệp, các chính quyền địa phương, các tổ chức nghề nghiệp, các tổ chức nghiệp đoàn, các tổ chức đại diện người tiêu dùng được cấp phép hoạt động, các phòng thương mại và công nghiệp, các hội nông dân và hội ngành nghề thủ công mỹ nghệ.

Cho đến thời điểm hiện tại, đại đa số các trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đều xuất phát từ yêu cầu của doanh nghiệp. Chỉ một số ít trường hợp là theo yêu cầu của các chủ thể khác.

Hội đồng Cạnh tranh không có quyền tự mình ra quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

**1510.** Vấn đề đặt ra là liệu Hội đồng Cạnh tranh có phải xác minh lợi ích của bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời độc lập với các điều kiện thụ lý yêu cầu hay không?

Mục đích của các biện pháp khẩn cấp tạm thời là ngăn chặn những thiệt hại nghiêm trọng đối với nền kinh tế nói chung, đối với sự phát triển kinh tế của một lĩnh vực ngành nghề hoặc một khu vực địa lý nhất định, đối với lợi ích của người tiêu dùng hoặc của doanh nghiệp khiếu nại.

Như vậy, liệu có cần phải có sự phù hợp giữa lợi ích bị đe dọa với tư cách của bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hay không?

Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành không quy định một cách cụ thể và rõ ràng về vấn đề này. Vì vậy, câu trả lời hoàn toàn thuộc thẩm quyền của Hội đồng Cạnh tranh.

Dường như câu trả lời cho câu hỏi nêu trên có thể thay đổi tùy theo tư cách của bên yêu cầu. Bộ trưởng Bộ Kinh tế thì chắc chắn có thể viện dẫn khả năng gây thiệt hại cho lợi ích của người tiêu dùng để yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với hành vi vi phạm.

Nhưng một tổ chức đại diện cho người tiêu dùng liệu có thể viện dẫn khả năng gây thiệt hại cho nền kinh tế để đưa ra yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với hành vi vi phạm hay không? Câu trả lời rõ ràng là không chắc chắn, nhưng cũng không hoàn toàn là phủ định. Đã có trường hợp một doanh nghiệp yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời với lý do quyền, lợi ích của họ bị xâm phạm. Sau khi bác bỏ căn cứ đó, Hội đồng Cạnh tranh còn khẳng định thêm rằng hành vi vi phạm rõ ràng cũng không có dấu hiệu gây thiệt hại nghiêm trọng và tức thì đối với nền kinh tế nói chung, đối với lĩnh vực kinh tế có liên quan hoặc đối với lợi ích của người tiêu dùng<sup>11</sup>.

---

11. Quyết định số 88-MC-08, Seda c/JVC ngày 6-7-1998, *Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*, số 327.



Yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của một cơ quan chính quyền địa phương, một tổ chức nghề nghiệp, nghiệp đoàn hoặc một Phòng Thương mại và Công nghiệp liệu có được chấp nhận hay không, nếu như bên yêu cầu viện dẫn lợi ích của một doanh nghiệp để làm căn cứ cho yêu cầu của mình?

Câu hỏi trên sẽ rất dễ giải quyết nếu như hành vi liên quan vừa xâm hại đến lợi ích của doanh nghiệp đó, vừa ảnh hưởng đến lợi ích tập thể mà cơ quan hoặc tổ chức đứng đơn yêu cầu có trách nhiệm bảo vệ.

Nhưng thực tế đã có trường hợp hành vi vi phạm chỉ xâm hại đến lợi ích riêng của một doanh nghiệp và ở trường hợp này, cách giải quyết của Hội đồng Cạnh tranh không thực sự rõ ràng. Phòng Thương mại thành phố Grenoble đã nộp đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời với lý do hành vi vi phạm gây thiệt hại cho công ty Lustucru và cho nền kinh tế của thành phố. Quyết định của Hội đồng Cạnh tranh đối với vụ việc này không hề đề cập việc Phòng Thương mại có hay không có thẩm quyền đứng ra bảo vệ quyền lợi của công ty Lustucru, trong khi câu chữ của văn bản luật (xâm hại đến quyền lợi của doanh nghiệp khiếu nại) dường như muốn nói rằng chính doanh nghiệp phải tự đứng ra để khiếu nại hành vi xâm hại đến quyền lợi của mình<sup>12</sup>.

**1511.** Có hai quy định cho phép Hội đồng Cạnh tranh xác minh tốt hơn lợi ích của người đứng đơn trong việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

- Điều 12, Nghị định số 86-1309 ngày 29-12-1986 quy định cụ thể rằng yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể được đưa ra vào bất kỳ thời điểm nào của quá trình tố tụng, nhưng phải nêu rõ lý do yêu cầu;

---

12. Quyết định của Hội đồng Cạnh tranh ngày 29-9-1987, *Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*, số 292.

- Điều L.464-1 Bộ luật Thương mại quy định: trước khi quyết định áp dụng hay không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Hội đồng Cạnh tranh bắt buộc phải nghe tường trình của bên bị khiếu nại và ý kiến của Ủy viên Chính phủ.

Như vậy, mặc dù cần phải tiến hành nhanh, nhưng thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cũng phải bảo đảm tính tranh tụng.

Điều đáng chú ý là trong một số trường hợp, Hội đồng Cạnh tranh không chỉ nêu trong phần căn cứ mà còn nêu trong phần lý do của quyết định của mình về việc Hội đồng đã nghe ý kiến của bên bị khiếu nại<sup>13</sup>.

**1512.** Trong quá trình thẩm định yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, bên khiếu nại có quyền bổ sung mọi giấy tờ, tài liệu vào hồ sơ vào bất kỳ thời gian nào, nhưng phải bảo đảm để bên bị khiếu nại có thời gian hợp lý để tìm hiểu và thực hiện quyền bào chữa của họ<sup>14</sup>.

## **2) Điều kiện để Hội đồng Cạnh tranh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời**

Để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải tuân thủ đầy đủ hai điều kiện, trong đó một điều kiện được quy định trong luật, một điều kiện hình thành từ thực tiễn thi hành pháp luật của Hội đồng Cạnh tranh và từ án lệ của Tòa án Phúc thẩm Paris<sup>15</sup>.

---

13. Ví dụ: Quyết định số 88-MC-07 ngày 7-6-1988, *Isa-France c/Canon France*.

14. Hội đồng Cạnh tranh, Quyết định số 01-MC-06 ngày 19-12-2001, *Télé 2 et Cegetel /France Télécom*, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* ngày 28-2-2002; Quyết định số 01-MC-07 ngày 21-12-2001, *Kosmos /France Télécom*, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* ngày 28-2-2002.

15. Về tính chất là yêu cầu phụ của yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, xem bình luận về Quyết định số 763 trong *Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*.

**a. Điều kiện thứ nhất: đơn khiếu nại vụ việc cạnh tranh phải đủ điều kiện thụ lý về mặt nội dung**

**1513.** Điều kiện này liên quan đến tính chất của hành vi bị khiếu nại: đó phải là một hành vi "phản cạnh tranh", tức là một trong những hành vi quy định tại các điều L.420-1, L.420-2 và L.420-5 Bộ luật Thương mại.

**1514.** Yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không thể được đưa ra một cách độc lập với đơn khiếu nại vụ việc cạnh tranh. Yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời luôn luôn là yêu cầu phụ trong đơn khiếu nại. Vấn đề này đã được quy định cụ thể tại Điều 42, Nghị định ngày 30-4-2002.

Như vậy, nếu Hội đồng Cạnh tranh chỉ ra quyết định từ chối áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà không ra quyết định không thụ lý hoặc bác đơn khiếu nại, thì tức là Hội đồng đã ngầm quyết định thụ lý đơn khiếu nại và tiến hành giải quyết vụ việc về mặt nội dung. Sau khi kết thúc quá trình tố tụng, Hội đồng Cạnh tranh sẽ ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh. Quyết định giải quyết yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không ảnh hưởng đến nội dung của quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, và cũng không cản trở việc ban hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

Hội đồng Cạnh tranh đã ngầm thể hiện như vậy trong quyết định *Adira*<sup>16</sup> ngày 8-12-1987 và trong quyết định *SP Metal* năm 1988<sup>17</sup>.

**1515.** Ngoài ra, vì chỉ là một yêu cầu phụ cho nên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chỉ được thụ lý khi đơn khiếu nại vụ việc cạnh tranh đủ điều kiện thụ lý và bản thân yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cũng đủ điều kiện thụ lý.

16. *Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*, số 300.

17. 88-MC-06, *Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*, số 314.

**1516.** Trước đây, ở giai đoạn xem xét yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, tức là trước khi tiến hành điều tra vụ việc cạnh tranh, không cần thiết phải chứng minh hoặc khẳng định chắc chắn sự tồn tại của hành vi vi phạm. Hội đồng Cạnh tranh chỉ cần xác định rằng hành vi vi phạm có nhiều khả năng tồn tại là đã có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời<sup>18</sup>.

Nhưng Tòa án Phúc thẩm Paris đã làm cho vấn đề trở nên phức tạp hơn khi tuyên bản án *Semavem c/Sony*, ngày 19-10-1987. Tòa án Phúc thẩm đã căn cứ vào một số quy định quen thuộc liên quan đến thủ tục xét xử nhanh nêu tại Khoản 1, Điều 809, Bộ luật Tố tụng hình sự mới.

Tòa án Phúc thẩm đã phân biệt hai trường hợp được phép áp dụng quy định tại Điều 12 Pháp lệnh năm 1986, nay là Điều L.464-1 Bộ luật Thương mại: thứ nhất là trường hợp hành vi bị khiếu nại "*cấu thành hành vi vi phạm rõ ràng*", và trường hợp thứ hai là hành vi bị khiếu nại "*có khả năng gây ra thiệt hại tức thì và chắc chắn*".

Tiếp đó, Tòa án Phúc thẩm Paris thậm chí còn tiến thêm một bước theo hướng hạn chế khả năng áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, bởi vì trong bản án ngày 4-2-1988 về quyết định *Adira* của Hội đồng Cạnh tranh, Tòa án yêu cầu phải bảo đảm được đồng thời hai điều kiện quy định tại Điều 809 của Bộ luật Tố tụng hình sự mới, trong khi theo điều luật này thì đó là hai điều kiện không đồng thời.

Như vậy, chúng ta có quyền đặt ra câu hỏi: phải chăng cần phải xác định được chắc chắn về sự tồn tại của hành vi vi phạm quy định tại các điều 7 và 8 của Pháp lệnh năm 1986, nay là Điều L.420-1 và L.420-2 của Bộ luật Thương mại, thì mới được áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, trong khi trước kia chỉ cần suy đoán là đủ? Và nếu như vậy thì phải chăng quyết định

---

18. Hội đồng Cạnh tranh, ngày 25-3-1987, *SEDA c/JVC*.

về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã giải quyết luôn về nội dung vụ việc cạnh tranh?

Cho dù thế nào đi chăng nữa thì Hội đồng Cạnh tranh cũng đã từng bổ sung thêm những điều kiện đó vào những điều kiện do luật định và những điều kiện được hình thành từ thực tiễn áp dụng pháp luật của Hội đồng: Hội đồng từng cho rằng theo quy định tại Điều 12, Pháp lệnh năm 1986, nay là Điều L.464-1 Bộ luật Thương mại, các biện pháp khẩn cấp tạm thời chỉ được áp dụng nếu xác định được những hành vi "*vi phạm pháp luật rõ ràng*" và cấu thành hành vi bị cấm<sup>19</sup>.

Về sau này, Hội đồng Cạnh tranh thường xuyên áp dụng quan điểm của Tòa án Phúc thẩm Paris nêu trong bản án *Semavem c/Sony* năm 1987, chứ không áp dụng quan điểm cho rằng cần phải đồng thời hội đủ hai điều kiện như được nêu trong bản án *Adira*, mặc dù bản án này được tuyên sau bản án *Semavem c/Sony*.

Ví dụ, Hội đồng Cạnh tranh đã từng bác bỏ một yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời với lý do "*không xác định được hành vi vi phạm rõ ràng cần ngăn chặn một cách khẩn cấp hoặc hành vi có khả năng gây thiệt hại tức thì và chắc chắn*". Và cũng chính trong quyết định đó, Hội đồng khẳng định không loại trừ khả năng các hành vi bị khiếu nại có thể ảnh hưởng đến thị trường và do vậy cần tiến hành xem xét về mặt nội dung<sup>20</sup>.

Tương tự như vậy, Hội đồng Cạnh tranh đã từ chối yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của công ty M.Jean Chapelle đối với công ty Sony France với lý do bên khiếu nại đã

19. Hội đồng Cạnh tranh, Quyết định số 88-MC-07 ngày 7-6-1988, *Isa France c/Canon France*, Phụ lục tạp chí ADCC Lamy, số 322.

20. Quyết định số 88-MC-08 ngày 6-7-1988, *Seda c/JVC*, Phụ lục tạp chí ADCC Lamy, số 327.

*"không cung cấp được bằng chứng nào cho thấy tính chất phản cạnh tranh rõ ràng của các hành vi bị khiếu nại"*<sup>21</sup>.

Như vậy là trong một thời gian dài, Hội đồng Cạnh tranh đã thực hiện theo đúng quan điểm của Tòa án Phúc thẩm Paris, tức là quan điểm sử dụng những điều kiện của thủ tục xét xử nhanh trong tổ tụng truyền thống để bổ sung vào các điều kiện áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tổ tụng cạnh tranh quy định tại Pháp lệnh năm 1986. Mục đích của nhà làm luật là bảo đảm hiệu lực của quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, và ngăn chặn những thiệt hại không thể khắc phục được. Nhưng bên cạnh đó, Tòa án Phúc thẩm đã áp đặt thêm mô hình truyền thống: Tòa đã yêu cầu Hội đồng Cạnh tranh hành động giống như thẩm phán phụ trách thủ tục xét xử nhanh, tức là áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để ngăn chặn những hành vi rõ ràng là vi phạm pháp luật nhiều hơn là để bảo đảm hiệu lực của quyết định xử lý vụ việc sau này.

Kết quả của quá trình phát triển trên là đã bổ sung thêm vào quy định trong văn bản luật, trên cơ sở kết hợp đồng thời các điều kiện về khả năng xâm hại đến cạnh tranh của hành vi, mức độ nghiêm trọng của thiệt hại mà bên khiếu nại có nguy cơ phải gánh chịu, khả năng xâm hại của hành vi đến tổng thể nền kinh tế hoặc lợi ích của người tiêu dùng.

**1517.** Tuy nhiên, kể từ năm 1998 trở lại đây, Hội đồng Cạnh tranh đã tỏ ra sẵn sàng hơn trong việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời. Điều này đã được thể hiện trong cách giải quyết của Hội đồng đối với yêu cầu của công ty Arenis Leo<sup>22</sup>. Hội đồng không còn khép kín trong những quan điểm mang tính hạn chế của Tòa án Phúc thẩm Paris và của Tòa án Tư pháp tối cao,

---

21. Quyết định số 89-MC-05, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* ngày 9-3-1989.

22. Quyết định số 98-MC-07, Yêu cầu của Công ty Arenis Leo, ngày 15-7-1998, *Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*, số 763.

theo đó các biện pháp khẩn cấp tạm thời chỉ có thể được áp dụng khi xác định được những hành vi cấu thành sự vi phạm pháp luật rõ ràng hoặc có khả năng gây thiệt hại tức thì và chắc chắn.

Ngày nay, để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Hội đồng chỉ cần *"xác định được những hành vi có khả năng bị áp dụng quy định cấm tại các điều 7 và 8, Pháp lệnh năm 1986 và cần phải được ngăn chặn kịp thời để ngăn ngừa hoặc chấm dứt những thiệt hại nghiêm trọng và tức thì đối với nền kinh tế nói chung, đối với lợi ích của ngành, lĩnh vực liên quan, đối với lợi ích của người tiêu dùng hoặc lợi ích của doanh nghiệp khiêu nại"*<sup>23</sup>.

Tòa án Tư pháp tối cao đã chấp nhận cách tiếp cận này trong bản án *NC Numéricable* ngày 18-4-2000. Trong bản án đó, Tòa án Tư pháp tối cao khẳng định rằng các biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể được quyết định áp dụng *"ngay cả khi không xác định được rằng hành vi đó đã rõ ràng vi phạm pháp luật"*.

Bản thân Hội đồng Cạnh tranh cũng đã nhận định như sau khi trực tiếp giải quyết một yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

*"Hội đồng Cạnh tranh không cần phải khẳng định tính bất hợp pháp của những hành vi bị khiêu nại theo quy định tại Thiên II, Quyển IV, Bộ luật Thương mại, mà chỉ cần phải đánh giá xem những cáo buộc trong đơn khiêu nại có đủ căn cứ theo quy định tại Điều L.464-1 Bộ luật trên hay không, để cho phép Hội đồng xác định rằng không loại trừ các hành vi bị khiêu nại có khả năng cấu thành những hành vi xâm hại đến cạnh tranh trên thị trường"*<sup>24</sup>.

Việc tháo dỡ bớt các điều kiện áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời như trên là rất cần thiết, đặc biệt là trong bối cảnh mà

23. Quyết định số 98-MC-06, ngày 1-7-1998, *Sea France*.

24. Quyết định số 2000-MC-16, ngày 7-11-2000, *Công ty Flavelab*.

thời hạn tổ tụng trước Hội đồng Cạnh tranh đã và đang tiếp tục gia tăng.

Đáng tiếc là thỉnh thoảng, Hội đồng Cạnh tranh vẫn tiếp tục quy chiếu đến khái niệm "hành vi cấu thành sự vi phạm pháp luật"<sup>25</sup>.

Tuy nhiên, việc Hội đồng Cạnh tranh đưa ra những đòi hỏi chặt chẽ trong việc đánh giá chứng cứ ban đầu là hoàn toàn lôgích, bởi vì nếu chấp nhận thụ lý yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì có nghĩa là Hội đồng cũng đã ngầm chấp nhận thụ lý đơn khiếu nại về mặt nội dung.

#### ***b. Điều kiện thứ hai: thiệt hại nghiêm trọng và tức thì***

**1518.** Điều kiện thứ hai để áp dụng các điều 464-1 và 464-7 Bộ luật Thương mại là một điều kiện rõ ràng và ổn định hơn, bởi vì nó được quy định trong luật chứ không hình thành từ án lệ: hành vi bị khiếu nại trong đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải gây ra những thiệt hại nghiêm trọng và tức thì đối với nền kinh tế nói chung, hoặc đối với lợi ích của ngành, lĩnh vực liên quan, hoặc đối với lợi ích của người tiêu dùng hoặc của doanh nghiệp khiếu nại.

Nếu nhìn bề ngoài thì có thể tưởng rằng Hội đồng Cạnh tranh đã bổ sung một cách hết sức hợp lý một số lợi ích khác vào danh sách các lợi ích nêu tại Điều L.464-1 Bộ luật Thương mại, tức là những lợi ích mà chỉ khi nào chúng bị xâm hại nghiêm trọng và tức thì bởi hành vi phản cạnh tranh thì hành vi đó mới bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Cụ thể, Hội đồng Cạnh tranh cũng có thể xem xét "*sự nguy hại nghiêm trọng và tức thì mà hành vi có thể gây ra cho hoạt động cạnh tranh*" trên một thị trường. Hội đồng Cạnh tranh thực tế đã xem xét thêm điều kiện

---

25. Ví dụ: Quyết định số 2001-MC-06, *Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*, 876-23.



này khi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với một số hành vi mà Hội đồng đánh giá là có khả năng gây ra những hệ quả lâu dài và mang tính cơ cấu đối với các điều kiện cạnh tranh<sup>26</sup>.

Tuy nhiên, trong thực tế, Hội đồng Cạnh tranh chưa từng có ý định hoàn thiện danh sách quy định tại Điều L.464-1, mà chỉ giải thích khái niệm *"thiệt hại đối với ngành, lĩnh vực liên quan"*, với việc khẳng định rằng hoạt động cạnh tranh bền vững trong mỗi ngành, mỗi lĩnh vực kinh tế là yêu cầu vô cùng quan trọng và do đó cần bảo đảm những điều kiện cần thiết để duy trì sự cạnh tranh đó.

Luật không quy định tính không thể khắc phục được của thiệt hại là một điều kiện để thụ lý yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

1519. Nhưng luật đòi hỏi phải có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi bị khiếu nại với những thiệt hại nghiêm trọng và tức thì gây ra đối với một trong những lợi ích do luật định.

Theo Tòa án Tư pháp tối cao<sup>27</sup>, chỉ cần hội đủ hai điều kiện bao gồm: thiệt hại nghiêm trọng và mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại với hành vi:

*"Nhưng các biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể được Hội đồng Cạnh tranh quyết định áp dụng trên cơ sở quy định tại Điều 12, Pháp lệnh ngày 1-12-1986 trong giới hạn của tình thế cấp thiết, trong trường hợp có những thiệt hại nghiêm trọng và tức thì đối với nền kinh tế nói chung, đối với ngành, lĩnh vực liên quan, đối với lợi ích của người tiêu dùng hoặc của doanh nghiệp khiếu nại, ngay cả khi không xác định được trước những hành vi rõ ràng vi phạm quy định tại các*

26. Quyết định số 02-MC-03 ngày 27-2-2002, *T-Online contre France Télécom*, Phụ lục tạp chí ADCC Lamy, số 882-28 đến 31.

27. Tòa án Thương mại - Tòa án Tư pháp tối cao, ngày 18-4-2000, *France Télécom/NC Numéricable*.

điều 7, 8 hoặc 10-1 Pháp lệnh ngày 1-12-1986, một khi các hành vi bị khiếu nại và bị điều tra để xem xét giải quyết theo thủ tục về mặt nội dung đã thể hiện đầy đủ những đặc điểm cần thiết để có thể bị coi là nguyên nhân trực tiếp và chắc chắn của những thiệt hại xảy ra".

**1520.** Với tư cách là cơ quan có trách nhiệm bảo đảm sự vận hành của thị trường, Hội đồng Cạnh tranh quan tâm đến những thiệt hại gây ra cho cạnh tranh nhiều hơn so với những thiệt hại gây ra đối với lợi ích của doanh nghiệp khiếu nại. Hội đồng Cạnh tranh thường không chấp nhận yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nếu như yêu cầu đó chỉ căn cứ vào một thiệt hại về tài chính hoặc tài sản, trừ trường hợp hành vi bị khiếu nại đe dọa nghiêm trọng đến sự tồn tại của doanh nghiệp khiếu nại và qua đó xâm hại đến cạnh tranh<sup>28</sup>.

**1521.** Cũng cần chú ý rằng nếu hành vi bị khiếu nại chỉ làm cho doanh nghiệp mất đi một khoản lợi lẽ ra được hưởng thì cũng không thể bị coi là đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng và tức thì để có thể bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời<sup>29</sup>.

### **3) Thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời**

**1522.** Theo quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật thì Hội đồng Cạnh tranh là cơ quan có quyền ra quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

**1523.** Trong thực tiễn, vì các yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời luôn cần phải được xem xét giải quyết một cách khẩn cấp, cho nên Hội đồng Cạnh tranh đã giao thẩm

28. Quyết định số 99-MC-01, NC Numéricable.

29. Tòa án Thương mại - Tòa án Tư pháp tối cao, Quyết định số 01-MC-04, ngày 24-9-2001, Pharmadex c/Lilly France et Pfizer France, Phụ lục tạp chí ADCC Lamy, số 867-18 và 27 đến 33.

quyền xem xét và ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cho Ủy ban Thường trực, bao gồm Chủ tịch và ba Phó Chủ tịch của Hội đồng Cạnh tranh, tức là cho bốn thành viên thường trực của Hội đồng.

Mặc dù đã có một số ý kiến phản đối cách làm này, nhưng tính hợp pháp của nó đã được khẳng định qua hai bản án: một bản án do Tòa án Hành chính tối cao tuyên trước thời điểm chuyển giao thẩm quyền kiểm tra, giám sát các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh từ Tòa án này cho Tòa án Phúc thẩm Paris (bản án *JVC c/SEDA*) và một bản án do Tòa án Phúc thẩm Paris tuyên sau thời điểm chuyển giao thẩm quyền đó (bản án *Semavem c/Sony*, ngày 19-10-1987).

Đáng tiếc là bản án của Tòa án Phúc thẩm Paris đã đặt ra một vấn đề: trái ngược với sự rõ ràng và cụ thể của bản án của Tòa án Hành chính tối cao, bản án của Tòa án Phúc thẩm Paris cho phép các bên được quyền khiếu nại quyết định giải quyết yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Ủy ban Thường trực lên Hội đồng Cạnh tranh thành phần đầy đủ. Để đưa ra quan điểm này, Tòa án Phúc thẩm Paris đã viện dẫn quy định tại Điều 22 cũ của Pháp lệnh năm 1986. Điều luật này thừa nhận khả năng khiếu nại đó đối với các quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo thủ tục rút gọn<sup>30</sup>.

Việc thừa nhận khả năng khiếu nại quyết định giải quyết yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tương tự như khả năng khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo thủ tục rút gọn như trên đã gây nhiều tranh cãi, vì hai lý do. Thứ nhất, việc dành cho các bên quyền khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo thủ tục rút gọn là hoàn toàn hợp lý, bởi vì tuy

---

30. Về nội dung này, Điều 22 sau đó đã được sửa đổi theo quy định tại Điều 7, Luật ngày 1-7-1996 về bảo đảm sự lành mạnh và cân bằng trong các quan hệ thương mại.

là thủ tục rút gọn, nhưng quyết định đưa ra theo thủ tục này vẫn mang tính trấn áp và có thể kèm theo chế tài; trong khi đó, việc khiếu nại quyết định giải quyết yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời lại hoàn toàn không cần thiết, bởi vì đó chỉ là quyết định tạm thời chứ không phải là quyết định xử lý cuối cùng.

Thứ hai, cơ chế khiếu nại quyết định giải quyết yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời lên Hội đồng Cạnh tranh thành phần đầy đủ rất không phù hợp với yêu cầu xử lý những tình huống khẩn cấp.

Tuy nhiên, Hội đồng Cạnh tranh cũng đã đồng tình với quan điểm của giới nghiên cứu và dường như đã nhìn nhận phán quyết nêu trên của bản án ngày 19-10-1987 như một sai sót của Tòa án Phúc thẩm Paris. Sở dĩ nói như vậy là vì Hội đồng Cạnh tranh đã không tuân thủ theo phán quyết đó trong một quyết định sau này của mình: Hội đồng Cạnh tranh đã không chấp nhận đơn khiếu nại của Công ty M.Jean Chapelle đối với quyết định giải quyết yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời<sup>31</sup>.

Hội đồng Cạnh tranh đã trả lời một cách rất rõ ràng rằng: quyền khiếu nại lên Hội đồng Cạnh tranh thành phần đầy đủ quy định tại Điều 22, Pháp lệnh năm 1986 không áp dụng đối với các quyết định giải quyết yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

#### **4) Nội dung và hiệu lực của quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời**

**1524.** Các biện pháp khẩn cấp tạm thời không được phép vượt quá mức cần thiết. Đây chính là sự thể hiện của nguyên tắc tương xứng. Nguyên tắc này cũng được Tòa án Công lý của Liên minh châu Âu xác định đối với các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong pháp luật Liên minh châu Âu.

---

31. Quyết định số 88-MC-15 ngày 29-10-1988, *Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*, số 337.

Các biện pháp khẩn cấp tạm thời bao gồm:

- Đình chỉ việc thực hiện hành vi bị khiếu nại. Ví dụ, Tòa án Phúc thẩm Paris đã từng giữ nguyên một quyết định của Hội đồng Cạnh tranh, buộc Nghiệp đoàn các doanh nghiệp sản xuất phim quảng cáo phải gửi thư để yêu cầu các doanh nghiệp thành viên ngừng thực hiện lệnh tẩy chay đối với một doanh nghiệp<sup>32</sup>.
- Buộc tái lập tình trạng ban đầu.

Các biện pháp trên đây có thể được áp dụng một cách riêng lẻ hoặc đồng thời. Trong thực tiễn, các biện pháp đó không bị giới hạn và có thể được áp dụng "*dưới nhiều hình thức khác nhau*"<sup>33</sup>. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể có nội dung buộc doanh nghiệp phải thực hiện các yêu cầu khác, miễn là bảo đảm được nguyên tắc tương xứng. Ví dụ: trước khi Luật về các biện pháp điều tiết kinh tế mới được ban hành, Hội đồng Cạnh tranh cũng đã từng buộc một số công ty sản xuất bê tông trộn sẵn phải chấm dứt việc bán sản phẩm với mức giá thấp hơn biến phí sản xuất trung bình. Tương tự như vậy, Hội đồng Cạnh tranh và Tòa án Phúc thẩm Paris cũng đã từng áp dụng một biện pháp khẩn cấp tạm thời mà nội dung của biện pháp đó là buộc doanh nghiệp bị khiếu nại phải thực hiện một số hoạt động, chứ không phải là tái thiết lập tình trạng ban đầu<sup>34</sup>.

**1525.** Năm 2001, Luật về các biện pháp điều tiết kinh tế mới đã mở rộng khả năng áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời: kể từ thời điểm đó, Hội đồng Cạnh tranh không còn bị giới hạn

---

32. Quyết định ngày 4-7-1990, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại*, ngày 20-7-1990 (tr. 271) và Bản án của Tòa án Phúc thẩm Paris, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại*, ngày 28-8-1990 (tr. 336).

33. Tòa án Thương mại - Tòa án Tư pháp tối cao, ngày 4-2-1997, *Société Béton de France, SMB et Bétons Chantiers du Var*.

34. Hội đồng Cạnh tranh, Quyết định số 2000-MC-01, *Société 9 Télécom Réseau*.

trong phạm vi yêu cầu của bên khiếu nại và của Bộ trưởng Bộ Kinh tế. Hội đồng không chỉ có quyền áp dụng các biện pháp do bên khiếu nại yêu cầu, mà còn có thể áp dụng mọi biện pháp "cần thiết" khác, với điều kiện phải bảo đảm được nguyên tắc tương xứng.

Khi đặt ra quy định trên, nhà lập pháp đã phần nào *hậu hợp pháp hóa* một xu hướng án lệ tồn tại từ trước, theo đó các cơ quan hành chính và tư pháp có thể buộc người vi phạm phải thực hiện những biện pháp tuy không vượt quá mức cần thiết nhưng cũng không có trong đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, và cũng không có nội dung "*đình chỉ thực hiện một hành vi đang diễn ra*" hoặc "*buộc tái lập tình trạng ban đầu*"<sup>35</sup>.

**1526.** Chúng ta có thể đặt câu hỏi: khi đặt ra một quy định như vậy để ngăn ngừa sự vô hiệu của các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của các cơ quan bảo vệ trật tự cạnh tranh, nhà lập pháp phải chăng đã buộc các cơ quan đó phải sử dụng đến quyền hạn mới này của họ? Thật vậy, một khi Hội đồng Cạnh tranh, hay nói cách khác là tập thể các thành viên của Hội đồng, được quyền áp dụng những biện pháp không có trong đơn yêu cầu và không được báo cáo viên thông báo cho bên bị khiếu nại (vì báo cáo viên không có trách nhiệm phải trình báo cáo về những nhận định cuối cùng của mình lên tập thể Hội đồng Cạnh tranh) thì lúc đó quyền bào chữa của bên bị khiếu nại theo quy định tại Điều L.463-1 sẽ không được bảo đảm. Sẽ không thỏa đáng nếu như quyết định của Hội đồng Cạnh tranh chỉ căn cứ vào đề xuất bằng lời nói của báo cáo viên tại phiên họp giải quyết yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, càng không thỏa đáng nếu như Hội đồng Cạnh tranh quyết định những biện pháp mà Hội đồng cho là phù hợp nhưng lại không

---

35. Tòa án Thương mại - Tòa án Tư pháp tối cao, ngày 4-2-1997, *Société Béton de France, SMB et Bétons Chantiers du Var*.

được báo cáo viên đề xuất trước sự có mặt của các bên.

Như vậy, trừ trường hợp các bên được dành một thời hạn để có thể đưa ra ý kiến của họ về các biện pháp được đề xuất tại phiên họp, Hội đồng Cạnh tranh không nên quyết định áp dụng những biện pháp khẩn cấp tạm thời không có trong đơn yêu cầu và không được báo cáo viên đề xuất. Ngoài ra, nếu báo cáo viên có đề xuất thì đề xuất này phải được thông báo bằng văn bản cho các bên vài ngày trước khi mở phiên họp.

Không có gì ngăn cản Hội đồng Cạnh tranh đưa yêu cầu này vào Quy chế hoạt động của mình. Nếu Hội đồng Cạnh tranh không làm việc đó, thì Chính phủ cần có quy định để bảo đảm nguyên tắc tranh tụng của tố tụng cạnh tranh.

Trong mọi trường hợp, Hội đồng Cạnh tranh không được phép áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời dưới hình thức phạt tiền. Liên hiệp các doanh nghiệp nhập khẩu rau quả đã từng đưa ra yêu cầu áp dụng biện pháp này trong đơn khiếu nại về một số hành vi phối hợp cùng hành động của một số hiệp hội các nhà sản xuất trong nước, vì lý do các hiệp hội này đã đưa ra những yêu cầu và đòi hỏi đối với các nhà phân phối rau quả nhằm mục đích hạn chế khả năng tiếp cận thị trường của rau quả nhập khẩu. Tuy nhiên, Hội đồng Cạnh tranh đã từ chối yêu cầu này<sup>36</sup>.

**1527.** Các quyết định liên quan đến việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải nêu rõ căn cứ và phải được công bố trên *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại*.

Yêu cầu trên đây xuất phát từ hai lý do:

Thứ nhất, tất cả quyết định liên quan đến việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đều có hiệu lực bắt buộc và Hội đồng

---

36. Quyết định số MC-05 ngày 7-9-1993, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* ngày 15-10-1993.

Cạnh tranh có thể tuyên phạt tiền đối với người nào không tuân thủ các quyết định đó.

Thứ hai, quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời chịu sự kiểm tra, giám sát của tòa án, tức là có thể bị khởi kiện ra trước Tòa án Phúc thẩm Paris. Chúng ta sẽ nghiên cứu thủ tục khởi kiện này trong phần giới thiệu về hoạt động kiểm tra, giám sát của tòa án đối với các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh<sup>37</sup>.

**1528.** Hiệu lực của các quyết định liên quan đến việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bị giới hạn về mặt thời gian: các quyết định đó chỉ có hiệu lực trong thời gian tiến hành thủ tục giải quyết vụ việc cạnh tranh, tức là cho đến khi Hội đồng Cạnh tranh ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh<sup>38</sup>.

Cơ chế áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời rất được doanh nghiệp ưa dùng. Tuy nhiên, cũng có quá nhiều yêu cầu không bảo đảm đúng quy định của pháp luật đến mức Hội đồng Cạnh tranh phải luôn rất thận trọng để không xảy ra tình trạng lạm dụng. Chính vì lẽ đó cho nên Hội đồng thường xuyên ra các quyết định bác đơn yêu cầu và có xu hướng bổ sung thêm các điều kiện thụ lý<sup>39</sup>.

**1529.** Chúng ta có thể đặt câu hỏi: liệu có nên bổ sung một quy định pháp luật cho phép đình chỉ việc giải quyết vụ việc cạnh tranh trong trường hợp việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời đã loại bỏ được tranh chấp và các bên đã thỏa thuận về việc rút đơn khiếu nại. Điều này có lẽ là cần thiết đối

---

37. Xem mục 1662 và các mục tiếp theo.

38. Tòa án Phúc thẩm Paris, ngày 16-2-1999, *LNF/Adidas*.

39. Tài liệu tham khảo: Bình luận của V.Sélinsky, *Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*, số 287; Bình luận của Monique Bandrac, *Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*, số 297; "Thủ tục ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời" của tác giả Fabienne Bibel, *Tạp chí cạnh tranh và tiêu dùng*, số 117, tháng 9 và tháng 10-2000.



với các lĩnh vực công nghệ cao và liên tục phát triển, ví dụ như lĩnh vực viễn thông, bởi vì trong các lĩnh vực này, các biện pháp khẩn cấp tạm thời là rất hữu ích và hiệu quả, trong khi các quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh lại phải mất thời gian và khi ban hành thì không còn phù hợp với thực tế.

## MỤC II

### **CÁC BIỆN PHÁP THÔNG THƯỜNG ĐƯỢC ÁP DỤNG SAU KHI KẾT THÚC THỦ TỤC TỔ TỤNG CẠNH TRANH**

Biện pháp thông thường là các biện pháp được áp dụng sau khi kết thúc thủ tục tố tụng mà không có tính chất khẩn cấp tạm thời.

Chúng ta sẽ lần lượt xem xét:

- Các bản án, quyết định của Tòa án (§1);
- Các loại quyết định của Hội đồng Cạnh tranh (§2);
- Điểm giống nhau trong các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh (§3);
- Các quyết định của Ủy ban châu Âu (§4).

#### **§1. Quyết định của Tòa án**

**1530.** Xin nhắc lại<sup>40</sup>, toà án dân sự và thương mại chỉ có thể tuyên bố vô hiệu đối với các văn bản, thoả thuận hay điều khoản được quy định trong các thoả thuận đó, và quyết định về việc bồi thường thiệt hại.

Ngoài ra, toà án tiểu hình còn có thể:

**1531.** a) Áp dụng chế tài quy định tại Điều L.420-6 của Bộ

---

40. Xem phần trên, mục 1097 và tiếp theo.

luật Thương mại (Điều 17 Pháp lệnh năm 1986) đối với cá nhân đã trực tiếp tham gia và đóng góp một phần quyết định vào việc xây dựng, tổ chức hoặc thực hiện hành vi phản cạnh tranh.

Các chế tài quy định tại điều này bao gồm:

- phạt tù tối đa là bốn năm;
- phạt tiền tối đa là 75.000 euro.

Tòa án có thể yêu cầu công bố bản án trên những tờ báo do mình chỉ định, chi phí do bên bị xử lý thanh toán.

**1532.** b) Áp dụng các chế tài quy định tại Điều L.443-2 của Bộ luật Thương mại (Điều 52-1 của Pháp lệnh năm 1986), trong đó một số chế tài được xây dựng dựa trên quy định tại Điều 412 trước đây của Bộ luật Hình sự<sup>41</sup>.

Đó là giới hạn về thẩm quyền của toà án khi áp dụng chế tài đối với các hành vi phản cạnh tranh, nếu không tính đến thẩm quyền đặc biệt pháp luật quy định cho Tòa án Phúc thẩm Paris và Tòa án Tư pháp tối cao trong việc kiểm tra và sửa đổi các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh<sup>42</sup>.

## **§2. Quyết định của Hội đồng Cạnh tranh**

### **A. PHẠT TIỀN**

#### **1) Nội dung và hiệu lực cưỡng chế của các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh**

Rất nhiều quyết định được ban hành trong quá trình kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh chủ yếu chỉ có tính tố tụng chứ không có nội dung quy phạm hay hiệu lực cưỡng chế.

Ví dụ, vào năm 1995, một nửa trong số các quyết định do

---

41. Xem phần trên, mục 1132.

42. Đã dẫn, Quyển 3, Chương 4, mục 2.

Hội đồng Cạnh tranh ban hành là nhằm điều chỉnh một hành vi sai lệch về cạnh tranh trên thị trường. Tổng số các quyết định từ chối tiếp nhận đơn, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định không đưa vụ việc ra xét xử và tạm đình chỉ xét xử là 48, đúng bằng số quyết định có tính cưỡng chế được ban hành sau khi tổng đạt các căn cứ khiếu nại.

Hội đồng Cạnh tranh có thể tính đến các tình huống cụ thể để ra quyết định xử lý bằng nhiều mức chế tài khác nhau.

## 2) Phạt tiền

**1533.** Chế tài mà Hội đồng Cạnh tranh hay áp dụng nhất là phạt tiền. Ví dụ, năm 1995, trên tổng số 48 quyết định được ban hành sau khi có báo cáo điều tra thì đã có 38 quyết định phạt tiền.

Báo cáo này cho phép chúng ta nhận định chính xác hơn về số lượng các quyết định phạt tiền so với con số mà Hội đồng Cạnh tranh đã công bố hồi tháng 2-2002, nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập: chỉ có 363 quyết định có kèm theo chế tài phạt tiền trên tổng số 1.445 "*quyết định giải quyết vụ việc cạnh tranh*", nhưng phần lớn trong số các quyết định này không được tính vì không thể kèm theo chế tài phạt tiền: quyết định từ chối tiếp nhận đơn, quyết định không đưa vụ việc ra xét xử, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, v.v.. Tương tự như vậy, trong năm 2000, Hội đồng Cạnh tranh đã áp dụng chế tài trên 1/4 số quyết định đã được ban hành (28 lần trên tổng số 111 quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh).

**1534.** Các quyết định phạt tiền có thể được áp dụng trực tiếp, nghĩa là được đưa ra trong phần quyết định của "quyết định" xử lý vụ việc cạnh tranh, hoặc trong trường hợp không thi hành hay thi hành không đầy đủ một quyết định đã được ban hành trước đó.

**1535.** Mặc dù Tòa án Phúc thẩm Paris xếp các chế tài hành

chính của Hội đồng Cạnh tranh<sup>43</sup> cùng hàng với các chế tài hình sự để có thể viện dẫn quy định tại Điều 6 của Công ước châu Âu về bảo vệ quyền con người<sup>44</sup>, nhưng không cho phép thừa nhận rằng các chế tài này có tính hình sự.

**1536.** Phạt tiền chỉ được áp dụng đối với pháp nhân. Về điểm này, pháp luật cạnh tranh đã đi trước pháp luật hình sự 15 năm vì mãi đến cuối năm 1992, Bộ luật Hình sự sửa đổi mới cho phép áp dụng chế tài đối với pháp nhân trong khi nó đã được phi hình sự hoá để áp dụng từ năm 1977 trong lĩnh vực pháp luật cạnh tranh.

**1537.** Hội đồng Cạnh tranh chỉ được áp dụng chế tài phạt tiền đối với cá nhân nếu cá nhân đó gắn liền với pháp nhân (ví dụ, công ty một thành viên). Nếu xét thấy các tình tiết trong vụ việc có thể cho phép áp dụng Điều L.420-6 của Bộ luật Thương mại (tức Điều 17, Pháp lệnh năm 1986), thì Hội đồng phải chuyển hồ sơ cho Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa án Sơ thẩm thẩm quyền rộng để xử lý.

Ví dụ, quy định này đã được áp dụng đối với hành vi cạnh tranh giả tạo trong vụ di chuyển thư viện thành phố Bordeaux<sup>45</sup>.

**1538.** Tiền phạt theo quyết định của Hội đồng Cạnh tranh không được coi là những khoản nghĩa vụ có thể khấu trừ<sup>46</sup> và phải thanh toán như một khoản nợ đối với Nhà nước chứ không liên quan đến thuế và tài sản<sup>47</sup>.

---

43. Tòa án Phúc thẩm Paris, Phân toà thứ nhất, Ban H, 19-1-1999, *SA Gerland Routes và một số công ty khác kháng cáo quyết định của Hội đồng Cạnh tranh, Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* ngày 29-1-1999.

44. Đã dẫn, số 1462.

45. Quyết định số 94-D-19, ngày 15-3-1994.

46. Điều 85, Luật số 2000-420 về các biện pháp điều tiết kinh tế mới, ngày 15-5-2001.

47. Điều L.464-4 của Bộ luật Thương mại.

### 3) Mức phạt tiền tối đa

**1539.** Luật ngày 15-5-2001 về các biện pháp điều tiết kinh tế mới đã tăng cường chế độ phạt tiền một cách đáng kể.

Theo quy định tại Điều L.464-2 của Bộ luật Thương mại, mức phạt tiền tối đa được ấn định khác nhau tùy theo đối tượng áp dụng có phải là một doanh nghiệp hay không.

**1540.** Nếu là doanh nghiệp, mức phạt tối đa là 10% doanh số toàn cầu trước thuế cao nhất của một trong những năm tính đến trước năm doanh nghiệp thực hiện hành vi vi phạm, nếu doanh số của năm đó cao hơn doanh số của năm ngay trước năm Hội đồng Cạnh tranh ra quyết định xử lý.

Nếu tài khoản đã được quyết toán thì doanh số được tính là con số ghi trong tài khoản đã được quyết toán.

Quy định chặt chẽ này nhằm ngăn ngừa việc doanh nghiệp tìm cách cải tổ để giảm căn cứ tính tiền phạt khi thấy mình có nguy cơ bị phạt tiền, vì họ biết rằng thủ tục tố tụng cạnh tranh thường kéo dài.

**1541.** Tòa án Phúc thẩm Paris yêu cầu phải ghi rõ doanh số được sử dụng làm căn cứ tính tiền phạt khi áp dụng chế tài phạt tiền đối với mỗi doanh nghiệp<sup>48</sup>.

Ban đầu, khi pháp luật chưa quy định cụ thể, Tòa án Phúc thẩm Paris đã cho rằng "nếu doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực, doanh số được sử dụng làm căn cứ tính tiền phạt là doanh số trong lĩnh vực doanh nghiệp đã thực hiện hành vi vi phạm"<sup>49</sup>.

---

48. Tòa án Phúc thẩm Paris, ngày 17-1-1991, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại*, ngày 31-1-1991.

49. Tòa án Phúc thẩm Paris, ngày 29-4-1993, *AGS ARMORIQUE và một số doanh nghiệp khác kháng cáo quyết định của Hội đồng Cạnh tranh*, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* số 8, ngày 18-5-1993.

Tuy nhiên, Tòa án Phúc thẩm đã thay đổi quan điểm và cho rằng doanh số được sử dụng làm căn cứ tính tiền phạt không được tính riêng trong từng lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp bị xử phạt<sup>50</sup>. Tòa án Tư pháp tối cao đã thừa nhận quan điểm này<sup>51</sup>.

**1542.** Nếu đối tượng bị xử lý không phải là doanh nghiệp (ví dụ, một nghiệp đoàn nghề nghiệp), thì chế tài phạt tiền tối đa là 3 triệu euro.

**1543.** Theo quy định tại Điều L.464-5, nếu Hội đồng Cạnh tranh xét xử theo thủ tục rút gọn, chế tài phạt tiền áp dụng cho mỗi người đã thực hiện hành vi vi phạm không được vượt quá 750.000 euro.

**1544.** Theo như nội dung đã được sửa đổi bởi luật ngày 15-5-2001 về các biện pháp điều tiết kinh tế mới, chế độ phạt tiền hiện nay nghiêm khắc hơn chế độ được áp dụng trước đây, do mức phạt cao hơn (10% thay vì 5%), căn cứ tính tiền phạt rộng hơn (doanh số toàn cầu chứ không chỉ ở Pháp) và khả năng lựa chọn doanh số của một trong những năm đã qua làm căn cứ tính tiền phạt.

Cơ chế mới không được áp dụng đối với các hành vi vi phạm thực hiện trước khi luật ngày 15-5-2001 có hiệu lực, vì nếu như vậy sẽ trái với quy định tại Điều 7.1 của Công ước châu Âu về nhân quyền<sup>52</sup>.

**1545.** Tuy nhiên, có một trường hợp trong đó chế độ phạt

---

50. Tòa án Phúc thẩm Paris, ngày 14-2-1995, *Công ty Auto DLC và một số công ty khác kháng cáo quyết định của Hội đồng Cạnh tranh*, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại*, ngày 10-3-1995, tr.67; Tòa án Phúc thẩm Paris, ngày 14-4-1995, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại*, ngày 18-5-1995.

51. Tòa án Tư pháp tối cao, ngày 3-5-1995, (*Bản tin số 5*, tháng 5-1995, tr.115).

52. (Luật về các biện pháp điều tiết kinh tế mới có trái với Công ước châu Âu về bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản?), luật sư Olivier Billard, *Les Echos*, 18-12-2001.

tiền mới tỏ ra khoan hồng hơn chế độ được áp dụng trước khi luật ngày 15-5-2001 có hiệu lực: Điều L.464-2.II của Bộ luật Thương mại cho phép Hội đồng Cạnh tranh giảm một nửa số tiền phạt tối đa nếu doanh nghiệp không phản đối các tình tiết nêu trong các căn cứ khiếu nại và đã cam kết điều chỉnh lại hành vi của mình trong tương lai. Biện pháp thoả hiệp phải được Báo cáo viên trưởng của Hội đồng Cạnh tranh đề xuất trong quá trình tiến hành thủ tục tố tụng.

Ngay từ lần đầu áp dụng quy định này<sup>53</sup>, Hội đồng Cạnh tranh đã quyết định:

- Chia đôi mức tiền phạt tối đa trên 10% doanh số;
- Tính giảm trên mức tối đa là 5% doanh số đã được xác định như trên;
- Để được giảm phạt, doanh nghiệp phải đưa ra một số cam kết và Hội đồng ra quyết định buộc doanh nghiệp thực hiện các cam kết đó.

Biện pháp thoả hiệp quy định tại Điều L.464-2.II cũng đã được áp dụng một lần nữa trong vụ máy tính bỏ túi của học sinh<sup>54</sup>. Đề xuất của Báo cáo viên trưởng chỉ được Hội đồng Cạnh tranh chấp nhận một phần.

#### **4) Phạt tiền vì chậm thực hiện yêu cầu của Hội đồng Cạnh tranh**

**1546.** Hội đồng Cạnh tranh đã được trao quyền áp dụng biện pháp phạt tiền vì chậm thực hiện nghĩa vụ đối với doanh nghiệp để buộc doanh nghiệp thi hành quyết định của Hội đồng

---

53. Quy định tại Điều L.464-2.II đã được áp dụng lần đầu ngày 20- 2-2003 trong vụ liên quan đến cảng tự chủ Marseille. Xem "Vụ cảng tự chủ Marseille, áp dụng biện pháp thoả hiệp lần đầu tiên trong lĩnh vực pháp luật cạnh tranh", Pierre Arbel, *Petites Affiches*, ngày 1 và 2-5-2003.

54. Hội đồng Cạnh tranh, quyết định số 03-D-45, ngày 25-12-2003.

Cạnh tranh và thực hiện các cam kết mà doanh nghiệp đã phải đưa ra kèm theo quyết định của Hội đồng Cạnh tranh.

Thẩm quyền này được trao cho Hội đồng Cạnh tranh bởi một pháp lệnh chuyển hóa quy định của Quy chế số 1/2003 hướng dẫn thi hành các điều 81 và 82 Hiệp ước Rome vào trong Bộ luật Thương mại.

### **5) Khả năng áp dụng chế tài phạt tiền**

**1547.** Khi một công ty có chi nhánh hoặc đại lý ở địa phương và một trong số các chi nhánh hoặc đại lý đó thực hiện hành vi vi phạm, căn cứ tính tiền phạt sẽ là toàn bộ doanh số của công ty chứ không chỉ là doanh số của chi nhánh hoặc đại lý đó.

Khoảng 10 doanh nghiệp đã có hành vi thỏa thuận cùng hành động trong vụ đấu thầu xây dựng một cây cầu bắc qua sông Durance. Hội đồng Cạnh tranh đã áp dụng tổng số tiền phạt là 12 triệu franc (1,8 triệu euro). Sau khi xem xét đơn kháng cáo, Tòa án Phúc thẩm Paris cho rằng việc công ty mẹ ủy quyền cho giám đốc các chi nhánh hoặc đại lý là chưa đủ để chứng tỏ tính tự chủ của các chi nhánh đó, vì những người này vẫn do công ty mẹ trả lương<sup>55</sup>.

Nếu chứng minh được rằng một đại lý, chi nhánh hay văn phòng khu vực thực sự có quyền tự quyết định và không phải làm theo chỉ thị hay chịu sự giám sát của công ty mẹ (điều mà Hội đồng Cạnh tranh và Tòa án Phúc thẩm không thừa nhận một cách dễ dàng), thì doanh số được lấy làm căn cứ tính tiền phạt là doanh số của đơn vị kinh tế độc lập đó.

Nếu sau khi thực hiện hành vi vi phạm mà doanh nghiệp bị chuyển nhượng thì theo án lệ của Hội đồng Cạnh tranh, các quy tắc sau sẽ được áp dụng:

---

55. Tòa án Phúc thẩm Paris, 22-9-1993. Xem thêm Hội đồng Cạnh tranh, quyết định ngày 17-6-1997, *linh vực bê tông tươi trong vùng PACA*.



Nếu toàn bộ mảng hoạt động hoặc toàn bộ doanh nghiệp có liên quan đã được chuyển nhượng, thì chế tài sẽ được áp dụng đối với bên mua, căn cứ vào tính liên tục của hoạt động kinh tế và hoạt động của doanh nghiệp<sup>56</sup>.

Nếu chuyển nhượng một phần, hành vi vi phạm và chế tài sẽ được tính cho bên chuyển nhượng, với điều kiện là bên chuyển nhượng còn tồn tại với tư cách là doanh nghiệp hay pháp nhân.

Trong thực tiễn xét xử, các toà án của Liên minh châu Âu cũng áp dụng các nguyên tắc này<sup>57</sup>.

**1548.** Nếu một nhóm, hiệp hội doanh nghiệp bị xử lý trên cơ sở các tình tiết hay căn cứ khiếu nại nào đó, thì doanh nghiệp thành viên của nhóm, hiệp hội đó chỉ có thể bị xử lý riêng và đồng thời trên cơ sở các tình tiết hay căn cứ khiếu nại khác với các tình tiết, căn cứ khiếu nại đã được tổng đạt cho cả nhóm, hiệp hội mà doanh nghiệp đó là thành viên<sup>58</sup>.

## **6) Nguyên tắc chủ đạo trong việc xác định mức tiền phạt**

**1549.** Ngay từ năm 1988, Tòa án Phúc thẩm Paris<sup>59</sup>, sau đó là Tòa án Tư pháp tối cao<sup>60</sup> đã nhấn mạnh rằng Hội đồng Cạnh tranh phải tuân thủ một số quy định và nguyên tắc nhất định mỗi khi quyết định chế tài: chế tài phải tỷ lệ với tính chất và

56. Hội đồng Cạnh tranh, ngày 29-4-1997, *dịch vụ tang lễ ở tỉnh Seine-Saint-Denis*, Tòa án Tư pháp tối cao, ngày 28-1-2003, *công ty Domoservices Maintenance*; Hội đồng Cạnh tranh, quyết định số 03-D-45, ngày 25-9-2003, *máy tính bỏ túi của học sinh*, §497 đến 499.

57. Tòa án Sơ thẩm Cộng đồng châu Âu, *Enichem Anic Spa*.

58. Hội đồng Cạnh tranh, quyết định: số 92-D-38, ngày 9-6-1992, *Gitem*; số 96-D-53, ngày 17-9-1996, *Allo Taxis*; số 98-D-11, ngày 3-2-1998, *xe cứu nạn đường cao tốc trong vùng Loir-et-Cher*.

59. *Công ty Lyonnaise des Eaux*, ngày 28-1-1988.

60. Tòa án Tư pháp tối cao, ngày 10-3-1992, *Bản tin IV*, số 111, tr.81; ngày 8-12-1992, *Bản tin IV*, số 404, tr.283.

mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh, với thời gian hành vi được thực hiện, mức độ lặp đi lặp lại của hành vi, quy mô của thị trường hay của doanh nghiệp có liên quan, mức độ nghiêm trọng của thiệt hại gây ra, tính ngay tình hay không ngay tình của những người tham gia thực hiện hành vi vi phạm và mức độ tham gia.

Sau đó, Điều L.464-2 đã được bổ sung và quy định về nghĩa vụ của Hội đồng Cạnh tranh như sau:

*"Tiền phạt phải tỷ lệ với mức độ nghiêm trọng của hành vi bị xử lý, với mức độ thiệt hại gây ra cho nền kinh tế, với thực trạng của doanh nghiệp hay tổ chức bị xử lý hay của nhóm doanh nghiệp mà doanh nghiệp đó là thành viên, và với mức độ tái phạm của hành vi bị xử lý theo quy định tại Thiên này. Chế tài phạt tiền được tính riêng cho từng doanh nghiệp, tổ chức bị xử lý và phải nêu rõ căn cứ".*

**1550.** Điều này không quy định việc thu hồi cái gọi là thu nhập bất chính mà các bên liên quan có thể đã thu được do thực hiện hành vi phản cạnh tranh. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử gần đây, Hội đồng Cạnh tranh có xu hướng giải thích theo hướng này vì nhiều khi Hội đồng ưu tiên áp dụng tiêu chí đó và tìm cách đánh giá thiệt hại gây ra cho nền kinh tế.

Số tiền phạt đối với doanh nghiệp đã tham gia thỏa thuận trong đấu thầu công có thể cao hơn giá trị của gói thầu<sup>61</sup>.

**1551.** Ngay cả trước khi được pháp luật quy định, tuy không phải lần nào cũng vậy, Hội đồng Cạnh tranh đôi khi cũng đã tính đến các tình tiết như doanh nghiệp có tái phạm và có ý thức đầy đủ về hành vi của mình không, đã từng bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh bao giờ chưa.

---

61. Tòa án Phúc thẩm Paris, ngày 2-4-1996, Công trình quy hoạch hệ thống nước trong vùng PACA và Languedoc-Roussillon.

Ví dụ, tình tiết tăng nặng này đã được viện dẫn trong một quyết định ban hành năm 1995<sup>62</sup> làm căn cứ phạt tiền các công ty Bec Frères và Sogea, nhưng không thấy đề cập trong quyết định xử lý các công ty Tuyaux Bonna và Marion, mặc dù các công ty này cũng đã thực hiện hành vi phối hợp cùng hành động khi tham gia đấu thầu quy hoạch hệ thống nước và công trình công cộng trong khu vực phía Nam nước Pháp.

Một doanh nghiệp tiếp quản một doanh nghiệp khác đã bị xử lý về hành vi phản cạnh tranh thì không bị coi là tái phạm<sup>63</sup>.

**1552.** Một quy định pháp luật mới đã được ban hành cuối năm 1992<sup>64</sup> nhằm mở rộng quyền hạn của Hội đồng Cạnh tranh trong việc áp dụng các điều 81 và 82 của Hiệp ước Rome sửa đổi. Nói cách khác, Hội đồng Cạnh tranh có thể quyết định các chế tài phạt tiền tại Điều L.464-2 cả theo quy định của các điều 81 và 82 và quy định tại các điều L.420-1 và L.420-2 của Bộ luật Thương mại.

## **7) Thực tiễn áp dụng pháp luật của Hội đồng**

**1553.** Cho đến năm 2001, khi thực hiện cải cách theo hướng tăng nặng các chế tài phạt tiền, mặc dù chính sách rắn đe ngày càng được tăng cường, nhưng mức tiền phạt do Hội đồng Cạnh tranh quyết định có vẻ vẫn còn nhẹ.

Năm 1986, ba công ty khai thác thang máy tham gia thỏa thuận phản cạnh tranh đã bị phạt tương ứng là 7 triệu, 4 triệu và 2 triệu franc.

---

62. Quyết định số 95-D-23 của Hội đồng Cạnh tranh, ngày 14-3-1995.

63. Tòa án Phúc thẩm Paris, ngày 29-1-2002, *Công ty Appia và các công ty khác*.

64. Điều 11 của Luật số 91-1282, ngày 11-12-1992 đã bổ sung Điều 56 bis vào Pháp lệnh ngày 1-12-1986. Các quy định này đã được pháp điển hoá tại Điều L.470-6 của Bộ luật Thương mại.

Năm 1988, Hội đồng đã áp dụng mức phạt 15 triệu franc đối với các văn phòng giám sát kỹ thuật, trong đó 4,5 triệu cho Văn phòng Veritas. Tòa án Phúc thẩm Paris đã giữ nguyên quyết định này<sup>65</sup>.

Tháng 10-1989, Hội đồng Cạnh tranh đã phạt tổng cộng 166 triệu franc đối với 71 công ty xây dựng công trình công cộng. Trong đó mức cao nhất dành cho công ty SCREG-Colas là khoảng 50 triệu franc.

Năm 1989, trong vụ bảo trì các công trình điện, 43 doanh nghiệp đã bị phạt tổng cộng 128 triệu franc.

Năm 1995, trong vụ cầu đường, một vụ việc lớn trong vùng Normandie, mức phạt tiền 378 triệu franc đã được áp dụng, nâng tổng số tiền phạt lên mức kỷ lục là 481 triệu franc.

Năm 1999, Hội đồng Cạnh tranh đã phạt 58 doanh nghiệp tổng cộng 61,4 triệu franc. Như vậy, trung bình là 1,1 triệu franc.

Năm 2000, tổng số tiền phạt đã lên đến 1.240.418.000 franc, trong đó 1.144.400.000 franc (174,47 triệu euro) dành cho chín ngân hàng đã thực hiện hành vi thoả thuận trong việc cấp tín dụng mua nhà ở. Các chế tài phạt tiền này đã được Tòa án Phúc thẩm Paris giữ nguyên trong bản án phúc thẩm ban hành tháng 11-2001.

Năm 2001, 116 doanh nghiệp đã bị phạt tổng cộng 51 triệu euro.

Mức tiền phạt tính theo giá trị tuyệt đối của các chế tài chủ yếu được trình bày trong bảng sau:

---

65. Ngày 11-10-1989, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* ngày 18-10-1989.

<b>Một số quyết định phạt tiền chủ yếu của Hội đồng Cạnh tranh</b>			
<b>Công ty</b>	<b>Lý do phạt tiền</b>	<b>Số tiền phạt (triệu euro)</b>	<b>Thời gian</b>
Crédit Agricole	Thoả thuận	69,52	9-2000
France Télécom (danh bạ điện thoại)	Lạm dụng VTTL	40,00	9-2003
BNP Paribas	Thoả thuận	38,11	9-2000
Société Générale	Thoả thuận	38,11	9-2000
Darty	Thoả thuận	15,25	28-6-2002
TotalFina Elf	Thoả thuận	12,00	31-3-2003
Fnac	Thoả thuận	10,65	28-6-2002
SKF France	Thoả thuận	7,90 *	19-9-2002
Novartis Pharma (trước đây là Sandoz)	Lạm dụng VTTL	7,80	24-7-2003
SNR Roulements	Thoả thuận	6,60 **	19-9-2002
France Télécom	Lạm dụng VTTL	6,10	23-7-2001
Thomson Multimédia	Thoả thuận	5,92	28-6-2002
Esso SAF, Pétroles Shell, BP France	Thoả thuận	5,00 ***	31-3-2003
Các công ty con của Air Liquide	Thoả thuận	4,30	1-2003

\* Phúc thẩm giảm xuống còn 2 triệu euro

\*\* Phúc thẩm giảm xuống còn 1 triệu euro

\*\*\* Phúc thẩm giảm xuống còn 500.000 euro cho mỗi công ty

**1554.** Tính trung bình, các mức tiền phạt thường ở mức từ 1 đến 2% doanh số của doanh nghiệp bị xử lý (so với mức tối đa là 5% được quy định trước khi thông qua luật ngày 15-5-2001 về các biện pháp điều tiết kinh tế mới).

**1555.** Nếu so với các mức phạt tiền do Ủy ban châu Âu áp dụng đối với các vi phạm quy định tại Điều 81 hay 82 của Hiệp ước Rome, có thể thấy mức phạt áp dụng ở Pháp trước khi

thực hiện cải cách theo luật ngày 15-5-2001 còn ở mức tương đối thấp<sup>66</sup>.

Các mức phạt tiền nghiêm khắc nhất của Hội đồng Cạnh tranh cũng còn thấp so với mức phạt của Ủy ban châu Âu. Ủy ban châu Âu ít khi phạt tiền, nhưng mức phạt lại cao hơn rất nhiều.

Năm 2002, tổng số tiền phạt do Hội đồng Cạnh tranh quyết định là 64 triệu euro, gần bằng số tiền phạt lớn thứ 13 do Ủy ban châu Âu tuyên đối với cùng một doanh nghiệp duy nhất, tính đến năm 2001, đó là công ty Roche trong vụ axit xitric.

Khi so với chế tài phạt tiền được áp dụng ở Đức cũng cho thấy mức phạt của Hội đồng Cạnh tranh và Tòa án Phúc thẩm Paris thấp hơn.

Mức tiền phạt cao nhất trong một vụ việc ở Pháp, áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp liên quan, là 174 triệu euro (thỏa thuận của các ngân hàng lớn trong lĩnh vực tín dụng mua nhà ở) so với 660 triệu euro ở Đức (lĩnh vực xi măng).

Trong năm 1988, Cơ quan Kiểm soát tập trung kinh tế của Đức đã phạt 12 doanh nghiệp sản xuất xi măng tổng cộng khoảng 750 triệu franc, trong đó có mức 380 triệu franc (58 triệu euro) cho công ty Heidelberger Zement. Trong năm 2003, một lần nữa cơ quan này đã phạt sáu doanh nghiệp sản xuất xi măng vì hành vi thỏa thuận về giá. Mức tiền phạt dành cho công ty Heidelberger Zement lần này là 251,5 triệu euro.

Bốn doanh nghiệp sản xuất xi măng khác, trong đó có Lafarge, đã bị phạt với số tiền cao hơn mức phạt cao nhất đã được áp dụng ở Pháp tính đến nay<sup>67</sup>.

66. Xem phần sau, mục 1606.

67. Các mức phạt tiền lần lượt là 149, 95, 86 và 74 triệu euro, so với mức 69,52 triệu euro Hội đồng Cạnh tranh áp dụng đối với Crédit Agricole tháng 9-2000.

Mặc dù khá điều độ, nhưng qua các quyết định phạt tiền của Hội đồng Cạnh tranh có thể thấy quan điểm trừng phạt của Hội đồng. Thậm chí, một khi đã xác định được hành vi vi phạm, nếu không áp dụng chế tài thì Hội đồng còn cho rằng cần phải giải thích tại sao không áp dụng<sup>68</sup>.

Ủy ban châu Âu phạt tiền nặng hơn nhiều nhưng không thường xuyên và có tính lựa chọn cao hơn, nên rõ ràng đáng tin cậy hơn so với các cơ quan quản lý cạnh tranh của Pháp. Ví dụ, từ hàng chục năm nay, các cơ quan này vẫn không ngừng phạt tiền nhưng vẫn không ngăn chặn được các doanh nghiệp thỏa thuận cùng hành động khi tham gia đấu thầu công, trong các lĩnh vực như xây dựng nhà ở và công trình công cộng hay lĩnh vực điện lực.

**1556.** Có thể việc uốn nắn các hành vi ứng xử phản cạnh tranh sẽ được thực hiện tốt hơn nếu có tính đến những điều chỉnh tức thời các hành vi này, nếu không thì phải xử phạt nặng hơn các thỏa thuận hay hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh bị cho là nghiêm trọng nhất và đáng xử lý nhất, trong đó có hành vi tái phạm và việc không tuân thủ quyết định buộc chấm dứt hành vi vi phạm. Ngoài các trường hợp đó, liệu có nên xử lý các hành vi không còn được thực hiện nữa hay các hành vi có hệ quả không đáng kể, để rồi có nguy cơ kéo dài thủ tục phúc thẩm hay không?

**1557.** Việc Hội đồng từ chối phân loại hành vi tùy theo mức độ nghiêm trọng là hoàn toàn hợp lý. Hội đồng không chấp nhận việc định khung hình phạt khi xử lý các hành vi phản cạnh tranh, vì kinh nghiệm cho thấy cùng một hành vi có thể bị áp dụng những chế tài rất khác nhau, căn cứ vào tổng thể phức tạp các tình tiết trên thực tế.

---

68. Hội đồng Cạnh tranh, quyết định số 03-D-21 ngày 18-4-2003, *Hành vi được thực hiện trong lĩnh vực nhựa đường trong vùng Rhône-Alpes, Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*, các số 919-41 đến 43.

**1558.** Tuy nhiên, giống như Ủy ban châu Âu, Hội đồng Cạnh tranh cũng đã có một số bước tiến nhất định theo hướng này khi phân loại một số mức độ nghiêm trọng khác nhau và đã thừa nhận quan điểm của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) rằng một số thỏa thuận là "không thể bào chữa".

Tóm lại, việc thực hiện quyền xử phạt hành vi vi phạm thể hiện quan điểm của cơ quan hành chính độc lập về nhiệm vụ của mình: ưu tiên việc cải thiện điều kiện vận hành có cạnh tranh của thị trường trong tương lai hơn là xử phạt các lỗi vi phạm trong quá khứ, hay ngược lại. Quan điểm thứ nhất phù hợp hơn với những gì người ta mong đợi ở một cơ quan điều tiết hành chính; quan điểm thứ hai thuần túy chỉ mang tính tài phán.

Mức phạt tiền ảnh hưởng rõ ràng đến toàn bộ công tác giám sát các hành vi phản cạnh tranh, đặc biệt là đến thủ tục tố tụng.

**1559.** Giống như ở Mỹ, ta có thể thấy mối liên quan giữa tính nghiêm khắc của các chế tài đôi khi được Ủy ban châu Âu áp dụng, và tầm quan trọng của các giải pháp được đưa ra sau khi đàm phán với Ủy ban mà không cần đợi thủ tục chính thức được tiến hành đến cùng.

Tính nghiêm khắc của các chế tài trong trường hợp quyết định chính thức đương nhiên sẽ buộc doanh nghiệp phải tính toán về mặt kinh tế để đề xuất các cam kết sửa đổi hành vi mà Ủy ban có thể chấp nhận, hơn là đợi Ủy ban quyết định chế tài dành cho mình.

Giải pháp này phát triển nhanh chóng do những lợi ích mà nó đem lại cho các cơ quan quản lý cạnh tranh: tiết kiệm được thời gian tiến hành các thủ tục phức tạp và kéo dài. Công tác kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh lại hiệu quả hơn.

Hiệu quả của công việc này nay đã được tăng cường mạnh mẽ nhờ vào chính sách khuyến khích khai báo các thỏa thuận ngầm mà chúng ta gọi bằng một cái tên kín đáo: "*chương trình khoan hồng*".



## 8) Các chương trình khoan hồng

**1560.** Từ năm 1996, Ủy ban châu Âu đã bảo đảm miễn hoặc giảm chế tài có điều kiện cho các doanh nghiệp đã cung cấp thông tin cho Ủy ban để tạo điều kiện phát hiện và điều tra về các trường hợp vi phạm quy định pháp luật cạnh tranh<sup>69</sup>.

Một số điều kiện cho việc "hợp tác" của các doanh nghiệp có liên quan với cơ quan điều tiết cạnh tranh của Liên minh châu Âu đã được quy định cụ thể. Doanh nghiệp chỉ được viện dẫn quy định này để yêu cầu giảm mức phạt nếu đã khai báo rõ ràng, thừa nhận các hành vi là căn cứ khiếu nại.

Ngoài ra, việc khai báo theo đúng nghĩa vụ thông thường, theo quy định tại Quy chế số 1/2003 hay các quy định pháp luật khác, không được coi là căn cứ để yêu cầu giảm mức phạt<sup>70</sup>.

Người ta có thể nghi ngờ rằng ý tưởng và kết quả xử lý hành vi vi phạm cạnh tranh ngày càng phụ thuộc vào việc xem xét theo từng trường hợp cụ thể, bởi vì với cách tiếp cận mới về hoạt động kiểm soát, vai trò tương đối của các cán bộ công chức đã được nâng cao.

Về vấn đề này, cơ chế giải quyết của Liên minh châu Âu gần giống với chế độ của Pháp trước khi thực hiện cải cách theo Pháp lệnh ngày 1-12-1986, tức giai đoạn quyền hạn cơ bản trong lĩnh vực cạnh tranh được trao cho các cơ quan hành chính - chính trị. Các cơ quan này có nhiều mối quan tâm đến mức sự can thiệp của họ đôi khi lại gây bất lợi cho việc tái thiết lập cạnh tranh trên thị trường.

**1561.** Ủy ban châu Âu gần đây đã thông qua một thông tư

---

69. Thông tư về việc không áp dụng hoặc giảm chế tài phạt tiền trong trường hợp thỏa thuận, *Công báo của Liên minh châu Âu* C-207/4, 1996.

70. Tòa án Sơ thẩm Liên minh châu Âu, ngày 14-5-1998, vụ T-309/94 đến T-354/94, *Bia cứng*.

mới, ngày 13-2-2002<sup>71</sup> để đơn giản hoá chương trình khoan hồng và đồng thời tăng cường hiệu quả của chương trình này.

Chỉ có doanh nghiệp đầu tiên cung cấp các thông tin mang tính quyết định mới có thể được xem xét hưởng miễn trừ hoàn toàn. Trong trường hợp này, doanh nghiệp phải:

- cung cấp đầy đủ chứng cứ cho phép Ủy ban quyết định tiến hành xác minh trên cơ sở quy định tại Điều 14 (3) của Quy chế số 7, hoặc các thông tin cho phép Ủy ban xác nhận là có hành vi vi phạm quy định pháp luật cạnh tranh;

- hợp tác với Ủy ban một cách đầy đủ và liên tục trong suốt quá trình tố tụng;

- chấm dứt tham gia thoả thuận mà mình đã tố cáo;

- không buộc các doanh nghiệp khác tham gia vào thoả thuận này.

Sau khi nhận được đơn yêu cầu miễn trừ, Ủy ban châu Âu phải thông báo bằng văn bản cho bên yêu cầu là mình đã nhận được đơn.

Những doanh nghiệp tham gia sau đó hoặc cung cấp ít thông tin, chứng cứ hơn thì có thể được giảm mức phạt. Để được như vậy, doanh nghiệp phải cung cấp những chứng cứ có giá trị đáng kể giúp Ủy ban có thể xác minh được các hành vi.

Mức phạt có thể được giảm từ 20-50%, căn cứ vào giá trị của thông tin và vào tinh thần hợp tác của doanh nghiệp trong quá trình điều tra.

Doanh nghiệp được nhận giấy báo nhận, trong đó ghi ngày cung cấp chứng cứ và nêu rõ mức tiền phạt được giảm mà Ủy ban dự tính dành cho doanh nghiệp đó.

**1562.** Mặc dù còn tỏ ra ngần ngại, đặc biệt là trong thời gian

---

71. Công báo của Liên minh châu Âu, ngày 19-2-2002.

đầu, song ý tưởng về một chính sách khoan hồng cũng đã được các nhà lập pháp của Pháp sử dụng.

Chính sách này được quy định tại Điều L.464-2 III, được đề ra trong Luật về các biện pháp điều tiết kinh tế mới, ngày 15-5-2001.

*"Có thể miễn trừ toàn bộ hay một phần các chế tài phạt tiền đối với doanh nghiệp hay tổ chức đã cùng với doanh nghiệp hay tổ chức khác thực hiện hành vi bị cấm theo quy định tại Điều L.420-1, nếu doanh nghiệp hay tổ chức đó đã góp phần vào việc xác minh các hành vi bị cấm và xác định người đã thực hiện hành vi, bằng cách cung cấp các thông tin mà Hội đồng hay Tổng cục chưa nắm được. Sau khi doanh nghiệp hay tổ chức cung cấp thông tin, theo yêu cầu của Báo cáo viên trưởng hay của Bộ trưởng phụ trách kinh tế, và sau khi Ủy viên Chính phủ và doanh nghiệp hay tổ chức liên quan đã đưa ra ý kiến nhận xét của mình, Hội đồng Cạnh tranh sẽ thông qua một văn bản thông báo về việc áp dụng cơ chế khoan hồng, trong đó nêu rõ điều kiện hưởng các chính sách khoan hồng dự kiến; văn bản này được tổng đạt cho doanh nghiệp hay tổ chức đó và cho Bộ trưởng, nhưng không được công bố công khai. Khi thông qua quyết định theo quy định tại điểm I của điều này, nếu các điều kiện quy định trong văn bản thông báo về chính sách khoan hồng được đáp ứng, Hội đồng có thể áp dụng một mức miễn giảm phạt tiền tương ứng với đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức đó trong việc xác minh hành vi vi phạm".*

Điều 44 Nghị định ngày 30-4-2002, hướng dẫn áp dụng cơ chế khoan hồng quy định như sau:

*"Doanh nghiệp, tổ chức cung cấp thông tin theo quy định tại Điều L.464-2 III của Bộ luật Thương mại có thể liên hệ với Tổng cục trưởng Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận thương mại hoặc với Báo cáo viên trưởng của Hội*

đồng Cạnh tranh. Thông tin có thể được gửi bằng thư bảo đảm có giấy báo nhận hay trực tiếp bằng lời. Trong trường hợp cung cấp thông tin bằng lời, Tổng cục trưởng Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận thương mại hoặc Báo cáo viên trưởng của Hội đồng Cạnh tranh xác nhận bằng văn bản ngày cung cấp thông tin. Lời khai của đại diện doanh nghiệp, tổ chức phải được một điều tra viên của Tổng cục hay báo cáo viên của Hội đồng lập ngay thành biên bản.

Tổng cục trưởng Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận thương mại và Báo cáo viên trưởng phải thông báo cho nhau về mọi khai báo mà mình tiếp nhận theo quy định tại đoạn 1 của điều này và mọi thủ tục điều tra hay thẩm tra, nếu có, về hành vi liên quan đã được tiến hành từ trước khi tiếp nhận khai báo. Báo cáo viên của Hội đồng Cạnh tranh lập bản đề xuất biện pháp miễn trừ và nêu rõ các điều kiện hưởng miễn trừ mà Hội đồng Cạnh tranh có thể đưa ra trong văn bản thông báo về việc áp dụng cơ chế khoan hồng. Báo cáo được tổng đạt cho doanh nghiệp, tổ chức liên quan và cho Ủy viên Chính phủ chậm nhất ba tuần trước khi mở phiên xét xử.

Nếu doanh nghiệp, tổ chức xin hưởng các biện pháp quy định tại điểm III Điều L464-2 của Bộ luật Thương mại, thì báo cáo điều tra hoặc văn bản tổng đạt các căn cứ khiếu nại và báo cáo của báo cáo viên có thể đưa ra nhận xét về tình hình thực hiện các điều kiện quy định trong văn bản thông báo về việc áp dụng cơ chế khoan hồng bởi doanh nghiệp, tổ chức được đề xuất hưởng cơ chế này."

**1563.** Mặc dù trái với truyền thống pháp lý của mình, nhưng Pháp cũng đã tiếp nhận các quy định này. Điều đó chứng tỏ xu hướng phổ biến không thể tránh khỏi, trong một nền kinh tế toàn cầu hóa, của cơ chế khoan hồng - nhân tố góp phần tích cực vào việc phát hiện và trấn áp một số loại thỏa thuận. Khi

đã được tiếp nhận trong hệ thống pháp luật cơ bản của Mỹ và Liên minh châu Âu, cơ chế này đương nhiên sẽ được đưa vào hệ thống pháp luật quốc gia, như trường hợp Vương quốc Anh và Pháp hiện nay, trong số các quốc gia thành viên khác. Trước tình hình đó, cơ chế điều tiết theo quy định của luật năm 2001 phải được cải tiến theo hướng đơn giản và hiệu quả hơn, đặc biệt trong bối cảnh cơ chế điều tiết đã được hình thành từ năm 1996 của Ủy ban châu Âu cũng đã được cải cách theo hướng này từ tháng 2-2002.

Trong khi chờ đợi, Hội đồng cũng đã có những trường hợp áp dụng đầu tiên, ví dụ như trong quyết định về vụ máy tính bỏ túi của học sinh<sup>72</sup>.

Nếu coi thỏa thuận như là một biện pháp chống đỡ sự bấp bênh của thị trường, chúng ta có thể đánh giá được phạm vi tác động đáng kể của cơ chế khoan hồng: tác nhân gây nên tình trạng bấp bênh mới đã dần xuất hiện. Các đối tác còn có thể tin tưởng vào nhau nữa không khi họ thực hiện một thỏa thuận có ảnh hưởng đến cạnh tranh?

**1564.** Tính hiệu quả của cơ chế khoan hồng trong pháp luật châu Âu bị tác động bởi cơ chế khuyến khích khai báo trong pháp luật Mỹ, thủ tục cho phép tòa án khi giải quyết việc bồi thường thiệt hại có thể yêu cầu những người liên quan cung cấp cho mình các tài liệu quan trọng để chứng minh yếu tố lỗi, nguyên nhân gây ra thiệt hại. Tác động tiêu cực của thủ tục này có thể tránh được nếu áp dụng cơ chế khai báo bằng lời thay vì bằng văn bản, nhưng như vậy cũng không phải là không còn rủi ro và hệ quả đối với quyền bào chữa.

Cơ chế khoan hồng trong pháp luật Pháp ít bị tác động bởi điều đó nhờ vào luật năm 1980. Luật này cấm chuyển ra

---

72. Xem các đoạn số 326 và 514 đến 525 trong quyết định số 03-D-45, ngày 25-9-2003.

nước ngoài các chứng cứ buộc tội có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Pháp.

Ngược lại, phạm vi tác động của yêu cầu áp dụng biện pháp khoan hồng theo pháp luật Liên minh châu Âu có thể được mở rộng nếu các thỏa thuận như thỏa thuận giữa Ủy ban châu Âu và nước Anh được nhân rộng ra các nước thành viên khác của Liên minh châu Âu. Theo thỏa thuận này, cơ quan quản lý cạnh tranh của Anh và Ủy ban châu Âu sẽ công nhận các biện pháp khoan hồng của nhau.

### **9) Buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm**

**1565.** Việc ngăn ngừa có hiệu quả các hành vi phản cạnh tranh đạt được không chỉ nhờ vào các chế tài nghiêm khắc.

Mặc dù chế tài phạt tiền có lợi thế là dễ gây được sự chú ý của giới báo chí, nghĩa là có thể nhấn mạnh thông điệp về án lệ, nhưng một mình nó không chắc có thể chinh đốn được một thực trạng đang có tác động xấu đến sự vận hành của thị trường.

Để làm được điều đó, biện pháp phù hợp nhất là quyết định buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm, quy định tại đoạn 1 Điều L.464-2 của Bộ luật Thương mại:

*"Hội đồng Cạnh tranh có thể buộc các bên liên quan phải chấm dứt hành vi phản cạnh tranh sau một thời hạn nhất định hoặc buộc các bên tuân thủ các điều kiện nhất định".*

**1566.** Quyết định của Hội đồng Cạnh tranh còn có thể tác động đến lợi ích của người khác ngoài lợi ích của các bên. Quyết định của Hội đồng buộc phải chấm dứt thực hiện một điều khoản nào đó có thể có phạm vi tác động mà một bản án không có vì bản án chỉ có hiệu lực tương đối.

**1567.** Mức độ phạt tiền và mức độ áp dụng quyết định buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm cũng thể hiện quan niệm của cơ quan điều tiết cạnh tranh về nhiệm vụ của mình và về công tác kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh.

Nhiệm vụ chủ yếu là áp dụng chế tài đối với những lỗi đã mắc trong quá khứ hay là điều chỉnh hành vi ứng xử trong tương lai?

**1568.** Nếu quan sát hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh, chúng ta có thể thấy các biện pháp Hội đồng áp dụng rất đa dạng và phù hợp với từng trường hợp cụ thể; tuy nhiên, các quyết định buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm vẫn luôn được áp dụng một cách chặt chẽ: quyết định này ít khi đưa ra nghĩa vụ thực hiện một hành vi, mà thường đưa ra nghĩa vụ không làm một việc gì đó nữa.

Tuy nhiên, hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh ít mang tính can thiệp hơn hoạt động của Ủy ban châu Âu.

Quyết định buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm của Ủy ban châu Âu đôi khi chỉ tiết đến mức bị đánh giá là can thiệp quá mức, nếu đó là quyết định của một cơ quan điều tiết cạnh tranh quốc gia. Ví dụ, Ủy ban châu Âu đã phải buộc một doanh nghiệp lắp ráp xe ô tô phải hạn chế số lượng xe có tay lái bên phải để chuyển sang sản xuất xe có tay lái bên trái. Tương tự như vậy, ngày 26-3-1990, Ủy ban châu Âu đã buộc hãng sản xuất xe ô tô Peugeot phải cung cấp 1.211 xe hơi mỗi năm cho một doanh nghiệp nhập khẩu song song ở Rouen, công ty Eco System, là công ty mà Peugeot đã muốn tẩy chay<sup>73</sup>.

**1569.** Có trường hợp sau khi đàm phán với các bên có liên quan trong một hồ sơ điển hình về các điều kiện thực hiện quy định pháp luật về cạnh tranh, Ủy ban châu Âu có thể phổ biến kết quả đạt được cho các doanh nghiệp có thể liên quan do ở trong hoàn cảnh tương tự.

Ví dụ, Ủy ban châu Âu đã thông báo cho các hãng hàng không nắm giữ vị trí thống lĩnh đối với một hay nhiều đường

---

73. Tòa án Công lý Liên minh châu Âu khẳng định, sơ thẩm, tháng 7-1991.

bay, về phương thức ký hợp đồng ủy thác có thể được chấp nhận với các đại lý du lịch sau khi phạt British Airways vì hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh trong việc ký hợp đồng ủy thác và buộc công ty này chấm dứt hành vi vi phạm.

**1570.** Nếu đi quá xa, Ủy ban châu Âu có thể bị Tòa án Sơ thẩm Liên minh châu Âu hạn chế quyền quyết định buộc chấm dứt hành vi vi phạm: sau khi phạt hành vi vi phạm trong việc ký các thỏa thuận độc quyền về cung ứng kem trên thị trường Đức, Ủy ban châu Âu đã cấm các công ty liên quan ký thỏa thuận mới thuộc loại này trong tương lai. Nhưng, Tòa án Sơ thẩm đã hủy phần này của quyết định vì cho rằng Ủy ban châu Âu không được xóa bỏ quyền miễn trừ theo loại đối với các thỏa thuận trong tương lai<sup>74</sup>.

**1571.** Ngoài ra, có thể thấy rằng Hội đồng Cạnh tranh có xu hướng áp dụng quyết định buộc chấm dứt hành vi vi phạm nhằm khôi phục tình trạng ban đầu ít hơn Bộ trưởng Kinh tế và Ủy ban Cạnh tranh trước đây, và tập trung áp dụng các chế tài phạt tiền đối với các hành vi vi phạm.

Đó chính là một trong những dấu hiệu thể hiện xu hướng tư pháp hóa hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh, và việc chuyển các tranh chấp trong lĩnh vực này sang giải quyết theo thủ tục tư pháp không phải là hiếm.

**1572.** Trong số nhiều biện pháp mà Hội đồng Cạnh tranh có thể lựa chọn áp dụng, biện pháp buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm thể hiện rõ nhất tính chất hành chính của Hội đồng và của các quyết định do Hội đồng ban hành. So với chế tài phạt tiền, quyết định buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm nhằm mục đích khắc phục tình trạng ban đầu để hành vi trái pháp luật trong tương lai không xảy ra.

---

74. Tòa án Công lý Liên minh châu Âu, *Mars c/ Langnese-Iglo ; Mars c/ Schöller*.



Tuy nhiên, không có gì ngạc nhiên khi Tòa án Phúc thẩm Paris đặt ra những giới hạn nhất định đối với việc áp dụng biện pháp này.

Trong vụ tranh chấp giữa kênh truyền hình chuyên đề *TV mondes* với các nhà khai thác đường truyền dữ liệu<sup>75</sup>, Tòa án Phúc thẩm Paris đã giữ quyết định buộc phải xóa bỏ điều khoản độc quyền do nhà khai thác đường truyền áp đặt cho các kênh truyền hình chuyên đề, là doanh nghiệp lệ thuộc vào các nhà khai thác đường truyền về mặt tài chính. Tuy nhiên, Tòa án đã hủy một điểm trong quyết định của Hội đồng, theo đó Hội đồng buộc lĩnh vực này phải chịu sự giám sát của mình trong tương lai và yêu cầu Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận thương mại lập báo cáo trong hai năm tới.

Trong một vụ việc khác, vấn đề đặt ra là liệu Hội đồng có được ra quyết định buộc phải giải tán một nhóm doanh nghiệp sau khi chứng minh được rằng nhóm đó đã thực hiện hành vi phản cạnh tranh. Câu trả lời của Tòa án Phúc thẩm Paris là không, vì cho rằng bản thân mình cũng không có thẩm quyền ra quyết định này.

**1573.** Bộ trưởng Kinh tế đã có kháng nghị bổ sung đối với quyết định của Hội đồng Cạnh tranh để yêu cầu tăng nặng chế tài dành cho tập đoàn GIE Géosavoie và yêu cầu giải tán tập đoàn này<sup>76</sup>. Tòa án Phúc thẩm đã yêu cầu Bộ trưởng khởi kiện ra Tòa án Dân sự là tòa án duy nhất có thẩm quyền xét xử về hiệu lực của các thỏa thuận liên quan đến hành vi phản cạnh tranh.

Việc xem xét hiệu lực của các thỏa thuận như vậy được thực hiện theo quy định tại Điều L.420-3 của Bộ luật Thương mại

---

75. Tòa án Phúc thẩm Paris, ngày 17-6-1992, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* 4-7-1992.

76. Phụ lục tạp chí ADCC Lamy, số 475.

(Điều 9, Pháp lệnh năm 1986) và thuộc thẩm quyền của Tòa án Dân sự. Cơ quan hành chính không có thẩm quyền hủy các văn bản thuộc phạm vi điều chỉnh của luật tư pháp. Nhưng có gì khác so với việc buộc các bên phải chấm dứt một hành vi phản cạnh tranh bằng cách phủ nhận một thỏa thuận nào đó, khi mà bản thân thỏa thuận đó cũng là hành vi phản cạnh tranh?

## **B. CÁC CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP**

**1574.** Việc điều chỉnh các hành vi ứng xử trong tương lai, dù bằng biện pháp có tính chất bổ sung hay thay thế cho biện pháp xử phạt đối với các hành vi đã thực hiện trong quá khứ, sẽ được thể hiện một cách rõ ràng hơn vì hiện nay Hội đồng Cạnh tranh đã được trao thẩm quyền buộc phải đưa ra cam kết.

Thẩm quyền này được quy định trong Pháp lệnh chuyển hóa Quy chế số 1/2003 của Liên minh châu Âu hướng dẫn áp dụng các điều 81 và 82 của Hiệp ước Rome vào trong Bộ luật Thương mại. Đây là một dấu hiệu chứng tỏ sự tác động kép giữa các hệ thống pháp luật: tác động của pháp luật về tập trung kinh tế đối với pháp luật về hành vi phản cạnh tranh và tác động của pháp luật Liên minh châu Âu đối với pháp luật có nguồn gốc từ nội luật.

### **Các biện pháp công bố bắt buộc**

**1575.** Theo quy định tại đoạn cuối của Điều L.464-2.I của Pháp lệnh, Hội đồng Cạnh tranh còn có thể buộc tất cả hay một số bên có liên quan phải thực hiện một số công việc để công bố quyết định đã được ban hành đối với họ.

Công việc đó có thể bao gồm:

- công bố quyết định trên một số tờ báo hay "ấn phẩm" khác theo sự chỉ định của Hội đồng Cạnh tranh.

Trong thực tiễn, theo nguyên tắc "làm nhiều được thì làm ít cũng phải được", Hội đồng Cạnh tranh đã yêu cầu chỉ công bố

trích lục quyết định, thậm chí chỉ cần đăng một thông cáo với nội dung do Hội đồng quy định<sup>77</sup>.

Tuy nhiên, Hội đồng Cạnh tranh không có quyền yêu cầu công bố quyết định trên một phương tiện thông tin không được thể hiện trên giấy, ví dụ như phương tiện nghe nhìn.

- niêm yết quyết định ở những nơi do Hội đồng chỉ định.

- đưa quyết định vào trong nội dung báo cáo hoạt động thường niên của công ty.

Trong mọi trường hợp, chi phí công bố do người phải công bố chịu.

Trước khi ban hành Pháp lệnh năm 1986, biện pháp này được coi là một chế tài bổ sung vì chỉ được áp dụng kèm theo chế tài phạt tiền.

Ngày nay, biện pháp bắt buộc công bố có thể áp dụng đối với một người kể cả khi người đó không bị phạt tiền<sup>78</sup>.

### **§3. Điểm giống nhau trong các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh**

Các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh luôn có một hình thức nhất định, được nêu rõ căn cứ và được công bố. Quyết định có hiệu lực trong một thời hạn nhất định và việc thi hành quyết định được kiểm tra, giám sát.

#### **1) Quyết định có tính chính thức**

**1576.** Một trong số những điểm đặc thù của các quyết định được ban hành ở Pháp trong lĩnh vực kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh là chúng luôn được hình thức hoá theo một

---

77. Ví dụ: Điều 3 của Quyết định số 88-D-27 ngày 21-6-1988 về vận tải và tập kết hàng hóa, *Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*, số 326.

78. Ví dụ: xem phần quyết định của Quyết định số 88-D-28, ngày 21-7-1988 về phân phối vật tư, thiết bị chụp ảnh, *Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*, số 326.

trong số các phương thức luật định để đồng thời bảo đảm tính công khai và khả năng kiểm tra, giám sát của toà án đối với quyết định đó.

Ở Pháp, mỗi khi một thủ tục tố tụng được mở ra thì bao giờ cũng phải kết thúc bằng một quyết định, dù là của toà án hay của một cơ quan hành chính.

Kể cả quyết định không đưa vụ việc ra xét xử, theo quy định tại Điều L.464-6 của Bộ luật, cũng phải được thể hiện bằng một văn bản chính thức và được công bố.

**1577.** Cơ chế này không được áp dụng trong pháp luật của Liên minh châu Âu vì một số phương thức áp dụng pháp luật cạnh tranh của Liên minh châu Âu rất phổ biến hiện nay không cần thể hiện bằng một quyết định chính thức. Số lượng các quyết định chính thức không nhiều. Mỗi năm chỉ có khoảng vài chục quyết định cá biệt ban hành theo quy định của Quy chế số 17<sup>79</sup>. Số lượng các quyết định được ban hành trên toàn bộ các nước thành viên khác của Liên minh châu Âu còn ít hơn cả số quyết định của Hội đồng Cạnh tranh ở Pháp.

Trong pháp luật Liên minh châu Âu, số lượng các tranh chấp được giải quyết bằng con đường hoà giải còn nhiều hơn cả số tranh chấp được giải quyết bằng một quyết định chính thức, đến nỗi có người còn tưởng rằng sau đó có thể thoả thuận để đạt được một quyết định chính thức. Trái với những gì Microsoft và Sun tưởng hay hy vọng, việc rút đơn khiếu nại hay việc chấp nhận kết quả hoà giải không đủ để chấm dứt thủ tục xử lý vi phạm hay để phản đối kết quả xử lý.

**1578.** Ủy ban châu Âu đã ưu tiên việc giải quyết tranh chấp bằng đàm phán và văn bản đình chỉ giải quyết tranh chấp sau khi đã đạt được thoả thuận hay cam kết.

---

79. Xem phần sau, số 1599, các loại quyết định trong pháp luật Liên minh châu Âu khi Quy chế số 17 còn hiệu lực.

Xu hướng này là hệ quả của sự lựa chọn ban đầu trong lĩnh vực tổ tụng, nhưng sự lựa chọn đó đã đặt ra rất nhiều vấn đề.

Qua báo cáo hoạt động hàng năm của Ủy ban châu Âu có thể thấy số lượng các quyết định thuộc các loại khác nhau được ban hành theo quy định của Quy chế số 17 và được công bố là rất ít, nếu chỉ tính các quyết định liên quan đến thị trường chung.

Tuy nhiên, đó chỉ là phần nổi của tảng băng chìm. Năm 1990, chỉ có 19 quyết định cá biệt chính thức được ban hành để áp dụng quy định tại các điều 81 và 82, chưa bằng 1/3 trên tổng số 64 quyết định của Hội đồng Cạnh tranh Pháp. Năm 1993, Ủy ban chỉ có bảy quyết định chính thức áp dụng quy định tại các điều 81 và 82, trong khi có đến 1250 vụ thoả thuận hay lạm dụng vị trí thống lĩnh đang được Ủy ban giải quyết, tính đến ngày 31 tháng 12<sup>80</sup>.

Ở đây còn có một lý do nữa ngoài việc phải nhanh chóng đáp ứng yêu cầu ban hành hàng loạt các quyết định khác nhau.

Ủy ban châu Âu là một cơ quan hành chính và hành pháp và phải hành động đúng với chức năng của mình chứ không như một cơ quan nửa tài phán, nửa hành chính.

Khi doanh nghiệp đứng trước nguy cơ bị "phản quảng cáo" và bị áp dụng những chế tài tốn kém, thì việc hướng dẫn họ đến với giải pháp thoả hiệp và đáp ứng mong đợi của cơ quan quản lý chắc chắn là một phương thức hành động hay đối với cơ quan quản lý có liên quan; đặc biệt khi mà việc uôn nấn hành vi của doanh nghiệp cho phù hợp với các quy định pháp luật về cạnh tranh nhanh hơn là theo đuổi thủ tục đến cùng, và hơn nữa, giải pháp được đưa ra lại không chịu sự kiểm tra, giám sát của Tòa án Công lý.

**1579.** Tuy nhiên, việc giải quyết các tranh chấp trong lĩnh

---

80. Hợp báo với ông Karel VAN MIERT để giới thiệu về báo cáo năm thứ 23 về chính sách cạnh tranh.

vực cạnh tranh bằng phương thức hoà giải cũng có nhiều bất lợi:

- Thứ nhất, đó là thiếu giá trị giáo dục. Các thoả thuận nhiều khi được giữ bí mật. Hầu như không có gì được tiết lộ ra ngoài. Các quyết định với tính chất "án lệ" có đặc tính là hiệu lực răn đe và có giá trị làm gương cho các trường hợp tương tự sau này, với điều kiện chúng phải được ban hành một cách chính thức và được công bố công khai. Nhưng, giá trị và hiệu lực này đã bị giảm đi rất nhiều, nếu không nói là đã bị triệt tiêu.

- Hai là, bên chịu thiệt hại do hành vi phản cạnh tranh gây ra phải chịu thiệt về các quyền mà họ lẽ ra được hưởng theo quy định của Hiệp ước, mà chính xác là tại các điều 81 và 82. Khi giải quyết tranh chấp bằng hoà giải nghĩa là không có quyết định chính thức, và vì vậy sẽ không có khả năng kháng cáo đối với quyết định đó.

- Cuối cùng, giải quyết tranh chấp bằng đàm phán có thể dễ dàng dẫn các bên đến việc áp dụng những biện pháp mà lẽ ra họ không bị áp dụng nếu giải quyết bằng một quyết định chính thức thông qua thủ tục tố tụng đầy đủ, đặc biệt là sau khi tham khảo ý kiến của Ủy ban Tư vấn về thoả thuận phản cạnh tranh. Quyết định chính thức bao giờ cũng phải chịu những giới hạn chặt chẽ mà Tòa án Công lý có thể giám sát. Các giải pháp đạt được thông qua đàm phán không được như vậy.

Ủy ban châu Âu đôi khi áp đặt các nghĩa vụ mà nếu xem xét dưới góc độ nội luật thì có thể bị coi là một sự can thiệp quá mức.

Việc các quốc gia thành viên thường không được tham gia vào tiến trình thông qua các biện pháp giải quyết tranh chấp bằng đàm phán cũng có thể được xem như là bất lợi thứ tư.

**1580.** Ngoài các biện pháp giải quyết tranh chấp mà các bên tự đàm phán, Ủy ban châu Âu còn hay áp dụng một phương thức nữa, đó là biện pháp thông tin.

Trên cơ sở kinh nghiệm có được qua các trường hợp cá biệt

và án lệ của Tòa án Công lý, thông qua các bản tin mà mình công bố, Ủy ban châu Âu thông báo về các điều kiện áp dụng đối với một loại thoả thuận hay loại hành vi nhất định theo quy định của Điều 81, Khoản 1 và 3, và Điều 82.

Văn bản thông báo này tuy không có giá trị như một quyết định, nhưng cung cấp nhiều thông tin bổ ích cho doanh nghiệp.

Ví dụ, Ủy ban châu Âu đã sử dụng phương thức thông tin để công bố điều kiện thực hiện các thoả thuận liên ngân hàng trong việc chuyển khoản ra nước ngoài hay thoả thuận về việc sử dụng mạng lưới của các doanh nghiệp nắm giữ độc quyền trước đây trong lĩnh vực viễn thông<sup>81</sup>.

**1581.** Ngược lại, dù là trong lịch sử pháp luật ngăn ngui của Pháp trong lĩnh vực cạnh tranh những năm vừa qua hay trong thực tiễn hoạt động hiện nay, phương thức giải quyết tranh chấp bằng hoà giải vẫn chỉ được coi là một biện pháp thứ yếu trong hoạt động kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh.

Ngay trong phần mở đầu, Pháp lệnh ngày 30-6-1945 về kiểm soát các thoả thuận đã loại trừ khả năng thoả hiệp.

Phương thức thoả hiệp hay được sử dụng để giải quyết các loại vi phạm khác quy định trong Pháp lệnh năm 1945. Trên thực tế, thoả hiệp có tính chất như một sự đổi chác: bên vi phạm phải chịu một chế tài phạt tiền với mức trần không được xác định để được giữ bí mật thông tin về hành vi vi phạm.

Pháp lệnh ngày 1-12-1986 đã loại bỏ khả năng thoả hiệp với Tổng cục. Quy định này không liên quan đến hoạt động kiểm soát hành vi phản cạnh tranh, vì ngay từ đầu pháp luật

---

81. Công báo của Liên minh châu Âu ngày 11-3-1997. Về vấn đề này, xem thêm tạp chí *Les Echos*, ngày 28 và 29-3-1997, bài viết của Olivier d'Ormesson et Anne Wachsmann, và Công báo của Liên minh châu Âu, số C-265/2 ngày 22-8-1998. Xem *Tin nhanh về cạnh tranh (Concurrence Actualites Express)*, số 200, 27-8-1998.

đã loại trừ khả năng thoả hiệp trong lĩnh vực này, mà chỉ có tác dụng đối với việc thoả hiệp đã được quy định trong nhiều năm trước đó, mặc dù trên thực tế rất ít khi được áp dụng trước khi bị bỏ hẳn.

Các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh do vậy mà khác với quyết định của Bộ trưởng phụ trách kinh tế khi áp dụng các quy định pháp luật về kiểm soát hoạt động tập trung kinh tế. Bộ trưởng thường chỉ yêu cầu Hội đồng Cạnh tranh xử lý vụ việc trong các trường hợp phức tạp hoặc khi các đơn vị có thẩm quyền của Bộ không đạt được thoả thuận chung với các doanh nghiệp có liên quan.

**1582.** Việc nước Pháp không lựa chọn giải pháp hoà giải khi áp dụng pháp luật về hành vi phản cạnh tranh là điều dễ hiểu nếu so sánh hình thức của các quyết định được ban hành ở Pháp với cơ chế giải quyết mà ta có thể thấy trong một số hệ thống cơ bản khác, như Mỹ, Anh và Liên minh châu Âu.

Ở Mỹ, đại đa số các vụ án dân sự (75-90%) được giải quyết theo cơ chế hoà giải, trong khi bản thân các vụ án dân sự cũng đã chiếm một phần lớn trong số các vụ việc về chống tập trung kinh tế (10 vụ giải quyết bởi Tòa án Dân sự mới có một vụ giải quyết bởi Tòa án Hình sự).

Ngay cả đối với các trường hợp đã khởi tố hình sự thì vẫn có thể dẫn đến một hình thức thoả thuận nhất định, có tính đồng thuận và đàm phán hơn là áp đặt theo hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, các thoả thuận đó phải được thể hiện bằng một văn bản của toà án.

"Bản án theo thoả thuận" (*consent decrees*) chiếm phần lớn trong số các biện pháp được áp dụng để giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực tập trung kinh tế.

Một số "bản án theo thoả thuận" nổi tiếng đã điều chỉnh thực tiễn cạnh tranh trong nhiều thập niên. Ví dụ, bản án Paramount năm 1946 được áp dụng làm căn cứ để điều chỉnh



việc sáp nhập theo chiều dọc giữa doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp phát hành phim.

Tương tự như vậy, rất nhiều vụ việc ở Anh kết thúc bằng một giải pháp đạt được theo thoả thuận: trong nhiều trường hợp, lẽ ra phải khuyến nghị Ủy ban Cạnh tranh xử lý vụ việc (Competition Commission), Giám đốc Cơ quan Thương mại lành mạnh (Office of Fair Trading) có thể đàm phán để các bên đưa ra một số cam kết, để đổi lại, Giám đốc Cơ quan Thương mại lành mạnh sẽ không khuyến nghị Ủy ban Cạnh tranh xử lý vụ việc. Thông thường, doanh nghiệp sẵn sàng nhượng bộ để khỏi mất thời gian mà lại bảo đảm được an toàn về mặt pháp lý.

Về phần mình, khi nhận được khiếu nại, Ủy ban châu Âu cũng có thể chấp nhận những cam kết có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật, để không phải tiến hành điều tra và mở một thủ tục chính thức.

**1583.** Ngày nay, phương thức giải quyết tranh chấp bằng hòa giải vẫn được áp dụng *trong thực tiễn*, cho dù pháp luật không quy định khả năng đó mà chỉ cho phép áp dụng cơ chế khoan hồng hoặc biện pháp thoả hiệp theo đề nghị của Báo cáo viên trưởng.

Nhiều yếu tố có thể giải thích thực trạng trên đây: vai trò quan trọng của Ủy viên Chính phủ, nhiệm vụ nặng nề của Hội đồng Cạnh tranh và tình trạng "tư pháp hoá" khá rõ nét thủ tục tố tụng của Hội đồng.

Trước Hội đồng Cạnh tranh, Ủy viên Chính phủ không chỉ thể hiện quan điểm của cơ quan mình đại diện mà còn của tất cả các bộ có liên quan. Ủy viên có xu hướng thể hiện sự hiện diện và một quyền hạn quan trọng mà mình đã mất từ khi áp dụng cơ chế mới năm 1986: quyền quyết định xử lý các hành vi thoả thuận phản cạnh tranh và lạm dụng vị trí thống lĩnh.

Trên thực tế, xu hướng này ngày càng được thể hiện rõ nét

vì đã tồn tại từ khá lâu. Một ví dụ cụ thể là vụ tranh chấp về việc ấn định phí cấp thẻ ngân hàng.

Ủy viên Chính phủ đã đọc một bức thư của Hiệp hội các ngân hàng Pháp (tổ chức hình thành các thoả thuận trong lĩnh vực ngân hàng) cho các thành viên của Hội đồng Cạnh tranh trong phiên xét xử, trong khi bức thư đó chưa được đưa vào trong hồ sơ trước đó.

Bức thư đề cập một thoả thuận giữa Kho bạc với Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận thương mại và với ngành ngân hàng, trong khi thủ tục tố tụng đang được Hội đồng Cạnh tranh tiến hành. Các ngân hàng đã lợi dụng sự độ lượng của Ủy viên Chính phủ bằng cách đề xuất là sẽ tiến hành sửa đổi một số điều trong các thoả thuận và hành vi đang được xem xét xử lý. Sau khi nghị án (không có sự tham gia của Ủy viên Chính phủ), Hội đồng Cạnh tranh nhận xét là cần phải buộc các thành viên của Tổ chức Thẻ ngân hàng, tức là các ngân hàng chấm dứt hành vi vi phạm, mặc dù họ đã cam kết là sẽ điều chỉnh hành vi của mình. Nhưng, các nhà quan sát đã hết sức ngạc nhiên khi nhận thấy rằng Hội đồng Cạnh tranh không áp dụng các chế tài phạt tiền mà lẽ ra phải được áp dụng nếu căn cứ vào tiền lệ trong việc xử lý các thoả thuận giữa các ngân hàng và vào các thông tin đã được tiết lộ về nội dung hồ sơ.

Qua ví dụ đó có thể thấy, dù chỉ là ngoại lệ, việc điều chỉnh không phải là không thể, trong khi vẫn tôn trọng hình thức của văn bản, nếu các doanh nghiệp liên quan có khả năng gây ảnh hưởng đối với các thiết chế.

**1584.** Một yếu tố nữa khiến các thiết chế này tìm kiếm giải pháp thoả hiệp là do họ có quá nhiều nhiệm vụ nặng nề và do thủ tục phức tạp của Hội đồng Cạnh tranh.

**1585.** Cuối cùng, tình trạng tư pháp hoá cơ chế kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh của Pháp, gắn với thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án Phúc thẩm Paris, cũng có thể

được coi là một nguyên nhân. Việc các bên rút đơn yêu cầu rất phổ biến trong thủ tục giải quyết tranh chấp trước toà án. Điều này có thể gây ra hiệu ứng như vết dầu loang trong hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh, vì trong thực tiễn hoạt động những năm qua, việc các bên không còn quan tâm đến kết quả của thủ tục không được coi là căn cứ để chấm dứt thủ tục đang được tiến hành.

Có thể và hy vọng rằng giải pháp thoả hiệp sẽ được phát triển trong lĩnh vực này, dưới sự kiểm soát của toà án.

**1586.** Tuy nhiên, thiết nghĩ nên tiếp tục ưu tiên phương pháp tiếp cận điển hình của Luật Công pháp, trong đó có Luật Cạnh tranh, theo đó tất cả các quyết định đều phải được công bố, phải nêu rõ hành vi nào là hợp pháp, hành vi nào trái pháp luật. Nếu không sẽ phải chọn lọc kỹ hơn ở giai đoạn xem xét thụ lý đơn khiếu nại. Điều này không chỉ có lợi cho các bên, mà còn cho cả doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác, vì các giải pháp pháp luật có thể được chuyển hoá khi mà các doanh nghiệp ở trong các tình huống thực tế khá giống nhau.

Ví dụ, các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh phải được coi như một dạng bài học chung cho mọi người về hành vi cạnh tranh, vừa có tính chất như bản án của toà án đã có hiệu lực pháp luật, hiệu lực giới hạn với các bên liên quan, và tính chất như một quy phạm của một văn bản pháp luật.

## **2) Quyết định có đối tượng xác định rõ ràng**

**1587.** Doanh nghiệp là đối tượng của quyết định chắc chắn phải là doanh nghiệp đã vi phạm quy định và đã được giải thích về hành vi của mình trong quá trình tố tụng.

Bên cạnh đó, để kết luận là doanh nghiệp đã vi phạm và áp dụng chế tài, thì doanh nghiệp đó phải thực sự độc lập về ý chí.

Hội đồng Cạnh tranh đã bác yêu cầu của Wanadoo

Interactive trong vụ Liberty Surf khiếu nại lên Hội đồng về hành vi của "tập đoàn France Télécom"<sup>82</sup>. Hội đồng đã chứng minh được rằng giữa Wanadoo Interactive và France Télécom có một chiến lược kinh doanh chung, nên không thể cho rằng Wanadoo Interactive hoạt động một cách độc lập với nhà khai thác truyền thống.

**1588.** Quan điểm này cũng được thừa nhận trong pháp luật Liên minh châu Âu. Tòa án Công lý cho rằng:

*"hành vi phân cạnh tranh do một doanh nghiệp thực hiện có thể quy trách nhiệm cho một doanh nghiệp khác nếu doanh nghiệp thực hiện không quyết định được hoạt động của mình trên thị trường một cách độc lập mà về cơ bản đã phải thực hiện theo chỉ thị của doanh nghiệp khác, đặc biệt nếu xét trong mối quan hệ kinh tế và pháp lý giữa các doanh nghiệp đó"*<sup>83</sup>.

**1589.** Theo pháp luật Pháp cũng như pháp luật của Liên minh châu Âu, nếu một doanh nghiệp vi phạm pháp luật cạnh tranh sau đó không còn tồn tại nữa vì bị doanh nghiệp khác mua lại, thì doanh nghiệp mua lại có thể bị xử lý nếu bảo đảm tính liên tục trong hoạt động kinh tế của doanh nghiệp bị mua lại.

### **3) Quyết định nêu rõ căn cứ và được công bố công khai**

**1590.** Mọi quyết định của Hội đồng Cạnh tranh đều phải nêu rõ căn cứ và được công bố công khai.

Nghĩa vụ nêu rõ căn cứ được quy định trong luật ngày 11 - 7-1979 về việc nêu căn cứ của các quyết định hành chính.

Trên thực tế, mặc dù thủ tục ban hành quyết định của Hội đồng Cạnh tranh rất giống với thủ tục của tòa án nhưng lại có tính hành chính, nên có thể nói không có văn bản hành chính

82. Hội đồng Cạnh tranh, Quyết định số 02-D-38, ngày 19-6-2002.

83. Tòa án Công lý, vụ C-176/99, P c/ A.

nào được nêu căn cứ một cách rõ ràng như quyết định của Hội đồng Cạnh tranh.

Các quyết định này đều phải được công bố công khai trên *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* (Điều L.464-8 của Bộ luật Thương mại) và đưa lên trang web của Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận thương mại (<http://www.minefi.gouv.fr/DGCCRF/index.html>).

Ngoài ra, quyết định của Hội đồng Cạnh tranh còn được đưa vào phần phụ lục báo cáo hoạt động hàng năm.

Việc Hội đồng Cạnh tranh công bố một thông cáo báo chí về quyết định mà mình vừa ban hành không được coi là biện pháp công bố theo quy định tại Điều L.464-8, kể cả khi quyết định đó có kèm theo chế tài phạt tiền. Vì vậy, quyết định của Hội đồng về việc công bố thông cáo báo chí không thuộc phạm vi thẩm quyền xem xét của Tòa án Phúc thẩm Paris. Điều này đã được Tòa án Phúc thẩm Paris khẳng định trong phán quyết về vụ *Canal+ kiện TPS*<sup>84</sup>.

#### **4) Quyết định có hiệu lực giới hạn về thời gian**

**1591.** Trong việc kiểm soát hành vi phản cạnh tranh, các giải pháp pháp luật chỉ có tính chất tạm thời và bấp bênh vì bị phụ thuộc chặt chẽ vào hoàn cảnh, chính sách kinh tế, vào bối cảnh thực tế và pháp luật của vấn đề liên quan. Mà tất cả các yếu tố đó đều vận động, phát triển không ngừng.

Khi phải xem xét một ảnh hưởng nào đó đến cạnh tranh là có thể chấp nhận được hay không, dù câu trả lời như thế nào thì về bản chất, nó cũng chỉ có hiệu lực tạm thời. Sớm hay muộn, câu trả lời đó có thể sẽ không còn phù hợp với thực tế, với bối cảnh hay với yêu cầu của cộng đồng, của người tiêu dùng, thậm chí của cả lĩnh vực kinh tế và của các bên có liên quan. Trong

84. Tòa án Phúc thẩm Paris, Phân toà thứ nhất, Ban H, ngày 15-6-1999.

suốt bảy đến tám năm liền, các cơ quan quản lý cạnh tranh vẫn né tránh không thừa nhận rằng các thoả thuận liên kết chiến lược giữa các hãng hàng không là phù hợp với quy định tại Điều 85, sau đó trở thành Điều 81. Cuối cùng, sau vụ khủng bố ngày 11-9-2001 tại New York, các cơ quan quản lý mới thừa nhận rằng các thoả thuận đó có lợi cho việc củng cố một ngành công nghiệp đang đối mặt với tình trạng dư thừa năng lực sản xuất. Các cơ quan này cũng đã phải xem xét lại cơ chế miễn trừ theo loại trong lĩnh vực phân phối xe hơi theo phương thức vừa có tính độc quyền, vừa có tính chọn lựa, khi thấy có sự thống nhất về giá giữa các nước thành viên.

Vì vậy, hiệu lực của các quyết định miễn trừ nên được giới hạn trong một thời gian nhất định, để còn có thể xem xét chúng có còn phù hợp hay không. Bên cạnh đó, các quyết định cấm hay cho phép có điều kiện cũng phải có khả năng xem xét lại.

Vấn đề thời hạn hiệu lực là bao nhiêu được đặt ra đặc biệt đối với các quyết định miễn trừ. Câu trả lời khác nhau tùy theo việc điều tiết được xây dựng theo nguyên tắc hậu kiểm đối với các hành vi lạm dụng (như trong pháp luật Pháp hay theo cơ chế mới của Liên minh châu Âu quy định tại Quy chế số 1/2003) hay theo cơ chế tiền kiểm bằng phương thức cấp phép (như trong pháp luật của Đức hay pháp luật Liên minh châu Âu theo quan điểm truyền thống).

**1592.** Các quyết định miễn trừ được ban hành theo nội luật của Pháp không quy định cụ thể giới hạn về thời gian.

Nhưng các quyết định miễn trừ theo pháp luật của Liên minh châu Âu thì ngược lại, dù là miễn trừ cá biệt hay miễn trừ theo loại.

Do đó, chúng chỉ có một sự an toàn pháp lý giới hạn về thời gian và để gia hạn thì phải có một quyết định mới.

Hơn nữa, quyết định miễn trừ có thể bị xem xét lại trong

thời gian nó có hiệu lực nếu các điều kiện làm căn cứ cho hưởng miễn trừ đã thay đổi đáng kể.

Trong trường hợp đó, Ủy ban châu Âu có thể tự mình hoặc căn cứ vào đơn khiếu nại để xem xét lại quyết định mà mình đã ban hành. Ví dụ, Ủy ban châu Âu đã rút lại quyết định miễn trừ theo loại, được áp dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 81, đối với thoả thuận phân phối có chọn lựa của AEG Telefunken.

Tương tự như vậy, Tòa án Sơ thẩm đã thừa nhận khả năng này của Ủy ban châu Âu khi xem xét quyết định miễn trừ cá biệt đã được Ủy ban áp dụng vào tháng 3-1987 đối với công ty Tetrapak của Thụy Sĩ, công ty có vị trí thống lĩnh trên thị trường đóng gói sữa của Liên minh châu Âu. Công ty này bị tước quyền miễn trừ do đã có hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh<sup>85</sup>.

### **5) Quyết định được kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện**

**1593.** Mọi quyết định của Hội đồng Cạnh tranh đều có hiệu lực thi hành.

Quyết định của Hội đồng có hiệu lực bắt buộc đối với những người đã được tổng đạt quyết định và những người kế thừa nghĩa vụ của những người này sau ngày quyết định được ban hành.

Quy định này đã được thừa nhận ngay từ năm 1979 trong vụ BSN mua lại quyền kiểm soát công ty Amora là công ty phải thi hành quyết định bị buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm sau khi bị điều tra về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh trên thị trường sản phẩm dấm.

Tuy nhiên, nguyên tắc chuyển giao nghĩa vụ đối với quyết định phạt tiền của Hội đồng Cạnh tranh được áp dụng có điều kiện và có ngoại lệ:

---

85. Tòa án Công lý, tháng 7-1990.

- Tòa án Phúc thẩm Paris cho rằng để chuyển giao nghĩa vụ thì phải bảo đảm rằng "các yếu tố vật chất và con người góp phần vào việc thực hiện hành vi vi phạm vẫn còn tiếp tục tồn tại".

- Theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của luật ngày 25-1-1985 về thủ tục phục hồi và thanh lý doanh nghiệp, bên nhận chuyển nhượng không phải chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ không được quy định rõ trong kế hoạch chuyển nhượng.

Nguyên tắc cá thể hoá và nguyên tắc không thể chuyển giao hình phạt là các nguyên tắc mà toà án đã quen áp dụng đối với cá nhân. Việc chuyển hoá các nguyên tắc này để áp dụng đối với pháp nhân thể hiện nét đặc trưng của việc tư pháp hoá cơ chế kiểm soát hành vi phản cạnh tranh.

**1594.** Hội đồng Cạnh tranh kiểm tra, giám sát để bảo đảm rằng các quyết định của mình phải được thi hành. Nếu các biện pháp, dù có phải là biện pháp khẩn cấp tạm thời hay không, và các quyết định buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm không được thi hành, thì Hội đồng vẫn có thể áp dụng một chế tài phạt tiền theo quy định tại Điều L.464-3.

Hội đồng có thể áp dụng biện pháp này theo các phương thức giải quyết thông thường, nghĩa là theo yêu cầu của Bộ trưởng phụ trách kinh tế, theo phương thức tự thụ lý để giải quyết, theo khiếu nại của doanh nghiệp hoặc theo khiếu nại của các tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều L.462-1<sup>86</sup>.

Các quyết định thuộc loại này được ban hành sau khi lập một bản báo cáo về vụ việc. Các bên và Ủy viên Chính phủ có thời hạn hai tháng để gửi văn bản nêu ý kiến của mình về bản báo cáo. Trong trường hợp khẩn cấp, Báo cáo viên trưởng có thể rút ngắn thời hạn còn một tháng.

---

86. Điều 47 Quyết định số 2002-689, ngày 30-4-2002.



Các bên và Ủy viên Chính phủ cũng có thể trực tiếp nhận xét bằng lời trong phiên xét xử.

**1595.** Hội đồng không chỉ bảo đảm các quyết định của chính mình được tuân thủ mà cả các quyết định phúc thẩm của Tòa án Phúc thẩm Paris liên quan đến quyết định của mình, nếu có. Như vậy, Hội đồng kiểm tra xem những nghĩa vụ được nêu trong quyết định của mình và trong bản án phúc thẩm của Tòa án Phúc thẩm Paris có thực sự được thực thi hay không.

**1596.** Dù là Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận thương mại, với chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều L.464-8 của Bộ luật Thương mại, hay Hội đồng Cạnh tranh, cơ quan có thẩm quyền quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều L.464-3 đối với những người không tuân thủ quyết định của mình, hay Ban Tư pháp của Kho bạc nhà nước, phụ trách thu tiền phạt, tất cả các cơ quan này đều quan tâm đến việc bảo đảm sự tuân thủ các quyết định đã ban hành.

Sự quan tâm đó được thể hiện bằng các quyết định phạt tiền đối với những người thi hành không đầy đủ hay đơn giản là chậm thi hành quyết định của Hội đồng Cạnh tranh.

Vụ GIE thẻ ngân hàng<sup>87</sup> và vụ thùng chứa hydro cacbua của các công ty dầu mỏ<sup>88</sup> là những minh chứng có ý nghĩa về điều này.

Hội đồng đã phạt 5.000.000 franc (762.000 euro) đối với công ty ODA, công ty khai thác độc quyền danh bạ điện thoại của

---

87. Quyết định số 90-D-41, *Thẻ ngân hàng, Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại*, ngày 30-10-1990, *Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*, số 413.

88. Quyết định số 90-D-39 ngày 23-10-1990, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại*, ngày 30-10-1990, *Phụ lục tạp chí ADCC Lamy*, số 415.

France Télécom, vì không tôn trọng quyết định buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm<sup>89</sup>.

**1597.** Trước sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thi hành các quyết định này, nhà lập pháp đã quy định hai biện pháp bảo đảm và Tòa án Phúc thẩm Paris đặt ra hai giới hạn.

Hai biện pháp bảo đảm bao gồm:

- khả năng kháng cáo, kháng nghị ra toà án<sup>90</sup>;
- khả năng tạm đình chỉ thi hành quyết định.

Điều này được quy định tại đoạn trước đoạn cuối cùng của Điều 464-8 của Bộ luật Thương mại, được thông qua theo yêu cầu của Hội đồng Bảo hiến.

Quy định này dung hoà nguyên tắc theo đó việc kháng cáo, kháng nghị quyết định của Hội đồng Cạnh tranh không có hiệu lực đình chỉ thi hành<sup>91</sup>. Chánh án Tòa án Phúc thẩm Paris có thể quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của Hội đồng Cạnh tranh nếu quyết định đó có khả năng gây ra hậu quả rõ ràng quá mức cần thiết hoặc trong trường hợp phát hiện tình tiết mới hết sức nghiêm trọng sau khi tổng đạt quyết định của Hội đồng.

**1598.** Về phần mình, Tòa án Phúc thẩm Paris đã đặt ra hai giới hạn cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc bảo đảm tuân thủ các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh.

---

89. Quyết định số 92-D-25 ngày 31-3-1992, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại*, số 11 ngày 30-5-1990. Tuy nhiên, trong phần sau, chúng ta sẽ xem tại sao Tòa án Phúc thẩm Paris lại huỷ quyết định này.

90. Xem phần sau, các số 1662 và tiếp theo.

91. Ví dụ về hoãn thi hành quyết định xử lý: *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* ngày 29-12-1990. Quyết định của Chánh án Tòa án Phúc thẩm Paris ngày 20-12-1990 về đơn kháng cáo của công ty Demouy SA đối với quyết định của Hội đồng Cạnh tranh. Xem thêm phần sau, số 1680.

Hội đồng Cạnh tranh phải kiểm tra xem doanh nghiệp mà mình phạt có đúng là doanh nghiệp đã thực hiện hành vi vi phạm không, nếu đã có những thay đổi về trái vụ trước đó. Như đã trình bày ở trên, cần phải bảo đảm rằng "*các yếu tố vật chất và con người góp phần vào việc thực hiện hành vi vi phạm vẫn còn tiếp tục tồn tại*"<sup>92</sup>.

Ngoài ra, Hội đồng Cạnh tranh còn phải chứng minh rằng các biện pháp hay nghĩa vụ chấm dứt hành vi vi phạm trong quyết định của mình không được thực hiện đầy đủ, nhưng không được dựa vào đó để xác lập căn cứ xử phạt mới và xử phạt một lần nữa.

Đó chính là lý do để Tòa án Phúc thẩm Paris tuyên huỷ quyết định, theo đó Hội đồng Cạnh tranh phạt công ty quảng cáo ODA 5 triệu franc vì đã không thi hành đầy đủ quyết định buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm trước đó<sup>93</sup>.

Hội đồng Cạnh tranh không được bảo đảm việc thực thi các quyết định của mình bằng cách áp dụng chế tài *phạt tiền vì chậm thực hiện nghĩa vụ*. Pháp luật không quy định gì về vấn đề này, nhưng Hội đồng Cạnh tranh đã từ chối thẩm quyền đó giống như đối với thẩm quyền áp dụng các biện pháp kê biên<sup>94</sup>.

#### **§4. Quyết định của Ủy ban châu Âu**

**1599.** Theo quy định của Quy chế số 17, có thể phân biệt bốn loại quyết định đối với các hành vi phản cạnh tranh:

- Quyết định xác nhận không áp dụng quy định cấm, theo

---

92. Xem phần trên, các số 835-836.

93. Tòa án Phúc thẩm Paris, ngày 19-11-1992, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* số 21, ngày 4-12-1992.

94. Quyết định số 2000-MC-15, ngày 25-10-2000, *Yêu cầu áp dụng biện pháp bảo toàn của công ty Ciné-Théâtre du Lamentin*, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* ngày 30-12-2000.

đó, căn cứ vào các tình tiết mà mình biết được, Ủy ban châu Âu sẽ không áp dụng các quy định tại Khoản 1 Điều 81 hay tại Điều 82;

- Quyết định tuyên bố miễn áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 81, theo quy định tại Khoản 3 của điều này, nghĩa là áp dụng miễn trừ cá biệt hoặc miễn trừ theo loại;

- Quyết định từ chối tuyên bố miễn áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 81, điều đó đồng nghĩa với việc xác nhận rằng thỏa thuận trái với quy định về thị trường chung;

- Quyết định xác nhận hành vi trái với quy định về thị trường chung theo quy định tại Điều 82, nghĩa là cấm một hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh.

**1600.** Quy chế số 1/2003 đã xóa bỏ cơ chế xác nhận không áp dụng quy định cấm. Ủy ban châu Âu không có nghĩa vụ cung cấp văn bản thông báo về định hướng giải quyết để phúc đáp yêu cầu của doanh nghiệp hay nhóm doanh nghiệp khi họ muốn tham khảo thông tin để bảo đảm an toàn pháp lý cho hoạt động của mình, trong khi án lệ không đáp ứng đủ yêu cầu về thông tin.

Ủy ban châu Âu không muốn việc cung cấp thông tin phát triển đến mức hình thành một cơ chế thông báo mới.

Chính vì vậy, Ủy ban sẽ chỉ chấp nhận trả lời yêu cầu thông tin trong một số trường hợp có căn cứ, ví dụ khi vấn đề liên quan mới phát sinh hay vì các khoản đầu tư liên quan đến dự án thỏa thuận có giá trị lớn. Khác với cơ chế xác nhận không áp dụng quy định cấm trước đây, văn bản thông báo về định hướng giải quyết không có giá trị pháp lý như một quyết định. Văn bản chỉ cung cấp thông tin về cách giải thích của Ủy ban và chỉ ràng buộc Ủy ban với người đã yêu cầu cung cấp thông tin.

Chương III của Quy chế số 1/2003 quy định về các loại quyết định Ủy ban châu Âu có thể ban hành đối với các hành vi phản cạnh tranh.

## **1) Quyết định buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm**

**1601.** Theo quy định tại Điều 7 của Quy chế nêu trên, Ủy ban châu Âu có thể buộc doanh nghiệp hay nhóm doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định tại các điều 81 hay 82 phải chấm dứt hành vi vi phạm.

Để làm điều đó, Ủy ban có thể quyết định áp dụng các biện pháp điều chỉnh hành vi ứng xử hay biện pháp điều chỉnh cơ cấu.

Có một điều thú vị là Ủy ban châu Âu có thể sử dụng biện pháp điều chỉnh về mặt cơ cấu để xử lý một vi phạm liên quan đến hành vi ứng xử.

Ngay cả theo quy định của Quy chế số 17, cụ thể là tại Điều 3, một số nhà nghiên cứu<sup>95</sup> cho rằng Quy chế đó đã cho phép Ủy ban áp dụng các biện pháp điều chỉnh cơ cấu. Thực ra Điều 3 không phân biệt biện pháp điều chỉnh hành vi ứng xử với biện pháp điều chỉnh cơ cấu và Tòa án Công lý cũng đã có nhiều giải thích về các quy định này vì chúng là căn cứ duy nhất cho phép áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong pháp luật của Liên minh châu Âu<sup>96</sup>. Ngoài ra, cũng phải thừa nhận rằng bản thân nguyên tắc tương xứng giữa mức độ vi phạm và chế tài cũng phải được giải thích theo hướng ngược lại so với cách thông thường người ta vẫn viện dẫn: nếu chỉ có thể chấm dứt một hành vi lạm dụng có tính ứng xử bằng biện pháp điều chỉnh cơ cấu thì biện pháp điều chỉnh cơ cấu đó phải được áp dụng và phải tương xứng với mức độ thiệt hại mà hành vi lạm dụng đó đã gây ra cho cạnh tranh. Quan điểm này đã được phát triển trên cơ sở quy định tại Điều L.430-9 của Bộ luật Thương mại.

---

95. Báo cáo của Ủy ban "Quy chế mới số 17", Jacques H. J. BOURGEOIS, và Christophe HUMPE, ECLR, số 2, 2002.

96. Nay quy định tại Điều 8 của Quy chế số 1/2003.

Cuối cùng, Tòa án Công lý cũng đã thừa nhận khái niệm *làm dụng đương nhiên* khi cho rằng một biện pháp can thiệp của Nhà nước phải bị coi là trái với quy định của Điều 82 nếu nó đặt một doanh nghiệp nào đó vào vị trí vi phạm quy định tại điều này<sup>97</sup>.

Như vậy nghĩa là có thể xử lý một hành vi ứng xử phản cạnh tranh mà nguyên nhân của nó có tính cơ cấu, tức là áp dụng một biện pháp điều chỉnh cơ cấu để chấm dứt hành vi phản cạnh tranh đó.

Tuy nhiên, vẫn có một điều không chắc chắn. Trong khuôn khổ dự án hiện đại hoá các quy định pháp luật về cạnh tranh, Ủy ban châu Âu đã yêu cầu chính thức trao thẩm quyền đó cho mình. Sở dĩ như vậy vì Ủy ban không chắc chắn là mình có thẩm quyền. Còn giờ đây, thẩm quyền này đã được trao cho Ủy ban.

**1602.** Các biện pháp yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm cũng phải tương xứng với hành vi vi phạm đã thực hiện, và cần thiết phải áp dụng để thực sự chấm dứt hành vi vi phạm.

Một biện pháp điều chỉnh cơ cấu chỉ được áp dụng nếu không có biện pháp điều chỉnh hành vi ứng xử nào hiệu quả hơn. Với hiệu quả như nhau, biện pháp điều chỉnh hành vi ứng xử phải được ưu tiên nếu nó có tính cưỡng chế ít hơn.

## **2) Phạt tiền**

**1603.** Chế tài phạt tiền được quy định tại Điều 23 Khoản 2 của Quy chế số 1/2003. Điều này quy định tương tự như Khoản 2 Điều 15 của Quy chế số 17 trước đây, với một chút sửa đổi. Chế

---

97. Tòa án Công lý, ngày 17-5-2001, *Traco Spa c/ Poste Italian Spa.*, aff. C-340/99.

tài phạt tiền được áp dụng đối với những người đã cố tình hoặc vô ý vi phạm quy định tại Điều 81 hoặc 82.

Mức tiền phạt có thể lên đến 10% doanh số của năm trước năm ra quyết định phạt tiền, đối với từng doanh nghiệp đã tham gia hành vi vi phạm.

1604. Cho đến năm 1997, Ủy ban đã bỏ qua cách giải thích căn cứ vào từ ngữ của Khoản 2, Điều 15 của Quy chế số 17, theo đó mức tiền phạt phải được tính trên tổng doanh số của doanh nghiệp. Trên thực tế, Ủy ban thường chỉ lấy căn cứ tính tiền phạt là doanh số được thực hiện trong lĩnh vực hoạt động liên quan đến hành vi vi phạm. Cách tính này đã được Tòa án Công lý thừa nhận<sup>98</sup>. Tuy nhiên, không loại trừ khả năng bây giờ Ủy ban châu Âu có thể bỏ cách tính đó để đáp ứng yêu cầu ngày càng phải cứng rắn hơn trong việc xử lý các thoả thuận phản cạnh tranh nghiêm trọng nhất.

Do nhận thấy rằng các thoả thuận lớn liên kết doanh nghiệp trên phạm vi quốc tế vẫn tiếp tục tồn tại và việc nhiều doanh nghiệp lớn tính toán chi phí/lợi ích khi tham gia vào thoả thuận liên kết doanh nghiệp, nên ngày 25-3-1998, OECD đã khuyến cáo xử lý theo hướng nói trên. Cũng trong năm 1998, Ủy ban châu Âu đã công bố hướng dẫn về cách tính tiền phạt<sup>99</sup>. Sau đó, Ủy ban đã yêu cầu Hội đồng sửa đổi Quy chế hướng dẫn áp dụng Điều 81 để có thể tập trung hơn vào công tác đấu tranh chống lại những thoả thuận phản cạnh tranh được đánh giá là có hại nhất.

Trên thực tế, phương thức tính cũ chưa được thay đổi ngay sau năm 1998, nên căn cứ tính tiền phạt vẫn chỉ là

---

98. Tòa án Công lý, *Musique Diffusion Française c/ Ủy ban châu Âu*, 1983, ECR 1825, §121.

99. Công báo của Liên minh châu Âu, số C-9, ngày 14-1-1998.

doanh số được thực hiện trong lĩnh vực hoạt động liên quan đến thoả thuận.

Ngược lại, từ năm 1999, xu hướng thay đổi đã được thể hiện trong quan điểm của Ủy ban trước Tòa án Sơ thẩm, như trong vụ ống dẫn bọc chất giữ nhiệt, và cả trong một số quyết định của Ủy ban<sup>100</sup>.

**1605.** Ủy ban châu Âu áp dụng chế tài phạt tiền một cách có chọn lọc hơn so với Hội đồng Cạnh tranh, nhưng lại mạnh tay hơn rất nhiều đối với những hành vi vi phạm nghiêm trọng. Mức tiền phạt 497 triệu euro áp dụng cho công ty Microsoft là một minh chứng điển hình.

Quyết định phạt tiền của Ủy ban châu Âu có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 256 của Hiệp ước. Việc cưỡng chế thi hành được thực hiện theo quy định pháp luật của quốc gia thành viên có liên quan.

**1606.** Theo văn bản hướng dẫn, mức phạt cơ bản được tính căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm.

Các hành vi vi phạm ít nghiêm trọng có thể bị phạt trong khoảng từ 1.000 đến 1 triệu euro; vi phạm nghiêm trọng từ 1 triệu đến 20 triệu euro; rất nghiêm trọng thì mức phạt cao hơn 20 triệu euro.

Theo phương thức tính có tính chất khoán trọn gói hơn này, Ủy ban châu Âu có xu hướng không gắn mức tiền phạt với thị trường liên quan, nghĩa là với doanh số thực hiện trên thị trường đó, và tăng cường hiệu lực răn đe của chế tài phạt tiền theo cách phân loại mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm.

---

100. Ống thép không có mối hàn; Lysine.



**Các mức tiền phạt cao nhất trong các vụ việc thỏa thuận  
phản cạnh tranh <sup>101</sup>:**

**Mức phạt tổng cộng tính bằng triệu euro cho mỗi vụ**

<b>Năm</b>	<b>Vụ</b>	<b>Tổng cộng (triệu euro)</b>
2001	Vitamin	855,22
2001	Giấy in nhiệt	313,69
1998	TACA	272,94
2001	Điện cực bằng than chì *	152,8
1994	Bìa cứng *	139,28
2001	Axit xitric	135,2
1994	Xi măng *	113,377
2000	Axit hữu cơ	109,99
1999	ống thép không có mối hàn	99
1998	Ống dẫn giữ nhiệt	92,21
1994	Rầm, xà (xây dựng) *	79,549

\* Mức phạt được xét giảm theo quyết định của Tòa án Sơ thẩm hoặc của Tòa án Công lý

**Các mức tiền phạt cao nhất cho một doanh nghiệp**

<b>Năm</b>	<b>Doanh nghiệp</b>	<b>Mức phạt (triệu euro)</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động</b>
2004	Microsoft	497	Phần mềm
2001	Roche	462	Vitamin
2001	BASF	296,16	Vitamin
2001	Arjo, Wiggins, Appleton	184,27	Giấy in nhiệt
1998	Volkswagen	102 *	Phân phối xe hơi
1991	Petra Pak	75	Đóng chai chất lỏng

101. Tính đến ngày 1-1-2002.

2001	Daimler Chrysler	71,825	Phân phối xe hơi
1998	ABB	70	Ống dẫn giữ nhiệt
2001		69,114 **	Điện cực bằng than chì
2001	Roche	63,5	Axit xitric
2000	Archer Daniels Midland (ADM)	47,3	Lysine
2001	Interbrew	46,5	Bia
2001	Danone	44,6	Bia
2000	Opel Nederland	43	Phân phối xe hơi
2001		42,05 ***	Điện cực bằng than chì
1998	P & O Nedlloyd	41,3	Vận tải bằng Công ten nơ
2001	Archer Daniels Midland (ADM)	39,69	Axit xitric

\* giảm xuống còn 90 triệu euro, theo quyết định của Tòa án Sơ thẩm.  
 \*\* mức phạt đã được xét giảm bởi Tòa án Sơ thẩm, ban đầu Ủy ban phạt 80,2 triệu euro.  
 \*\*\* mức phạt đã được xét giảm bởi Tòa án Sơ thẩm, ban đầu Ủy ban phạt 50,4 triệu euro.

Ủy ban có thể tăng thêm hoặc giảm bớt mức phạt cơ bản tùy theo có tình tiết tăng nặng (chủ mưu, tái phạm, v.v.) hay giảm nhẹ (ví dụ: thoả thuận chưa được áp dụng trên thực tế) và hành vi vi phạm kéo dài bao lâu<sup>102</sup>.

**1607.** Ngoài ra, từ năm năm trở lại đây, mức tiền phạt đôi khi còn có thể được xét giảm theo mức thoả thuận do một số doanh nghiệp hợp tác trong việc điều tra, thu thập chứng cứ về các thoả thuận.

Trong vụ thoả thuận về vitamin, Bộ Tư pháp Mỹ và Ủy ban

102. "Chính sách của Ủy ban châu Âu trong lĩnh vực phạt tiền đối với thoả thuận liên kết doanh nghiệp: những thay đổi gần đây, triển vọng trong tương lai" của François ARBAULT, *Bản tin cạnh tranh số 2*, Hè năm 2003.

Liên minh châu Âu đã phạt tiền cùng một hành vi, nhưng Bộ Tư pháp Mỹ phạt nặng hơn: mặc dù đã hợp tác với Ủy ban châu Âu và do đó được xét giảm mức phạt, công ty Roche và công ty BASF đã bị Ủy ban phạt lần lượt là 462 và 296 triệu euro, so với mức phạt do Bộ Tư pháp Mỹ quyết định là 500 triệu USD (567,279 triệu euro) và 225 triệu USD (255,682 triệu euro).

**1608.** Chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia thoả thuận hồi cải đã được Ủy ban châu Âu học tập từ mô hình của Mỹ.

Bối cảnh hình thành cơ chế khoan hồng ở Mỹ so với bối cảnh của Liên minh châu Âu và của Pháp có hai điểm làm cho chính sách này có vẻ dễ được chấp nhận hơn ở Mỹ, xét về mặt đạo đức: một mặt, cá nhân lãnh đạo doanh nghiệp ở Mỹ có nhiều nguy cơ bị phạt tiền và phạt tù hơn; mặt khác, việc bồi thường cho người bị hại là điều kiện để có thể yêu cầu bất kỳ một chính sách khoan hồng nào. Trong khi đó, ai cũng biết rằng mức bồi thường thiệt hại cao gấp ba ở Mỹ chính là yếu tố cơ bản răn đe mọi hành vi vi phạm luật chống tập trung kinh tế. Khi cơ chế khoan hồng của Mỹ được tiếp nhận vào trong bối cảnh châu Âu, nơi không có những đặc điểm như trên, thì rõ ràng nhiệm vụ của cơ quan quản lý cạnh tranh được thuận lợi hơn, nhưng nó cũng đã tạo điều kiện cho một tâm lý thiếu trách nhiệm: các doanh nghiệp Mỹ vẫn phải bảo đảm nguyên tắc chịu trách nhiệm về hành vi của mình, nhưng trái lại, khi phản bội cam kết của mình, các doanh nghiệp châu Âu không phải hy vọng có thể tránh bị phạt hai lần về cùng một hành vi mà hy vọng hoàn toàn không bị phạt.

Ngay từ năm 1996, Ủy ban châu Âu đã công bố chỉ thị<sup>103</sup> khuyến khích các doanh nghiệp tố cáo về thoả thuận mà mình đã tham gia để đổi lại sẽ được xét giảm hoặc miễn phạt tiền.

---

103. Công báo của Liên minh châu Âu, số C-207/4, ngày 18-7-1996.

Cơ chế này đã có hiệu lực thi hành. Ví dụ, tháng 10-2001, Ủy ban châu Âu đã cho các công ty sản xuất đường gluco hưởng một mức giảm tiền phạt vì các công ty này đã hợp tác trong việc điều tra về thoả thuận ngầm ấn định giá và phân chia thị trường của họ. Lần đầu tiên, Ủy ban châu Âu đã áp dụng một mức giảm rất lớn (80%) cho công ty Fujisawa là công ty đã cung cấp các thông tin đầu tiên cho phép phát hiện ra thoả thuận này.

**1609.** Ngày 13-2-2002, Ủy ban châu Âu đã công bố một chỉ thị mới trên cơ sở kinh nghiệm đã thu được trong năm năm. Ủy ban đã quy định cụ thể hơn và công khai hơn các tiêu chí xem xét miễn phạt tiền đối với doanh nghiệp đã cung cấp thông tin đầu tiên, và giảm phạt tiền đối với các doanh nghiệp đã tham gia đáng kể vào việc điều tra, thu thập chứng cứ về hành vi vi phạm.

Một bảng ấn định các mức xét giảm được lập đã làm cho cơ chế này ít nhiều mang tính máy móc. Doanh nghiệp cung cấp thông tin đầu tiên "có ý nghĩa đáng kể" đối với việc điều tra được giảm 30-50%; doanh nghiệp thứ hai cung cấp thông tin được giảm 20-30%; kể từ doanh nghiệp thứ ba trở đi thì được giảm tối đa 20%. Tuy nhiên, Ủy ban châu Âu vẫn giữ lại một phạm vi quyền đánh giá một cách chủ quan hơn<sup>104</sup>.

**1610.** Về điểm này chúng ta chỉ có thể tán thành Ủy ban vì theo nguyên tắc, một cơ chế khoan hồng như vậy ít nhiều có thể chấp nhận được tùy theo sự ngay tình của doanh nghiệp và vai trò của doanh nghiệp đó trong việc ký kết và thực hiện thoả thuận.

Tuy nhiên, không thể chấp nhận việc một doanh nghiệp lớn, có bộ phận tư vấn pháp lý hoặc tư vấn bên ngoài và đã giữ vai

---

104. Các điểm 9 d và 28 của chỉ thị ngày 18-7-2001. Xem: *Công báo của Liên minh châu Âu* c-105 ngày 21-7-2001. <http://europa.eu.int/comm/competition/antitrust/legislation/96c207en.html>

trò quyết định trong việc tổ chức hoặc thực hiện một thoả thuận lại được xét giảm hoặc miễn toàn bộ tiền phạt. Điều này có thể dễ chấp nhận hơn nếu doanh nghiệp liên quan là một doanh nghiệp vừa hoặc nhỏ và việc cung cấp thông tin không xuất phát từ sự hối hận hay tính toán về kinh tế, mà đơn giản là vì doanh nghiệp đó sợ bị áp dụng chế tài phạt tiền nặng, và có thể cả sợ bị trả đũa, nếu tiết lộ thông tin về thoả thuận mà mình đã bị ép buộc tham gia.

Dù sao đi chăng nữa, tinh thần chung của cải cách năm 2002 so với cơ chế cũ thiết lập năm 1996 vẫn là giảm mạnh các lý do chủ quan làm cho doanh nghiệp ngần ngại khi cung cấp thông tin về các hành vi hay thoả thuận phản cạnh tranh, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn cung cấp thông tin hơn nữa, nhờ vào cơ chế có tính tự động cao hơn và dễ lường trước hơn.

**1611.** Cơ chế khoan hồng đang có nguy cơ mất hiệu quả vì cơ chế "discovery", theo đó bên chịu thiệt hại vì hành vi phản cạnh tranh có thể viện dẫn Công ước La Haye để yêu cầu Ủy ban châu Âu cung cấp chứng cứ hay thậm chí cả lời khai của nhân chứng mà Ủy ban đã thu thập được trong khuôn khổ thủ tục khoan hồng, nhằm khởi kiện đòi bồi thường tại một toà án của Mỹ.

Nguy cơ đó càng đáng lo ngại hơn đối với Ủy ban châu Âu khi toà án Mỹ chấp nhận thụ lý đơn kiện của một số người chịu thiệt hại trong vụ thoả thuận về vitamin, trong khi những người này đã mua vitamin ở bên ngoài lãnh thổ nước Mỹ, và mức bồi thường thiệt hại cao gấp ba ở nước này khuyến khích mạnh mẽ những người cung cấp thông tin về các thoả thuận liên kết doanh nghiệp quốc tế lớn để thu lợi.

**1612.** Xét bên ngoài, cơ chế khoan hồng chỉ dẫn đến giảm mức phạt tiền, hay chính xác hơn là giảm hiệu lực răn đe của các chế tài phạt tiền. Thật vậy, hiệu lực răn đe không chỉ phụ

thuộc vào mức phạt tiền so với lợi nhuận bất chính thu được nhờ thực hiện thoả thuận, mà còn phụ thuộc cả vào mức độ có thể phát hiện hành vi vi phạm như thế nào. Dù chỉ có một phần trăm cơ hội phát hiện thì mức độ răn đe của chế tài phạt 100 triệu euro cũng chỉ bằng phạt 1 triệu euro. Do đó, cơ chế khoan hồng có vẻ làm tăng đáng kể hiệu quả của cơ chế phạt tiền do Ủy ban châu Âu thực hiện.

**1613.** Chắc chắn cơ chế phạt tiền còn chưa phát triển đầy đủ, vẫn tiếp tục gây ra tranh cãi và bị phản đối. Ủy ban châu Âu phải bảo đảm tránh áp dụng những chế tài phạt tiền quá cao đến mức dẫn doanh nghiệp đến chỗ phá sản.

**1614.** Nguy cơ này ngày càng trở nên rõ ràng khi các thoả thuận hợp tác ký kết giữa các cơ quan quản lý cạnh tranh lớn trên thế giới, và thủ tục khuyến khích khai báo của Mỹ cùng với cơ chế khoan hồng đã làm tăng thêm các phản ứng dây chuyền: ngày nay không có gì lạ khi một thoả thuận quốc tế đã bị khởi kiện ở Mỹ, sau đó lại bị xử lý bởi Ủy ban châu Âu về cùng một hành vi và cũng với các doanh nghiệp đó. Ví dụ trong vụ Microsoft, vụ thoả thuận vitamin, hay vụ axit monochloroacetic, thông tin về việc xử lý hành vi phản cạnh tranh lan truyền rất nhanh, và trên phạm vi thế giới, đã làm cho một số thủ tục xử lý mới được mở ra.

**1615.** Một rủi ro nữa, đó là quan điểm của các cơ quan điều tiết có thể làm nảy sinh ý muốn của các văn phòng chuyên môn hóa trong việc giải quyết các "vụ việc có hạng" để đòi bồi thường thiệt hại do hành vi phản cạnh tranh gây ra. Mặc dù có quan tâm đến việc điều chỉnh mức phạt tiền cho phù hợp với thực trạng của từng doanh nghiệp cụ thể, nhưng Ủy ban cũng phải tránh áp dụng mức phạt tỷ lệ với khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

**1616.** Ngoài ra, cũng cần phải đặt ra một giới hạn nhằm tránh những lệch lạc dẫn đến việc cấm đương nhiên một số loại

thoả thuận theo cách quy định của pháp luật Mỹ, mà chỉ được cấm những thoả thuận trái với quy định tại Điều 81 của Hiệp ước. Sự lệch lạc này đã lây nhiễm vào trong pháp luật Pháp. Mặc dù có quan niệm mới về thoả thuận không thể biện minh, bản thân pháp luật Pháp cũng được xây dựng trên quan niệm đánh giá về mặt kinh tế, tức là không thừa nhận các trường hợp ngoại lệ theo bản chất của thoả thuận.

**1617.** Cho dù nội dung như thế nào, các quyết định của Ủy ban châu Âu đều phải được tổng đạt cho các bên liên quan. Nếu một quyết định xử lý vi phạm liên quan đến nhiều bên, Ủy ban châu Âu phải ghi rõ ai chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm nào và nêu rõ căn cứ áp dụng chế tài đối với từng bên<sup>105</sup>.

### **3) Phạt tiền do chậm thực hiện yêu cầu của Ủy ban**

**1618.** Theo quy định tại Điều 24 của Quy chế số 1/2003, Ủy ban châu Âu có thể ra quyết định phạt tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ đối với doanh nghiệp hay nhóm doanh nghiệp đã vi phạm quy định tại Điều 81 hay 82, để buộc doanh nghiệp hay nhóm doanh nghiệp đó chấm dứt hành vi vi phạm.

Mức tiền phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ cao nhất là 5% doanh số trung bình tính theo ngày thực hiện được trong năm trước.

Chế tài này được áp dụng đối với mỗi ngày chậm thực hiện nghĩa vụ theo thời hạn được xác định trong quyết định.

Chế tài này còn có thể được áp dụng để buộc phải thực hiện một biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc thực hiện những cam kết đã có hiệu lực thi hành theo quyết định của Ủy ban.

Chế tài này cũng có thể được áp dụng để phạt việc chậm thực hiện các nghĩa vụ đặt ra trong quá trình điều tra.

Khi nghĩa vụ là căn cứ áp dụng chế tài đã được thi hành, Ủy

---

105. Tòa án Công lý, *AWS Benelux kiện Ủy ban châu Âu*.

ban có thể điều chỉnh giảm mức phạt. Nhưng đây chỉ là một khả năng của Ủy ban châu Âu.

Nhiều thủ tục được giải quyết chỉ bằng một văn bản hành chính đơn giản. Văn bản đó vẫn phải được tổng đạt cho các bên với sự đồng ý từ trước của họ. Tuy nhiên, văn bản đó không có hiệu lực như một quyết định và chỉ bảo đảm được một mức độ an toàn pháp lý rất tương đối.

**1619.** Ủy ban châu Âu không bị áp đặt thời hạn ban hành quyết định xử lý các vi phạm quy định tại các điều 81 và 82. Tuy nhiên, Ủy ban phải tôn trọng nguyên tắc chung của pháp luật Liên minh châu Âu, theo đó quyết định phải được ban hành trong thời hạn hợp lý. Tòa án Công lý của Liên minh châu Âu đã có giải thích về khái niệm thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều 6 của Công ước Liên minh châu Âu về quyền của con người. Giải thích này được đưa ra trong phán quyết về vụ *Baustahlgewebe GmbH*<sup>106</sup> giải quyết đơn kháng cáo chống lại quyết định do Tòa án Sơ thẩm của Liên minh châu Âu ban hành trong vụ lưới hàn bằng thép. Thời hạn hợp lý phải được tính trên cơ sở đối tượng tranh chấp, mức độ phức tạp của vụ việc và sự nhanh chóng của cơ quan có liên quan cũng như của bên khiếu nại. Trong một phán quyết sau đó<sup>107</sup>, Tòa án Công lý đã quy chiếu đến phán quyết của mình trong vụ *Baustahlgewebe GmbH* để khẳng định rằng quyền được xét xử công bằng chính là một trong những nguyên tắc chung của pháp luật Liên minh châu Âu.

Một thủ tục tố tụng đã kéo dài 46 tháng mà không đưa ra được quyết định giải quyết vụ việc thì bị coi là trái với nguyên tắc này<sup>108</sup>.

### **Không xuất bản các mục từ 1620 đến 1628**

106. Tòa án Công lý, ngày 17-12-1998, *Baustahlgewebe GmbH*, aff. C-185/95 P, Rec. I-8485.

107. Tòa án Công lý, ngày 11-1-2000, C-147/98 P và 189/98 P, Rec. I-47.

108. Tòa án Sơ thẩm, ngày 22-10-1997, *SCK c/ FNK*.



## *Chương IV*

### **Hoạt động kiểm tra, giám sát của toà án đối với việc áp dụng các quy định pháp luật về cạnh tranh**

**1629.** Trong hệ thống bảo vệ cạnh tranh ở các quốc gia hiện nay, cơ quan điều tiết cạnh tranh đều chịu sự kiểm soát của một toà án đặc biệt.

Cơ sở pháp lý và chất lượng của việc xử lý các hành vi phản cạnh tranh hay hạn chế cạnh tranh nhờ đó đã được tăng cường đáng kể.

Dù sự kiểm soát của toà án nhiều khi có dẫn đến bất cập là làm chậm thời gian tìm ra giải pháp cuối cùng để giải quyết tranh chấp hay thời gian thực hiện trình tự tố tụng gặp khó khăn, thì đó cũng là cái giá mà ta phải chấp nhận.

Kinh nghiệm cho thấy cơ quan điều tiết dù thận trọng hay năng lực ở mức nào thì cũng khó bỏ qua một căn cứ khiếu nại để chấp nhận lập luận bào chữa. Hơn nữa, cơ quan điều tiết còn bị quá tải vì buộc phải xem xét mọi yêu cầu và khiếu nại.

Cơ quan hành pháp ở cấp đầu tiên có trách nhiệm áp dụng pháp luật hay quy định của Hiệp ước đôi khi quá chú ý đến việc hoàn thành nhiệm vụ nên sao nhãng một số yêu cầu và xem nhẹ tầm quan trọng của luật pháp.

Khi xuất hiện các trường hợp được cho là điển hình, hành vi vi phạm đã rõ ràng, cơ quan quản lý hành pháp thường tỏ ra quá dễ dãi hoặc không cần trọng trong việc tuân thủ các điều kiện định danh hành vi vi phạm mà các văn bản pháp luật quy định cho cơ quan đó kèm theo một quyền hạn đánh giá nhất định.

Hành vi thoả thuận tăng giá hay thông đồng trong đấu thầu công đối với Hội đồng Cạnh tranh, những rào cản tinh vi đối với việc nhập khẩu song song hay việc xuất khẩu trong Liên minh đối với Ủy ban châu Âu đều gây ra phản ứng trừng phạt khó kìm hãm.

Rất may là đã có các toà án chuyên môn để kiểm soát tình trạng này.

Đôi khi chúng ta ngạc nhiên thấy trong quá trình kiểm tra, giám sát, toà án nhắc nhở cơ quan điều tiết những điều tưởng chừng là hiển nhiên.

**1630.** Quyết định liên quan đến công ty *Bayer* của Tòa án Sơ thẩm Liên minh châu Âu là một ví dụ điển hình gần đây. *Bayer* đã ra một quyết định đi ngược lại chính sách, mục tiêu của Ủy ban châu Âu, đó là định ra hạn mức xuất khẩu thuốc *Adalat* cho các công ty bán buôn Pháp và Tây Ban Nha nhằm chấm dứt tình trạng nhập khẩu song song ở Anh, nơi giá thuốc cao hơn đến 40%. Tuy nhiên, công ty *Bayer* chỉ có thể bị xử lý nếu Ủy ban chứng minh được hành vi thoả thuận hoặc việc lạm dụng vị trí thống lĩnh. Doanh nghiệp nào không nắm giữ vị trí thống lĩnh, không thông đồng với doanh nghiệp khác để hạn chế cạnh tranh, thì được tự do xác định chiến lược kinh doanh của mình, dù có vi phạm nguyên tắc tự do lưu thông hàng hoá.

**1631.** Cũng như vậy, phán quyết *Airtours-First Choice* năm 2002 đã nhắc nhở rằng không cho phép xa rời quy định của pháp luật hoặc các nguyên tắc cơ bản đã được thừa nhận khi áp dụng pháp luật: không thể cứ thấy một thị trường độc quyền ít người

bán là kết luận có hành vi thoả thuận thống nhất hành động. Để kết luận như vậy thì phải chứng minh. Tòa án Sơ thẩm cũng đã đưa ra một số điều kiện tối thiểu về bằng chứng cho phép phản đối việc thiết lập vị trí thống lĩnh tập thể: quy định này có thể làm lung lay lý thuyết lạm dụng đương nhiên.

Đúng như nhận xét của ủy viên Ủy ban châu Âu Monti sau khi quyết định này được ban hành, tòa án chuyên ngành là cơ quan có quyền quyết định cuối cùng. Thẩm quyền này càng được tăng cường khi việc xử lý các hành vi phản cạnh tranh và kiểm soát tập trung kinh tế cũng đang ngày càng được tăng cường.

## MỤC I

### **HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA GIÁM SÁT CỦA TOÀ ÁN THEO PHÁP LUẬT CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU**

Các quyết định của Ủy ban châu Âu chịu sự kiểm tra, giám sát của tòa án, đặc biệt là các quyết định về thoả thuận phản cạnh tranh và lạm dụng vị trí thống lĩnh, cũng như về trợ cấp của Nhà nước hoặc kiểm soát tập trung kinh tế<sup>1</sup>.

#### **§1. Thẩm quyền**

**1632.** Từ khi thành lập, việc kiểm tra, giám sát quyết định liên quan đến cạnh tranh, ở cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm, đều thuộc thẩm quyền của Tòa án Công lý của các Cộng đồng châu Âu (CEJ).

**1633.** Tòa án cấp cao nhất này ngày nay mang tên “Tòa án Công lý châu Âu”, đặt trụ sở ở Luýcxămbua, có thành viên là thẩm phán xét xử và công tố viên cao cấp. Công tố viên cao

---

1. Xem phần trên.

cấp giữ vai trò tương tự như những Ủy viên Chính phủ của Pháp. Ý kiến của họ thường được toà án nghe theo. Tuy nhiên cũng có nhiều ngoại lệ. Quyết định về vụ *Latmark* là một ví dụ điển hình.

Thẩm phán và công tố viên có quy chế như nhau, độc lập và không thể miễn nhiệm trong nhiệm kỳ sáu năm.

Các thẩm phán bầu ra một người làm chánh án.

Tòa án thụ lý yêu cầu của các thiết chế Liên minh châu Âu và của các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu.

Tòa án xét xử theo phiên toàn thể hoặc theo phân toà bao gồm một số thành viên.

Trình tự tố tụng bao gồm giai đoạn tố tụng bút ngữ, sau đó là tố tụng bằng lời tại phiên toà.

Phán quyết được công bố sau khi kết thúc thủ tục xét xử cùng với kết luận của Tổng công tố.

**1634.** Tòa án Sơ thẩm của Liên minh châu Âu (viết tắt bằng tiếng Pháp là TPICE) có 15 thành viên và được đặt bên cạnh Tòa án Công lý Liên minh châu Âu. Từ cuối năm 1988<sup>2</sup>, Tòa án Sơ thẩm đã xét xử một số vụ việc, trong đó có các vấn đề liên quan đến các nhân viên chủ chốt của cộng đồng và vấn đề cạnh tranh. Tòa án chủ yếu giải quyết yêu cầu huỷ văn bản, yêu cầu bồi thường, khiếu kiện về việc thiếu trách nhiệm theo khiếu kiện của các thể nhân và pháp nhân không phải Nhà nước.

Hai trong số năm phân toà của Tòa án Sơ thẩm giải quyết vấn đề cạnh tranh.

Tòa án Sơ thẩm không có thẩm quyền trả lời yêu cầu giải thích pháp luật trước khi áp dụng để xét xử.

Các quyết định của Tòa án Sơ thẩm có thể bị kháng cáo,

---

2. Điều 3 c) Quyết định của Hội đồng số 88/591, ngày 24-10-1988. *Công báo của Liên minh châu Âu*, số L319, ngày 25-11-1988.

kháng nghị lên Tòa án Công lý và Tòa án Công lý chỉ xem xét về mặt pháp luật.

**1635.** Kháng cáo, kháng nghị không có hiệu lực đình chỉ, nghĩa là bản án của Tòa án Sơ thẩm phải được thi hành ngay, kể cả khi bị kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, có thể yêu cầu hoãn thi hành các quyết định sơ thẩm.

**1636.** Vấn đề đặt ra là Tòa án Sơ thẩm có thẩm quyền xem xét các quyết định được ban hành theo quy định của Quy chế về tập trung kinh tế hay không.

Quy chế quy định thẩm quyền kiểm soát các quyết định về tập trung kinh tế thuộc về Tòa án Công lý.

Nhiều người cho rằng cơ chế kiểm soát này cho phép thể hiện nguyên tắc phân chia thẩm quyền, theo đó Tòa án Sơ thẩm thẩm quyền rộng có thẩm quyền trong lĩnh vực cạnh tranh.

Nhưng có ý kiến lại cho rằng việc Quy chế quy chiếu đến Điều 186 chứ không chỉ đến Điều 81 và 82 của Hiệp ước đã thể hiện thẩm quyền của Tòa án Công lý và loại trừ thẩm quyền của Tòa án Sơ thẩm.

Vấn đề này đã được giải quyết theo hướng thứ nhất. Trong thời gian sáu tháng, Tòa án Sơ thẩm đã thực hiện thẩm quyền của mình và tuyên bố huỷ ba quyết định cấm hoạt động tập trung kinh tế<sup>3</sup>.

Lần đầu tiên Tòa án Sơ thẩm cũng đã huỷ một quyết định cấm, đó là quyết định cấm hai công ty điều hành du lịch của Anh là *Airtours* và *First Choice* hợp nhất với nhau.

**1637.** Trong bản án về vụ *Schneider Electric SA kiện Ủy ban châu Âu*<sup>4</sup>, sau khi chỉ ra những sai lầm, những phân tích không đầy đủ, Tòa án Sơ thẩm đã huỷ quyết định của Ủy ban châu Âu

3. *Airtours/First Choice; Schneider/Legrand; Tetra Laval/Sidel*.

4. Tòa án Sơ thẩm, 22-10-2002, aff. T-310/0 và T-77/02.

với lý do quyết định này áp dụng đối với những nước khác, trừ Pháp. Đặc biệt, Tòa án Sơ thẩm đã nêu ra những thiếu sót trong việc chứng minh sự hợp nhất các doanh nghiệp sẽ dẫn đến hiệu ứng cộng hưởng, nghĩa là, việc tăng cường sức mạnh của tập đoàn mới trên thị trường ổ cắm điện thoại của công ty *Legrand* sẽ dẫn đến chỗ tăng cường vị trí thống lĩnh của Schneider trên thị trường bảng điện. Tòa án Sơ thẩm cũng đã huỷ quyết định này vì mặc dù liên quan đến thị trường Pháp, nhưng lại chỉ căn cứ vào những vi phạm về quyền bào chữa sau khi nhận thấy rằng các bên chưa được thông tin đầy đủ về các căn cứ khiếu nại được Ủy ban châu Âu viện dẫn để ban hành quyết định.

**1638.** Trong bản án về vụ *Tetra Laval kiện Ủy ban châu Âu*<sup>5</sup>, Tòa án Sơ thẩm cho rằng hệ quả của việc doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, đa lĩnh vực hay hiệu ứng đòn bẩy (nghĩa là doanh nghiệp giữ vị trí thống lĩnh trên thị trường có khả năng tận dụng vị trí đó một cách thái quá để tạo ra lợi thế của mình trên thị trường khác) đã được đánh giá quá mức. Sẽ chưa đủ nếu chỉ khẳng định rằng những rủi ro đó là không tránh khỏi hoặc cho rằng cứ hợp nhất công ty là sẽ gây ra những tác động phản cạnh tranh; cần phải chứng minh nhận định đó bằng những yếu tố chứng cứ và lập luận đủ thuyết phục.

**1639.** Trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của mình Tòa án Sơ thẩm cũng có chức năng và quyền hạn như Tòa án Công lý.

**1640.** Tòa án Công lý có thẩm quyền giám đốc thẩm các bản án, quyết định của Tòa án Sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo, kháng nghị là hai tháng.

Các quốc gia có quyền kháng nghị trực tiếp lên Tòa án Công lý. Tuy nhiên, điều này cũng không làm cho việc giải quyết tranh chấp nhanh hơn nếu các bên không phải là quốc gia khởi kiện lên Tòa án Sơ thẩm về cùng một quyết định. Trong trường hợp

---

5. Tòa án Sơ thẩm, 25-10-2002, aff. T-5/02 và T-80/02.

đó, Tòa án Công lý sẽ hoãn việc xét xử để đợi quyết định xét xử của Tòa án Sơ thẩm.

Điều này đã xảy ra trên thực tế, ví dụ trong vụ Hãng hàng không *Air France* và Chính phủ Pháp cùng khiếu kiện về một quyết định của Ủy ban châu Âu năm 1994 về việc trợ cấp cho *Air France* thông qua Quỹ ký gửi.

## **§2. Các phương thức khiếu kiện**

### **1) Khởi kiện để yêu cầu huỷ văn bản**

**1641.** Điều 230 của Hiệp ước Rome quy định, Tòa án Công lý có thẩm quyền tiếp nhận yêu cầu huỷ các văn bản của Ủy ban châu Âu, trong đó có cả các quyết định miễn trừ cá biệt theo quy định tại Điều 81 và 82 và các quyết định miễn trừ theo loại.

Điều 230 đặc biệt được áp dụng đối với các quyết định của Ủy ban về vấn đề trợ cấp của nhà nước, về hành vi phản cạnh tranh và về kiểm soát tập trung kinh tế.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực tập trung kinh tế hiếm khi xảy ra khiếu kiện, đặc biệt là khiếu kiện yêu cầu huỷ văn bản: năm 1998, Tòa án Công lý lần đầu tiên huỷ quyết định về một vụ sáp nhập doanh nghiệp<sup>6</sup>. Năm 2002, nhiều quyết định đã bị tuyên bố huỷ và đã gây ra nhiều nhận xét và bình luận.

**1642.** Tòa án của Liên minh châu Âu chỉ tiếp nhận khiếu kiện về các văn bản của Ủy ban châu Âu có tính chất là một quyết định và có hiệu lực pháp luật.

Nếu thuần túy chỉ là thư của một lãnh đạo Tổng cục Cạnh tranh trực thuộc Ủy ban châu Âu, trong đó từ chối việc chi nhánh công ty BMW ở Italia gia hạn hợp đồng đại lý, thì không đặt ra vấn đề gì xét dưới góc độ pháp luật cạnh tranh của Liên

---

6. Tòa án Công lý, 31-3-1998, *Kali und Salz*.

minh châu Âu. Tòa án Sơ thẩm đã bác kháng cáo của bên đại lý đối với thư này.

Cam kết được đưa ra kèm theo các quyết định có thể có tính bắt buộc hoặc không bắt buộc. Chỉ những cam kết có hệ quả pháp lý bắt buộc và có khả năng ảnh hưởng đến lợi ích của người thứ ba mới có thể bị khởi kiện lên Tòa án Sơ thẩm hay Tòa án Công lý.

Quan điểm này đã được Tòa án Công lý khẳng định trong vụ khởi kiện về quyết định của Ủy ban năm 1993 cho phép công ty *Kali und Salz* mua lại công ty *MdK*, trong đó kèm theo một số điều kiện. Trong số các điều kiện đưa ra, có cam kết không chính thức của *Kali und Salz* là sẽ cố gắng đạt thoả thuận với Công ty... SCPA để công ty này đồng ý kinh doanh một cách độc lập sản phẩm kali do chi nhánh chung của *Kali und Salz* sản xuất. Yêu cầu của bên khởi kiện đã bị bác về điểm này.

Khả năng khởi kiện bị hạn chế khi Ủy ban châu Âu có quyền tùy ý quyết định. Điều đó có nghĩa là, một cá nhân không được quyền khởi kiện quyết định của Ủy ban từ chối thực hiện một số biện pháp nào đó với một nước thành viên Liên minh châu Âu vì pháp luật của nước thành viên đó trái với quy định tại các điều 81, 82 của Hiệp ước. Những biện pháp đó của Ủy ban phải được thực hiện trên cơ sở quy định tại Điều 86, 3c, trong khi Ủy ban lại có quyền đánh giá rất rộng về việc áp dụng điều này<sup>7</sup>.

**1643.** Về phạm vi huỷ quyết định liên quan đến trợ cấp<sup>8</sup>, Tòa án Công lý đã có quy định cụ thể, có thể cũng áp dụng được đối với các hành vi phản cạnh tranh: Khi một quyết định bị huỷ, Ủy ban không được chỉ đơn thuần ra quyết định mới với những điều chỉnh cho phù hợp với các căn cứ huỷ. Các văn bản chuẩn

7. Tòa án Công lý, 20-02-1997, *Bundesverband der Bilanzbuchhalter eV*, aff. C-107/95 P.

8. Tòa án Công lý, 12-11-1998, *Tây Ban Nha kiện Ủy ban châu Âu*, aff. C-415/96.



bị cho việc ban hành quyết định bị huỷ cũng có thể bị huỷ nếu chúng cũng là kết quả của vi phạm dẫn đến việc huỷ quyết định. Vì vậy, cần xem xét tất cả các căn cứ của quyết định tuyên bố huỷ và bắt đầu lại trình tự từ điểm tranh chấp.

**1644.** Phần căn cứ của quyết định không thể bị huỷ. Tòa án đã bác đơn khiếu nại của một cá nhân đối với phần căn cứ trong một quyết định của Ủy ban, trong đó thừa nhận tính phản cạnh tranh của một thoả thuận, nhưng Ủy ban vẫn cấp xác nhận không áp dụng quy định cấm<sup>9</sup>.

**1645.** Kháng cáo yêu cầu huỷ quyết định của Ủy ban châu Âu không có hiệu lực đình chỉ thi hành quyết định. Tuy nhiên, Tòa án Công lý có thể quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định nếu bên khiếu nại chứng minh được rằng việc thi hành quyết định có thể gây ra thiệt hại nghiêm trọng và không thể sửa chữa được (các điều 242, 243 của Hiệp ước). Yêu cầu tạm đình chỉ thi hành phải được trình bày bằng văn bản và theo những điều kiện tương đối nghiêm ngặt. Năm 2003 chỉ có bốn trên tổng số 39 yêu cầu tạm đình chỉ thi hành được chấp nhận.

Ví dụ, đối với quyết định cho phép tập trung kinh tế, thủ tục tập trung kinh tế có thể vẫn tiếp tục được triển khai ngay cả khi quyết định đó bị khởi kiện ra tòa án, và hiệu lực đình chỉ không ảnh hưởng đến các cam kết được đưa ra kèm theo quyết định.

**1646.** Tòa có thể tuyên bố huỷ quyết định do quyết định được ban hành không đúng thẩm quyền, do vi phạm về hình thức, vi phạm quy định của Hiệp ước, quy định của các văn bản hướng dẫn thi hành hoặc các nguyên tắc chung của pháp luật Liên minh châu Âu, hoặc do lạm quyền.

**1647.** Trong mọi trường hợp, Điều 225 của Hiệp ước giới hạn thẩm quyền của Tòa án Công lý là chỉ xem xét những “vấn đề luật pháp”, chứ không được đánh giá các tình tiết. Chỉ có Tòa án

---

9. Tòa án Công lý, 16-7-1992, *Hughes*, aff. C-78/91.

Sơ thẩm mới có thẩm quyền xác nhận và đánh giá các tình tiết. Tuy nhiên, Tòa án Sơ thẩm cũng “không có thẩm quyền đánh giá về mặt kinh tế thay cho Ủy ban”<sup>10</sup>, trừ trường hợp có nhầm lẫn rõ ràng trong việc đánh giá.

**1648.** Tòa án Công lý không thể xem xét lại các tình tiết, nhưng có quyền chú ý đến những sai sót quan trọng khi tìm được trong hồ sơ mình đã thụ lý<sup>11</sup>. Ví dụ, Tòa án Công lý có thể giảm mức phạt nếu thấy rằng Ủy ban đã tính nhầm doanh số của một công ty để làm căn cứ tính tiền phạt.

Trong lĩnh vực kiểm soát trợ cấp và kiểm soát hành vi phản cạnh tranh, Tòa án Công lý yêu cầu Ủy ban tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về trình tự tố tụng của Cộng đồng. Tòa án cho phép những người có liên quan viện dẫn vi phạm về tố tụng để phản đối quyết định áp dụng đối với mình. Ví dụ, trường hợp ban hành quyết định bác đơn của đương sự mà không qua thủ tục tranh tụng.

**1649.** Hội đồng châu Âu hay quốc gia thành viên cũng có thể kháng nghị mà không cần chứng minh rằng mình có quyền lợi liên quan. Trong trường hợp ngoại lệ, cá nhân hoặc pháp nhân cũng có thể kháng cáo. Trong trường hợp là pháp nhân, người khiếu kiện phải là đối tượng chấp hành quyết định bị khiếu kiện, hoặc trực tiếp liên quan theo quy định tại Điều 230 của Hiệp ước.

**1650.** Kháng cáo, kháng nghị của một bên thứ ba<sup>12</sup> chỉ được chấp nhận nếu người đó có liên quan trực tiếp và với tư cách cá nhân đến quyết định mà người khác có nghĩa vụ thi hành hoặc quyết định được ban hành dưới hình thức một văn bản có hiệu lực chung.

---

10. Tòa án Sơ thẩm, 3-4-2003, aff. T-342/00.

11. Tòa án Công lý, 1-6-1994, Ủy ban châu Âu kiện *Brazzelli Lualdi*.

12. Tòa án Công lý, 17-11-1998, *Kruidvat*.

Quy định này được giải thích theo nghĩa rất hẹp. Các quyết định chỉ có thể bị kháng cáo, kháng nghị trong một số trường hợp đặc biệt.

Trong một bản án ban hành vào tháng 5-2002, Tòa án đã thể hiện sự thay đổi quan điểm về vấn đề này: pháp nhân hoặc thể nhân mà biện pháp được ban hành trong quyết định chắc chắn sẽ có ảnh hưởng đến tình trạng pháp lý ở thời điểm hiện tại vì nó hạn chế quyền lợi hoặc áp đặt nghĩa vụ đối với người đó, thì phải được coi là người có liên quan với tư cách cá nhân<sup>13</sup>. Tòa án Sơ thẩm đã chứng minh tính xác đáng của vấn đề này bằng việc không chấp nhận kháng nghị của một quốc gia đối với biện pháp có hiệu lực chung trong khi còn có quyền “*được bảo vệ thực sự trước toà án*”.

Như vậy, cánh cửa vừa hé mở cho các doanh nghiệp cũng như các quốc gia thành viên cho phép họ kháng cáo, kháng nghị các quy định thì đã bị Tòa án Công lý nhanh chóng khép lại. Chỉ ba tháng sau và trong một phiên họp toàn thể, Tòa án Công lý đã không thông qua sự thay đổi án lệ này<sup>14</sup>. Kể từ thời điểm tòa án quốc gia có xu hướng và thẩm quyền bảo vệ các cá nhân và những pháp nhân không phải là đối tượng có quyền kháng nghị các quyết định lên tòa án của Liên minh châu Âu<sup>15</sup>, vấn đề thay đổi cách giải thích truyền thống trên cơ sở nguyên tắc “quyền được bảo vệ thực sự trước tòa án” không còn được đặt ra nữa.

**1651.** Các cá nhân và doanh nghiệp chỉ có thể kháng cáo quyết định của Ủy ban trong những trường hợp hạn chế. Tuy

---

13. Tòa án Sơ thẩm, 3-5-2002, *Jégo-Quéré*.

14. Tòa án Công lý, 25-7-2002, *Union de Pequeos Agricultores (UPA)* và 1-4-2004, *Ủy ban châu Âu/Jégo-Quéré*, aff. C-263/02 P huỷ bản án của Tòa án Sơ thẩm ngày 3-5-2002.

15. Các tòa án của Liên minh châu Âu có thẩm quyền giải quyết khiếu kiện đối với quyết định của quốc gia áp dụng nghị định của Liên minh châu Âu.

nhien, trong tranh chấp trước tòa án quốc gia có liên quan đến một quyết định của Ủy ban hoặc của Hội đồng Liên minh châu Âu, có thể sử dụng phương thức khiếu kiện bổ sung bằng cách viện dẫn các căn cứ giống như căn cứ yêu cầu huỷ quyết định, để yêu cầu tòa án áp dụng ngoại lệ không bình đẳng, nghĩa là tuyên bố quyết định đó không được áp dụng đối với mình.

**1652.** Dù doanh nghiệp từ chối tập trung kinh tế sau khi quyết định được ban hành - ví dụ, do thấy quy mô đầu tư quá lớn, do bị buộc phải rút vốn đầu tư - hay đã thi hành quyết định đó, thì vẫn không loại trừ khả năng doanh nghiệp có thể yêu cầu huỷ quyết định<sup>16</sup>.

Năm 2001, hai công ty General Electric và Honeywell đã khởi kiện quyết định của Ủy ban châu Âu sau khi bị từ chối cho sáp nhập.

**1653.** Nếu chỉ một số doanh nghiệp trong số các doanh nghiệp là đối tượng của một quyết định tiến hành kháng cáo quyết định và được tòa án chấp nhận, những doanh nghiệp không khiếu kiện thì không được hưởng quyền lợi vì quyết định này không đương nhiên được thừa nhận *cho tất cả*<sup>17</sup>.

**1654.** Các doanh nghiệp cạnh tranh với doanh nghiệp được hưởng trợ cấp có quyền khởi kiện quyết định cho hưởng trợ cấp vì liên quan trực tiếp đến cá nhân họ, dù chưa hoặc đã bắt đầu khiếu nại lên Ủy ban châu Âu.

Trường hợp này được minh họa qua vụ ngân hàng Société Générale khiếu nại quyết định về việc trợ cấp cho ngân hàng Crédit Lyonnais.

**1655.** Theo một án lệ rất hay gặp, một bên khiếu kiện, tuy

---

16. Tòa án Công lý Liên minh châu Âu, *Hoogovens Groep kiện Ủy ban châu Âu*, aff. 172/83, đoạn 19.

17. Tòa án Sơ thẩm, 10-7-1997, *Assi Doman Kraft Products AB c/ Ủy ban* (quyết định về vụ bột giấy), vụ T-227/95.

không phải là bên bị đơn phải thực hiện quyết định của Ủy ban, nhưng lại có thể chứng minh được lợi ích của mình trong việc tự nguyện ra trước tòa để trình bày quan điểm của mình. Nhưng bên khiếu nại đó không được viện dẫn ngoại lệ nếu đơn khiếu nại của mình không được thụ lý, mà chỉ có thể làm như vậy nếu như bên bị đơn cũng đưa ra kết luận tương tự<sup>18</sup>.

Tổ chức công đoàn không được quyền khởi kiện quyết định liên quan đến các biện pháp cải tổ cơ cấu việc làm. Trong trường hợp này, quyền lợi của người lao động không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi quyết định của Ủy ban mà bởi các quyết định của công ty được phép tập trung kinh tế. Với lý do đó, đơn khởi kiện của tổ chức công đoàn đã bị bác trong vụ *Nestlé-Perrier*.

Yêu cầu hủy quyết định của Ủy ban phải được thực hiện trong thời hạn hai tháng, kể từ ngày tổng đạt quyết định.

Hết thời hạn này thì cũng không thể lách luật bằng cách thực hiện khiếu kiện trong nước, nghĩa là áp dụng thủ tục yêu cầu tòa án của nước mình yêu cầu Tòa án Công lý giải thích luật trước khi xét xử<sup>19</sup>.

Tòa án Công lý có một số phương tiện để bảo đảm rằng quốc gia thành viên tôn trọng quyết định của mình, nếu đối tượng thi hành quyết định là một quốc gia thành viên. Tòa có thể quyết định phạt tiền vì chậm thực hiện nghĩa vụ. Mức phạt cơ bản là 500 euro một ngày<sup>20</sup>, hệ số phạt tùy thuộc vào việc vi phạm kéo dài bao lâu, mức độ nghiêm trọng và khả năng tài chính của quốc gia liên quan, vào vị trí của quốc gia đó so với các quốc gia khác trong liên minh. Ví dụ, nếu là nước Pháp, mức phạt có thể từ 10.000 đến 630.000 euro mỗi ngày.

---

18. Tòa án Sơ thẩm, 27-11-1997, *Kayserberg c/ Ủy ban*; Tòa án Sơ thẩm, 21-1-1999, *Rivezrra Auto c/ Ủy ban*.

19. Tòa án Công lý, 9-3-1994, *TWB Textilwerk Deggendorf c/ Bundesminister for Withschaft*.

20. 1 euro = 6,55957 franc.

## **2) Khởi kiện để yêu cầu giải quyết tranh chấp**

**1656.** Quyết định của Ủy ban về phạt tiền hoặc phạt vì chậm thực hiện nghĩa vụ không những có thể bị huỷ mà còn có thể bị sửa, nhưng chỉ đối với phần liên quan đến những chế tài trên. Chỉ có người bị áp dụng chế tài mới có quyền khiếu kiện theo phương thức này. Tuy thời hạn không được quy định cụ thể, nhưng hình thức khiếu kiện này chỉ có thể, tiến hành trong thời gian hai tháng nếu kèm yêu cầu huỷ quyết định.

## **3) Khởi kiện vì thiếu trách nhiệm**

**1657.** Các cơ quan nhà nước, các thể nhân hay pháp nhân là những người có quyền khiếu kiện yêu cầu huỷ văn bản, và cả các thiết chế của Cộng đồng cũng có quyền khiếu kiện về việc thiếu trách nhiệm trên cơ sở quy định tại Điều 232 của Hiệp ước, nếu trường hợp Ủy ban không ban hành quyết định hoặc không gửi cho mình quyết định trong khi đã có hành vi vi phạm Hiệp ước.

Nếu Ủy ban không trả lời đơn yêu cầu thẩm cứu trong thời gian dài thì cũng có thể khiếu kiện theo hình thức này.

Đầu năm 2004, một liên đoàn y tế tư nhân đã khiếu kiện sau 39 tháng đệ đơn về nguồn tài chính của các bệnh viện công mà Ủy ban không có phúc đáp.

Khiếu kiện về tinh thần thiếu trách nhiệm của các quốc gia thành viên hoặc của các thiết chế của Cộng đồng chỉ được chấp nhận nếu trước đó Ủy ban đã được yêu cầu giải quyết nhưng không hành động gì trong thời gian hai tháng. Khiếu kiện có thể thực hiện trong thời hạn hai tháng tiếp theo.

## **§3. Quan hệ giữa hoạt động kiểm tra, giám sát của các tòa án Liên minh châu Âu và hoạt động kiểm tra, giám sát của tòa án quốc gia của các nước thành viên**

Chúng ta đã đề cập vấn đề này khi nói về việc Tòa án Công

lý khẳng định việc khiếu kiện trực tiếp để yêu cầu huỷ văn bản mang tính độc lập, và khiếu kiện gián tiếp dưới hình thức yêu cầu giải thích pháp luật trước khi áp dụng để giải quyết tranh chấp.

Tuy nhiên, vấn đề đó vẫn chưa được trình bày một cách đầy đủ.

**1658.** Như đã biết, các cơ quan tài phán quốc gia có thẩm quyền trực tiếp quyết định về việc áp dụng quy định của Hiệp ước Rome. Thậm chí, tòa án quốc gia còn có nghĩa vụ tự mình xem xét giải quyết vấn đề này<sup>21</sup>.

Điều 3 Quy chế số 1/2003 quy định tòa án có nghĩa vụ áp dụng Điều 81 và/hoặc Điều 82 để xử lý các hành vi thoả thuận và phản cạnh tranh ảnh hưởng đến thương mại giữa các quốc gia thành viên.

Vì vậy, việc bảo đảm tính đồng nhất trong cách giải thích văn bản luật trong khi thực hiện là rất quan trọng.

Chúng ta sẽ không trở lại những quy định có tính hành chính của Quy chế số 1/2003 nhằm bảo đảm sự đồng nhất nói trên, mà chỉ đề cập các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Sự thống nhất của án lệ có thể được bảo đảm tốt hơn nếu cơ quan xét xử của quốc gia tận dụng khả năng yêu cầu Tòa án Công lý giải thích pháp luật trước khi xét xử.

Chỉ có tòa án của một nước mới được yêu cầu giải thích pháp luật, dù tòa án đó thuộc ngạch nào (tư pháp, hành chính, thương mại, thuế...). Hội đồng Cạnh tranh không được yêu cầu giải thích pháp luật vì không có tư cách và chức năng đầy đủ của một cơ quan tài phán.

Theo Điều 234 (Điều 177 cũ) của Hiệp ước Rome, Tòa án Công lý có thẩm quyền hướng dẫn tòa án các quốc gia thành

---

21. Tòa án Công lý, 14-12-1995, *Van Schijndel, Peterbroeck*..

viên thực hiện quyền yêu cầu giải thích pháp luật trước khi áp dụng để xét xử. Nhưng đây chỉ là một quyền thuần túy: ngay cả khi một bên trong vụ án yêu cầu giải thích, tòa án quốc gia vẫn có quyền đánh giá khả năng có phải yêu cầu giải thích pháp luật theo quy định tại Điều 234 hay không. Ít ra, đây cũng là nguyên tắc áp dụng cho các tòa án cấp sơ thẩm.

**1659.** Ngược lại, các tòa án cấp phúc thẩm có nghĩa vụ yêu cầu Tòa án Công lý giải thích nội dung pháp luật mà mình gặp trong quá trình xét xử.

Theo quy định tại Điều 234, khi một vấn đề cần phải giải thích được đặt ra trong một vụ việc tranh chấp chưa được giải quyết trước cơ quan xét xử quốc gia mà các quyết định của cơ quan này không thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của nội luật, thì cơ quan này có nghĩa vụ yêu cầu Tòa án Công lý giải thích pháp luật. Trường hợp này, việc yêu cầu giải thích pháp luật không đơn giản chỉ là một quyền nữa mà là một nghĩa vụ của cơ quan xét xử quốc gia đó.

**1660.** Tuy vậy, nguy cơ áp dụng pháp luật không thống nhất chưa phải đã hết: Tòa án Công lý đã chấp nhận khả năng tòa án quốc gia, dù ở cấp xét xử cao nhất, được từ chối giải thích nếu thấy vấn đề nêu ra là không thích đáng hay Tòa án Công lý đã giải thích rõ nội dung của các điều khoản, hoặc pháp luật Cộng đồng đã rất rõ ràng, chính xác nên không còn lý do nghi ngờ xác đáng<sup>22</sup>.

**1661.** Khiếu kiện đối với các quyết định yêu cầu giải thích pháp luật hoặc không yêu cầu giải thích pháp luật không được chấp nhận nếu việc yêu cầu giải thích pháp luật không có tính chất bắt buộc<sup>23</sup>.

---

22. Tòa án Công lý, 6-10-1982, *Cilfit*, aff. 283/81.

23. *Gaz. Pal.* 1988.2.772.



**HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA TOÀ ÁN  
THEO QUY ĐỊNH CỦA NỘI LUẬT****§1. Tòa án có thẩm quyền**

**1662.** Ban đầu và theo truyền thống, quyết định của Bộ trưởng Kinh tế về các hành vi phản cạnh tranh được đặt dưới sự kiểm soát của Tòa án Hành chính tối cao, tòa án có thẩm quyền quyết định sơ chung thẩm.

Ý kiến của Ủy ban Cạnh tranh cũng chịu sự kiểm soát của Tòa án Hành chính tối cao, nhưng một cách gián tiếp vì ý kiến của Ủy ban thường được sử dụng làm căn cứ cho các quyết định của Bộ trưởng.

Pháp lệnh ngày 1-12-1986 đã quy định giải pháp tương tự, nhưng là kết quả của một cuộc tranh luận khó khăn.

**1663.** Cuộc tranh luận này đã bùng nổ trở lại sau khi Pháp lệnh được thông qua vài tháng. Theo sáng kiến của hạ nghị sĩ Ornano, luật ngày 6-7-1987<sup>24</sup> đã được thông qua sau những tranh luận sóng gió. Luật này quy định chuyển cho Tòa án Phúc thẩm Paris quyền giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyết định của Hội đồng Cạnh tranh. Luật năm 1987 sau đó đã được bổ sung bởi Nghị định số 87-849 ngày 19-10-1987.

Việc chuyển giao thẩm quyền này không phải là ngẫu nhiên.

Trước đây, không ai nghĩ đến việc trao cho Tòa án Phúc thẩm Paris thẩm quyền kiểm soát các quyết định của Hội đồng Nghe nhìn tối cao, trong khi quyền tự do truyền thông cũng nhạy cảm và cần được bảo vệ như quyền tự do ký kết hợp đồng, vốn là căn cứ để chuyển giao thẩm quyền theo quy định của luật ngày 6-7-1987.

---

24. Công báo ngày 7-7-1987.

Hội đồng Bảo hiến đã nhiều lần tuyên bố quyền tự do báo chí có giá trị như một nguyên tắc hiến định, nhất là:

- tháng 10-1984, khi đề cập Luật Báo chí, để quy định cơ quan tư pháp có thẩm quyền can thiệp nhằm bảo đảm quyền tự do báo chí, chứ không phải là cơ quan hành pháp;

- ngày 29-7-1986, khi Hội đồng Bảo hiến huỷ một số điều trong Luật Léotard về chế độ pháp lý đối với báo chí, vì những điều này không bảo vệ quyền tự do báo chí hiệu quả bằng nguyên tắc hiến định kể từ thời điểm quyền tự do báo chí được thừa nhận là có giá trị hiến định.

Báo chí là một bộ phận cấu thành của truyền thông, như Hội đồng Bảo hiến đã chỉ rõ trong quyết định thứ hai này.

Năm 1986, quan điểm và yêu cầu này của Hội đồng Bảo hiến đã được chuyển hoá vào trong cơ chế bảo vệ quyền tự do báo chí của Pháp.

Lập luận và yêu cầu của Hội đồng Bảo hiến lẽ ra đã được chuyển hoá vào trong cơ chế bảo vệ quyền tự do truyền thông từ năm 1986.

Tuy nhiên, điều này đã không xảy ra bởi vì, vì những lý do không liên quan đến vấn đề nêu ra, Hội đồng Bảo hiến đã không được yêu cầu xem xét Luật Léotard thứ hai, khi luật này được thông qua hồi tháng 9-1986.

Hội đồng Bảo hiến đã thừa nhận một cách rõ ràng rằng, giống như Hội đồng Nghe nhìn tối cao, Hội đồng Cạnh tranh có tính chất là một cơ quan hành chính chứ không phải là cơ quan tài phán.

Điều này có nghĩa là với thẩm quyền sửa đổi các quyết định, toà án đôi khi làm nhiệm vụ của một cơ quan quản lý hành chính trong lĩnh vực xử lý các hành vi phản cạnh tranh. Điều này mâu thuẫn với nguyên tắc phân quyền.

Tóm lại, thẩm quyền kiểm soát của các cơ quan hành chính

độc lập đã được xác định một cách phù hợp với những yếu tố ngẫu nhiên, ví dụ sức mạnh của các nhóm áp lực hay tình hình chính trị ở một thời điểm nhất định là căn cứ yêu cầu Hội đồng Bảo hiến can thiệp xử lý; đồng thời, còn phù hợp cả với cách giải thích chặt chẽ các nguyên tắc pháp luật, như nguyên tắc phân quyền, hay đơn giản là với yêu cầu bảo đảm sự thống nhất.

Tuy nhiên, có một điều thú vị là Hội đồng Bảo hiến đã đồng ý với việc chuyển giao thẩm quyền cho Tòa án Phúc thẩm Paris, mặc dù trái với nguyên tắc phân quyền, vì cho rằng như vậy sẽ thống nhất được thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực này. Trên thực tế, thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực này vẫn được phân chia giữa Tòa án Tư pháp và Tòa án Hành chính. Không những các quyết định về kiểm soát tập trung kinh tế có thể bị khiếu kiện lên Tòa án Hành chính tối cao, mà bên cạnh đó, Tòa án Hành chính tối cao còn có thẩm quyền xem xét và kết luận một văn bản, quyết định do một cơ quan hành chính ban hành có ảnh hưởng đến cạnh tranh hay không.

Dù sao đi chăng nữa, như đã khẳng định trong quyết định ngày 23-1-1987, Hội đồng Bảo hiến cho rằng nguyên tắc phân quyền không có giá trị hiến định. Vì vậy, nhà lập pháp có thể không tuân thủ nguyên tắc đó.

Với sự ủng hộ đó của Hội đồng Bảo hiến, Tòa án Phúc thẩm Paris có thể đi ngược lại quy định của luật 16-24 tháng 8 năm 1790, theo đó *“tòa án không được can thiệp vào công việc của cơ quan hành chính”*.

**1664.** Thực ra, cũng phải thừa nhận rằng mặc dù Hội đồng Cạnh tranh ngày càng quan niệm chức năng của mình là trấn áp, đúng như ý tưởng của cơ quan lập pháp, nhưng sự can thiệp của Tòa án Tư pháp vẫn là sự lựa chọn xác đáng.

Chúng ta sẽ lần lượt xem xét các phương thức và kết quả của cơ chế đặc biệt này theo quy định của luật ngày 6-7-1987.

## §2. Các phương thức kiểm tra, giám sát

**1665.** Phương thức khiếu kiện các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh theo quy định của luật ngày 6-7-1987 và Nghị định hướng dẫn thi hành ngày 19-10-1987 là một thủ tục đặc thù<sup>25</sup>.

Vì vậy, nói “phúc thẩm” quyết định hay “bên kháng cáo” là không chính xác. Các văn bản không nói như vậy, vì mọi thủ tục phúc thẩm đều nhằm huỷ hoặc sửa quyết định, bản án của toà án cấp sơ thẩm.

Trong khi đó, Hội đồng Cạnh tranh không phải là cơ quan tài phán, như Hội đồng Bảo hiến đã khẳng định trong quyết định ngày 23-1-1987, theo đó “Hội đồng Cạnh tranh là *một cơ quan hành chính*”<sup>26</sup>.

Do Hội đồng Cạnh tranh không ban hành bản án mà chỉ ra quyết định, nên luật ngày 6-7-1987 không quy định thủ tục “phúc thẩm”, mà là “*yêu cầu huỷ hoặc sửa đổi quyết định*”.

Đặc điểm của phương thức khiếu kiện này cũng thể hiện qua việc chuyên môn hoá các toà án có thẩm quyền.

Đặc tính của pháp luật cạnh tranh, một ngành luật kinh tế, yêu cầu phải có sự chuyên môn hoá như vậy.

Đa số các nước có luật bảo vệ cạnh tranh đều thừa nhận quan điểm này.

Ví dụ, Tòa án Phúc thẩm Berlin là toà án duy nhất có thẩm quyền xem xét các quyết định của Cơ quan Kiểm soát tập trung kinh tế. Các nước khác như Bỉ, Italia, Ba Lan, Hunggari, Tiệp Khắc, Bungari và một số nước khác dành thẩm quyền giải quyết

---

25. Xem bài viết của Olivier Douvreur, thẩm phán, *La Gazette du Palais* ngày 20 đến 22-3-1988.

26. Xem phần trên, số 1051.

tranh chấp cho một toà án duy nhất gần với Cơ quan Điều tiết cạnh tranh.

Duy nhất có hệ thống chống tập trung kinh tế của Mỹ, đã được tư pháp hoá rất mạnh mẽ, là thường áp dụng các thủ tục pháp lý cổ điển nặng về thống nhất pháp luật khi luật pháp được áp dụng bởi nhiều cơ quan có thẩm quyền xét xử.

Việc chuyên môn hoá phân toà thứ nhất của Tòa án Phúc thẩm Paris để trở thành "Phân toà cạnh tranh" thể hiện rõ đây là một lĩnh vực tranh chấp mới và phức tạp.

Vấn đề còn lại là trong thực tiễn áp dụng pháp luật của Hội đồng Cạnh tranh và nhất là của Tòa án Phúc thẩm Paris không phải lúc nào cũng tôn trọng ý chí của nhà lập pháp. Chúng ta sẽ trở lại phân tích kỹ vấn đề này trong phần sau. Thực tiễn này phát triển theo chiều hướng ngày càng rõ nét, dù chưa hoàn thiện, là đồng nhất với thủ tục tố tụng dân sự. Mọi người đều nói đến phúc thẩm, nhưng thực chất vấn đề không phải vậy. Tính đặc thù của việc khiếu kiện đối với các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh dần dần bị mờ nhạt.

### **1) Các quyết định có thể bị khiếu kiện**

**1666.** Hầu như tất cả các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh đều có thể bị khiếu kiện về nội dung hoặc về thủ tục tố tụng lên Tòa án Phúc thẩm Paris.

Điều L.464-7 Bộ luật Thương mại nhắc lại quy định tại Điều 12, Khoản 4 của pháp lệnh cũ, đã được sửa đổi theo luật ngày 6-7-1987. Điều này quy định rõ thủ tục khiếu kiện đối với các quyết định áp dụng và từ chối áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Điều L.464-8 của Bộ luật quy định lần lượt các loại quyết định của Hội đồng Cạnh tranh, mà mỗi quyết định có thể bị khiếu kiện yêu cầu huỷ hoặc sửa đổi trước Tòa án Phúc thẩm

Paris. Như vậy, có thể cho rằng danh sách những quyết định này có giới hạn. Đó là các quyết định không thụ lý hoặc bác đơn khiếu nại (Điều L.462-8), quyết định xét xử về nội dung trong đó Hội đồng buộc chấm dứt một hành vi và/hoặc phạt tiền (Điều L.464-2), quyết định xử phạt trong trường hợp không thi hành các biện pháp và yêu cầu trong quyết định khẩn cấp tạm thời hoặc quyết định xét xử về nội dung (Điều L.464-3), quyết định xét xử về nội dung theo thủ tục rút gọn (Điều L.464-5), và quyết định miễn tố hoặc quyết định đình chỉ xét xử (Điều L.464-6).

**1667.** Trong thực tiễn, quyết định bác đơn ít khi bị khởi kiện lên Tòa án Phúc thẩm.

Cho đến cuối năm 1999, có hai quyết định bác đơn đã bị Tòa án Phúc thẩm tuyên bố huỷ.

Quyết định thứ nhất là về yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng quốc gia các nhà sản xuất ô tô (CNPA) chống lại Hiệp hội thẻ ngân hàng. Hội đồng Cạnh tranh đã tuyên bố không chấp nhận khiếu nại CNPA, nên đã từ chối áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời<sup>27</sup>. Thông qua phán quyết ngày 25-11-1999, Tòa án Phúc thẩm đã huỷ quyết định này và tuyên bố chấp nhận đơn của CNPA và yêu cầu Hội đồng thẩm cứu lại vụ việc.

Quyết định thứ hai về việc không chấp nhận yêu cầu đã được Tòa án Phúc thẩm giữ nguyên vì không có đủ căn cứ chứng minh hành vi phân biệt đối xử của Công ty Điện lực Pháp (EDF) với Energie de Bigorre<sup>28</sup>.

Trong những trường hợp như vậy, Tòa án phải kiểm soát phân tích, nhận định của Hội đồng Cạnh tranh về hành vi vi phạm quy định tại các điều L.420-1, L.420-2, L.420-5 và Điều 81 hoặc 82.

27. Quyết định số 99-D-21 ngày 10-3-1999.

28. Hội đồng Cạnh tranh, quyết định số 99-D-02, ngày 12-1-1999.

**1668.** Tuy đã hủy hoặc giữ nguyên quyết định bác đơn, nhưng chưa bao giờ Tòa án hủy quyết định chấp nhận đơn yêu cầu.

Quyết định chấp nhận đơn chỉ được thể hiện bằng văn bản chính thức, tổng đạt và công bố nếu liên quan đến yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

**1669.** Nếu một bên đã phản đối quyết định thụ lý hoặc đã yêu cầu bác đơn vì không có đủ căn cứ chứng minh cho hành vi bị yêu cầu xử lý, thì bên đó có được yêu cầu Tòa án Phúc thẩm xem xét lại quyết định về biện pháp khẩn cấp tạm thời hay không? Vấn đề hiện đang bỏ ngỏ, hoặc ít ra cũng đáng để bỏ ngỏ<sup>29</sup>.

Quy định tại các điều L.464-8 và L.462-8 có vẻ cho phép các bên thực hiện quyền này.

Tuy nhiên, Tòa án vẫn từ chối.

Theo Tòa án Phúc thẩm Paris, ba loại quyết định sau đây của Hội đồng Cạnh tranh không thể bị khởi kiện là:

- Quyết định chuyển hồ sơ cho Viện trưởng Viện Công tố để khởi tố hình sự theo quy định tại Điều L.420-6 của Bộ luật Thương mại (cho phép truy cứu trách nhiệm hình sự các cá nhân đã trực tiếp tham gia và có ảnh hưởng quyết định đến hành vi phản cạnh tranh), hoặc để xử lý theo quy định tại Điều L.463-6 (xử lý việc một bên tiết lộ thông tin liên quan đến bên kia hoặc đến một bên thứ ba);

- Tòa án Phúc thẩm Paris đã cho rằng quyết định tạm đình

---

29. Thật vậy, chúng ta biết rằng các biện pháp khẩn cấp tạm thời phụ thuộc vào quyết định thụ lý đơn khiếu nại bởi vì phải có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phản cạnh tranh bị yêu cầu xử lý và thiệt hại gây ra đối với các lợi ích quy định tại Điều L.464-1.

chỉ xét xử chỉ là một biện pháp thẩm cứu, không thể kháng cáo, kháng nghị<sup>30</sup>.

- Tương tự như vậy, quyết định trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung chỉ là một biện pháp nội bộ đơn thuần, không được coi là căn cứ kháng cáo, kháng nghị.

Trong phán quyết về vụ *Pharma-Lab* năm 2002, Tòa án Phúc thẩm Paris nhận định:

*“Theo quy định tại Điều L.464-8 của Bộ luật Thương mại, khiếu kiện lên Tòa án Phúc thẩm Paris yêu cầu huỷ hoặc sửa đổi một quyết định theo quy định của Bộ luật này không áp dụng đối với quyết định của Hội đồng Cạnh tranh tuyên bố chấp nhận yêu cầu xét xử về nội dung vụ việc”<sup>31</sup>.*

Tòa án Phúc thẩm Paris đã nhắc lại nhận định này trong bản án vụ *Bưu chính*, năm 2003:

*“Xét thấy rằng việc khiếu kiện quy định tại Điều L.464-8 Bộ luật Thương mại, dù nhằm mục đích huỷ quyết định của Hội đồng Cạnh tranh hoặc sửa đổi quyết định, có bản chất đặc biệt liên quan đến tính chất hành chính và chỉ có thể thực hiện trong những điều kiện do văn bản quy định; xét thấy rằng việc khiếu kiện này chỉ được thực hiện đối với các quyết định nêu tại Điều L.464-8 của Bộ luật Thương mại, trong số đó không có quyết định hoãn vụ việc để tiếp tục thẩm cứu, biện pháp đơn thuần của Hội đồng Cạnh tranh nhằm tiếp tục xem xét vụ việc mà Hội đồng có ý định giải quyết”<sup>32</sup>.*

30. Tòa án Phúc thẩm Paris, 28-11-2000, Công ty làm răng giả (CAP) khởi kiện quyết định số 2000-D-15 của Hội đồng Cạnh tranh, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* ngày 30-12-2000, tr.819.

31. Tòa án Phúc thẩm Paris, 26-6-2002, *Pharma-Lab*, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* ngày 11-7-2003.

32. Tòa án Phúc thẩm Paris, 11-3-2003, *La Poste* và các doanh nghiệp khác.



Tuy nhiên, có thể lo ngại rằng quyết định thụ lý sẽ được coi là căn cứ khiếu nại cho doanh nghiệp nếu doanh nghiệp đó ngay tình và nếu Hội đồng chỉ dựa trên những dấu hiệu không đầy đủ và không chắc chắn, theo kiểu “không loại trừ” có vi phạm.

Chúng ta có thể hy vọng một sự thay đổi về điểm này, với những dấu hiệu trong pháp luật Cộng đồng: năm 2002, Tòa án Sơ thẩm đã chấp nhận khiếu kiện yêu cầu huỷ quyết định mở thủ tục điều tra về một hành vi trợ cấp<sup>33</sup>. Tòa án nhận định:

*“Dù những đánh giá pháp lý chỉ có tính chất tạm thời, nhưng mọi quyết định chính thức mở thủ tục điều tra (...) đều có những yếu tố có tính chất như một quyết định cuối cùng, vì quyết định mở thủ tục điều tra của Ủy ban có những tác động kéo dài ít nhất là từ khi mở thủ tục điều tra đến khi kết thúc thủ tục điều tra”.*

## 2) Những người có quyền khởi kiện

**1670.** Người có quyền khởi kiện trước hết là “các bên đương sự”, nghĩa là những người đã khiếu nại lên Hội đồng hoặc đã được tổng đạt căn cứ khiếu nại, có quyền hoặc nghĩa vụ thi hành quyết định.

Mối quan hệ giữa việc tổng đạt quyết định và quyền khởi kiện được quy định cụ thể tại đoạn 1, Điều L.464-8.

Các “bên đương sự” không chỉ là bên bị khiếu nại, tức bên có thoả thuận hoặc hành vi bị yêu cầu xử lý; bên khiếu nại cũng là “bên đương sự”.

**1671.** Những người chỉ đơn thuần liên đới tới vụ việc và có thể theo cách này hoặc cách khác có hoạt động phối hợp trong trình tự giải quyết vụ việc, ví dụ đã có dịp cung cấp lời khai cho điều tra viên hay báo cáo viên, thì không có quyền khởi kiện.

---

33. Tòa án Sơ thẩm, 30-4-2002, *Government of Gibraltar kiện Ủy ban châu Âu*, aff. T-195-01, Rec. II, tr. 2309.

Tòa án Phúc thẩm Paris đã nhắc lại những giới hạn trong phán quyết về vụ *Công ty Bưu chính và các doanh nghiệp khác* ngày 11-3-2003 như sau:

*“Ngoài ra, xét thấy rằng khiếu kiện chỉ có thể thực hiện bởi một trong các bên đương sự trước Hội đồng Cạnh tranh, hoặc bởi bên có khiếu nại nhưng đã bị bác đơn, hoặc bởi bên sau khi nhận tổng đạt căn cứ khiếu nại đã bị buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm hoặc bị phạt tiền; rằng ngay cả khi các doanh nghiệp khiếu nại đã đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin cho báo cáo viên phụ trách điều tra, tình huống này cũng không đủ để doanh nghiệp có tư cách kháng cáo đối với quyết định không áp dụng biện pháp nào đối với họ lên Tòa án Phúc thẩm”.*

Doanh nghiệp đã yêu cầu Bộ trưởng Kinh tế khiếu nại lên Hội đồng và chỉ tham gia vào việc khiếu nại thông qua việc cung cấp tài liệu và lời khai cho báo cáo viên, thì cũng không được kháng cáo quyết định của Hội đồng hoặc phán quyết của tòa án; do không chính thức đề nghị Hội đồng áp dụng Điều L.462-5, doanh nghiệp cũng không phải là “bên đương sự”, thậm chí cũng không phải là “bên liên quan”<sup>34</sup>.

**1672.** Ngoài các “bên đương sự”, Ủy viên của Chính phủ cũng có thể khởi kiện các quyết định của Hội đồng về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Điều L.464-8 trao quyền cho “Bộ trưởng phụ trách kinh tế” được kháng nghị, với tư cách là bên chính tố hoặc bên phụ tố, đối với những quyết định không phải là quyết định về biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Sở dĩ có thẩm quyền này là do Bộ trưởng Kinh tế thuộc số

---

34. Tòa án Tư pháp tối cao, 17-12-1991, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* ngày 21-2-1992, tr.69. Tuy nhiên, xem thêm mục 1675.

những người có thể yêu cầu Hội đồng thực thi các biện pháp khẩn cấp tạm thời. Nhưng cũng không quên rằng Ủy viên của Chính phủ do Chính phủ bổ nhiệm và chịu sự lãnh đạo của Chính phủ.

**1673.** Nếu đã không kháng nghị quyết định của Hội đồng lên Tòa án Phúc thẩm, Bộ trưởng Kinh tế sẽ không thể kháng nghị giám đốc thẩm lên Tòa án Tư pháp tối cao để phản đối quyết định của Tòa án Phúc thẩm, dù chỉ với tư cách là bên phụ tố.

Lý do không phải ở chỗ khiếu kiện yêu cầu huỷ văn bản chỉ dành cho các bên có thể khiếu kiện với toà án thuộc cấp xét xử thứ hai<sup>35</sup>, vì Bộ trưởng vốn là người có quyền kháng nghị nhưng không phải là một bên của vụ việc. Lý do thực sự mà Tòa án Phúc thẩm nhắc lại nhiều lần là<sup>36</sup>:

- theo nội dung Điều L.464-8, kháng cáo, kháng nghị lên Tòa án Phúc thẩm yêu cầu nhằm mục đích huỷ hoặc sửa đổi quyết định của Hội đồng;

- Điều 2 Nghị định ngày 19-10-1987 quy định đối tượng kháng cáo, kháng nghị phải xác định rõ, nếu không sẽ không được chấp nhận;

- điều này cũng áp dụng cho các yêu cầu phụ tố (Điều 6 của Nghị định).

---

35. Tòa án Tư pháp tối cao, ngày 15-7-1992, kháng cáo giám đốc thẩm của công ty Pluri-Publi chống lại bản án của Tòa án Phúc thẩm Paris ngày 28-9-1989, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* ngày 15-8-1992.

36. Tòa án Phúc thẩm đã nhắc lại thông điệp này bốn lần trong mùa hè năm 2003 khi Bộ trưởng kháng nghị ủng hộ quyết định của Hội đồng Cạnh tranh, nhưng các kháng nghị đó đã lần lượt bị bác: Tòa án Phúc thẩm Paris, ngày 17-6-2003 (*vòng bi*); ngày 24-6-2003 (*máy trục địa*); ngày 2-7-2003 (*vận tải hành khách đường bộ trong vùng Ain*); ngày 4-7-2003 (*thiết bị điện tử cho khách hàng phổ thông*).

- căn cứ các văn bản trên, có thể rút ra kết luận là sẽ không được chấp nhận những khiếu kiện không nhằm mục đích yêu cầu huỷ hoặc sửa đổi toàn bộ hay từng phần văn bản, dù khiếu kiện với tư cách là bên chính tố hay bên phụ tố.

**1674.** Theo quy định tại Điều L.462-8, Bộ trưởng có quyền kháng nghị giám đốc thẩm đối với các quyết định không chấp nhận kháng nghị phúc thẩm. Quy định này không được sự đồng tình của nhóm chuyên gia soạn dự thảo Pháp lệnh năm 1986. Điều này có thể thấy khi so sánh đoạn cuối Điều 47 và Điều 50 của dự thảo do Chính phủ trình lên Tham chính viện đầu tháng 11-1986<sup>37</sup>.

Nếu công nhận Bộ trưởng có thể kháng nghị quyết định không tiếp nhận yêu cầu thì buộc phải thừa nhận Bộ trưởng cũng có quyền kiểm soát một số quyền tự do ít ỏi được quy định cho Hội đồng để thực hiện công việc và mục tiêu theo phương thức của mình.

Và lại, Bộ trưởng không phải lúc nào cũng sử dụng quyền hạn này một cách xứng đáng để nó được trao cho Bộ trưởng. Thậm chí, Bộ trưởng đã có lần nhầm lẫn khi yêu cầu Tòa án Phúc thẩm Paris huỷ quyết định không chấp nhận trong vụ *SDTAE kiện / Ville de Pâmiers*.

**1675.** Đó là những giải pháp rút ra từ một thủ tục tố tụng đặc biệt, theo quy định của luật ban hành tháng 7-1987.

Tuy nhiên, Tòa án Phúc thẩm cũng áp dụng kèm theo các giải pháp tham khảo từ quy định chung của pháp luật: căn cứ vào Điều 325 và các điều tiếp theo của Bộ luật Tố tụng dân sự mới, toà án thừa nhận quyền của bên thứ ba trong một thủ tục giải quyết khiếu nại trước Hội đồng Cạnh tranh được kháng cáo quyết định của Hội đồng lên Tòa án Phúc thẩm.

---

37. Xem D. Brault, *Nhà nước và tinh thần cạnh tranh ở Pháp*, Economica, tr.220 và 221.

Tòa cũng chấp nhận cho những người này kháng cáo với tư cách là bên phụ tố<sup>38</sup> hoặc chính tố, cả khi kháng cáo các quyết định về nội dung hay quyết định về biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Tuy nhiên, kháng cáo của người thứ ba chỉ có thể là phụ tố mà không được chủ động kháng cáo với tư cách là bên chính tố. Quyền của họ giới hạn ở việc tham gia vào thủ tục kháng cáo với một bên có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều L.464-7 hoặc Điều L.464-8<sup>39</sup>.

**1676.** Hội đồng Cạnh tranh là trường hợp đặc biệt. Hội đồng không phải là bên liên quan cũng không phải là bên thứ ba, nhưng Điều 9 của Nghị định ngày 19-10-1987 quy định Hội đồng được trình bày ý kiến của mình bằng văn bản. Điều này chứng tỏ Hội đồng không phải là cơ quan tài phán. Ủy ban Chứng khoán và Đoàn luật sư cũng được quyền bảo vệ quyết định của mình trước tòa. Đây có lẽ hoàn toàn là ngoại lệ của pháp luật.

### **3) Thủ tục tố tụng**

**1677.** Thủ tục tố tụng được quy định tại Nghị định ngày 19-10-1987.

Kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định về biện pháp khẩn cấp tạm thời phải được thực hiện trong thời hạn chậm nhất 10 ngày kể từ ngày được thông đạt quyết định.

Thời hạn kháng cáo những quyết định khác của Hội đồng là một tháng.

---

38. Tòa án Phúc thẩm Paris, 28-1-1988, *Dịch vụ tang lễ 77*, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* ngày 4-2-1988.

39. Xem "khái niệm về các bên đương sự và bên liên quan trong pháp luật cạnh tranh" của Frédérique Daudret-John, *Tạp chí Cạnh tranh và Tiêu dùng*, số 57, tháng 9 và 10-1990.

Hình thức kháng cáo thay đổi tùy thuộc vào đối tượng kháng cáo có phải là biện pháp khẩn cấp tạm thời hay không.

**1678.** Theo quy định tại Điều 10, Nghị định ngày 19-10-1987, kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định về biện pháp khẩn cấp tạm thời được xét xử trước Tòa án Phúc thẩm theo yêu cầu của một bên, tại một phiên toà do Chánh án hoặc người được Chánh án uỷ quyền ấn định trước.

Trong thời hạn năm ngày kể từ ngày tổng đạt giấy triệu tập ra toà, đương sự phải nộp ba bản sao giấy triệu tập cho bộ phận lục sự của Tòa án.

Tòa án Phúc thẩm phải giải quyết trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được kháng cáo, kháng nghị.

**1679.** Theo quy định tại các điều 2 và 4 của Nghị định, thủ tục kháng cáo, kháng nghị quy định tại Điều L.464-8 đối với các quyết định, trừ quyết định về biện pháp khẩn cấp tạm thời, gồm ba thủ tục:

- Nộp cho lục sự văn bản “tuyên bố kháng cáo, kháng nghị”, làm thành ba bản, trong đó ghi rõ tên người kháng cáo, kháng nghị, mục đích kháng cáo, kháng nghị, danh sách tài liệu và chứng cứ cung cấp cho toà án, nếu có.

Nếu bên kháng cáo, kháng nghị chỉ “*viện dẫn lại những vấn đề đã yêu cầu Hội đồng xem xét trước đó*”, thì Tòa án có thể cho rằng văn bản kháng cáo, kháng nghị của bên đó “*không có phần trình bày các phương thức chứng minh*”<sup>40</sup>.

- Nếu văn bản kháng cáo, kháng nghị không trình bày lý do thì phải trình bày rõ trong thời hạn hai tháng kể từ ngày Hội đồng thông báo quyết định<sup>41</sup>. Thời hạn này là bắt buộc đối với

---

40. Ví dụ: Tòa án Phúc thẩm Paris, ngày 29-4-2003, SA Verimedia kiện quyết định số 02-D-47 ngày 25-7-2002.

41. Đoạn 3, Điều 2 của Nghị định số 87-849 ngày 19-10-1987.

người kháng cáo với tư cách là bên chính tố và cả với những người kháng cáo với tư cách là bên phụ tố.

- Trong thời hạn năm ngày kể từ ngày nộp văn bản tuyên bố kháng cáo, kháng nghị, bên kháng cáo, kháng nghị với tư cách là bên chính tố phải gửi bản sao cho các bên liên quan đến quyết định của Hội đồng. Thông báo phải gửi bằng thư bảo đảm có giấy báo nhận. Mục đích của thủ tục này là cho phép những người có quyền tham gia kháng cáo với tư cách là bên phụ tố và các bên khác thực hiện quyền của mình.

Vì vậy, khi Hội đồng thông báo quyết định của mình thì thường gửi kèm danh sách những người nhận quyết định, ghi rõ tên, chức vụ, địa chỉ của họ, theo quy định tại Điều 20 của Nghị định.

Đặc điểm của thủ tục nói trên là chủ ý đưa ra thời hạn ngắn. Chỉ trong hai tháng và năm ngày sau khi thông báo quyết định của Hội đồng, người ta đã biết các bên là ai, ở cấp nào, mục đích và lý do kháng cáo.

### **§3. Hệ quả của kháng cáo**

Cần phân biệt những hệ quả tức thì của việc kháng cáo với hệ quả của quyết định cuối cùng của Tòa án.

#### **1) Hệ quả tức thì của kháng cáo**

**1680.** Kháng cáo, kháng nghị lên Tòa án Phúc thẩm về quyết định của Hội đồng Cạnh tranh không có hiệu lực đình chỉ việc thi hành quyết định.

Tuy nhiên, trong một số điều kiện, các bên có thể được Tòa án chấp nhận cho *tạm đình chỉ* thi hành quyết định của Hội đồng.

Khả năng yêu cầu tạm đình chỉ thi hành quyết định của Hội đồng quy định tại các điều L.464-8 và L.464-7 được áp dụng cả

với quyết định về nội dung lẫn quyết định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Bằng quyết định ngày 23-1-1987 huỷ luật Ornano thứ nhất, Hội đồng Bảo hiến đã yêu cầu bổ sung những thiếu sót của pháp luật đối với quyền bào chữa. Thật vậy, khi còn có thẩm quyền xét xử các quyết định trong lĩnh vực cạnh tranh, trong một số trường hợp đặc biệt, Tòa án Hành chính tối cao có thể tuyên bố tạm đình chỉ thi hành đối với những quyết định mà việc khiếu kiện không có hiệu lực đình chỉ thi hành.

Trong phiên bản ban đầu, luật quy định việc chuyển thẩm quyền giải quyết tranh chấp về các quyết định trong lĩnh vực cạnh tranh cho Tòa án Phúc thẩm Paris đã không dự tính khả năng tạm đình chỉ thi hành.

Từ nay, thẩm quyền này đã được quy định và được thực hiện nhiều lần.

Quyết định ngày 3-5-1989 của Hội đồng Cạnh tranh yêu cầu *GIE Thẻ ngân hàng* thay đổi phương thức tính phí dịch vụ liên ngân hàng đã bị đình chỉ thực hiện<sup>42</sup>. Đây không phải là lần đầu. Quyết định tạm đình chỉ thi hành trong thời gian ba tháng cũng đã được chấp thuận cho các nhà sản xuất mỹ phẩm để họ có thời gian đàm phán với các bên đã ký hợp đồng phân phối<sup>43</sup>.

Chánh án Tòa án Phúc thẩm Paris có quyền quyết định đình chỉ thi hành.

Chánh án chỉ có thể ra quyết định này theo yêu cầu và chỉ khi quyết định bị kháng cáo, kháng nghị.

Thủ tục này đã được các tác giả của Nghị định ngày 19-10-1987<sup>44</sup> lấy từ quy định tại đoạn hai, Điều 485 Bộ luật Tổ tụng dân sự mới, liên quan đến trình tự cấp thẩm vào ngày ấn định trước.

42. Tòa án Phúc thẩm Paris, Phân toà thứ nhất, ngày 20-9-1989.

43. *Gaz. Pal.* ngày 29-11-1987, J.-P. Marchi.

44. Các mục 3 và 4.



Chánh án có thể thực hiện quyền này nếu quyết định có khả năng gây ra những hệ quả thái quá rõ rệt, hoặc nếu xuất hiện thêm các tình tiết mới với tính chất đặc biệt nghiêm trọng sau khi quyết định được ban hành và được tổng đạt cho các bên.

## **2) Hệ quả của quyết định cuối cùng của Tòa án Phúc thẩm**

**1681.** Tòa án Phúc thẩm Paris có thể giữ nguyên quyết định của Hội đồng, huỷ toàn bộ hoặc một phần quyết định đó. Tòa án cũng có thể sửa đổi quyết định, có nghĩa là, thay quyết định của Hội đồng bằng quyết định của mình, nhưng trong giới hạn thẩm quyền của Hội đồng.

**1682.** Khi thực hiện vai trò kiểm soát các quyết định của Hội đồng, Tòa án Phúc thẩm không giải quyết những khiếu nại liên quan đến hiệu lực của hợp đồng hay nghĩa vụ chịu sự điều chỉnh của luật tư pháp. Vấn đề này thuộc phạm vi thẩm quyền của các tòa án dân sự và thương mại. Tòa án Phúc thẩm Paris cũng không xét xử văn bản, quyết định của các cơ quan quyền lực nhà nước vì Hội đồng Cạnh tranh không có thẩm quyền này, như Tòa án giải quyết tranh chấp về thẩm quyền đã nhiều lần nhắc nhở.

**1683.** Tòa án cũng có thể trả lại hồ sơ để Hội đồng xem xét thêm. Ví dụ, Tòa án đã ra quyết định ngày 14-1-2003 yêu cầu Hội đồng xét lại đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của công ty Toffoluti:

*“Xét thấy rằng, khi huỷ quyết định của Hội đồng Cạnh tranh mà không phải xem xét lại các thủ tục đã được thực hiện trước khi quyết định được ban hành, căn cứ vào tổng hợp Điều 15 Pháp lệnh ngày 1-12-1986, nay là Điều L.464-8 Bộ luật Thương mại, và Điều 561 Bộ luật Tổ tụng dân sự mới, hay xem xét lại quyền giải quyết về nội dung vấn đề Hội đồng đã được yêu cầu giải quyết, thì Tòa án không có nghĩa vụ thực hiện quyền hạn này”.*

**1684.** Vấn đề có thể đặt ra là liệu có cần biết Tòa án Phúc thẩm có thể, thậm chí phải thực hiện quyền hạn xét xử một vụ việc - quyền này đã được thừa nhận theo quy định tại Điều 520 của Bộ luật Tố tụng hình sự - dù tòa án có tính chất đặc biệt với tư cách là cơ quan kiểm soát Hội đồng Cạnh tranh hay không. Theo giả thiết này, Tòa án Phúc thẩm có thể sẽ không giới hạn thẩm quyền của mình ở chỗ giữ nguyên, huỷ hoặc sửa quyết định của Hội đồng, mà có thể làm lại toàn bộ quyết định. Giải pháp này có lợi là tránh được cả một trình tự dài chỉ vì lý do hoàn toàn mang tính hình thức, tiết kiệm thời gian so với quyết định yêu cầu Hội đồng Cạnh tranh bắt đầu lại thủ tục từ đầu.

Liệu có logic khi chuyển hoá cơ chế này từ thủ tục tố tụng hình sự sang thủ tục tố tụng đặc thù trong lĩnh vực cạnh tranh, khi mà xu hướng hiện nay là quy định thủ tục đặc thù này cho gần với trình tự thủ tục tại các tòa tiểu hình?

**1685.** Mục đích kiểm soát là bảo đảm tính hợp pháp bên trong và bên ngoài, cả về nội dung lẫn hình thức, tôn trọng trình tự xét xử của riêng Hội đồng cũng như tôn trọng nguyên tắc tranh tụng, tôn trọng quyền bào chữa, nguyên tắc trung thực trong điều tra, yêu cầu xét xử công bằng theo quy định tại Điều 6 của Công ước châu Âu về bảo vệ quyền con người.

**1686.** Nếu Hội đồng Cạnh tranh không tuân thủ nghĩa vụ xét xử trong thời hạn hợp lý, thì chế tài không phải là huỷ hoặc sửa đổi quyết định của Hội đồng, mà Hội đồng phải bồi thường các thiệt hại do sự chậm trễ của mình gây ra, nếu các bên chứng minh được trước tòa án có thẩm quyền<sup>45</sup>.

**1687.** Như đã trình bày ở phần chức năng của Bộ trưởng Kinh tế, Bộ trưởng chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các quyết định của Tòa án Phúc thẩm.

---

45. Tòa án Phúc thẩm Paris, Phân tòa thứ nhất, Ban H, 23-5-2000, EDF, *Bản tin chính thức về cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại* ngày 22-6-2000, tr.333; ngày 28-1-2003, công ty Domoservices.

Quy định này thể hiện rõ tính chất đặc thù của pháp luật cạnh tranh: việc chấp hành các bản án liên quan đến vấn đề bồi thường thiệt hại thường theo yêu cầu của các bên vì đó là những xung đột liên quan đến quyền lợi cá nhân. Trên thực tế, không chỉ có lợi ích cá nhân; việc thi hành bản án của Tòa án Phúc thẩm Paris giải quyết khiếu kiện đối với quyết định của Hội đồng Cạnh tranh có tính chất khác: giống như quyết định của Hội đồng Cạnh tranh, bản án phúc thẩm cũng nhằm duy trì hoặc thiết lập lại trật tự công trong lĩnh vực kinh tế đang bị đảo lộn do một hành vi vi phạm trên thị trường.

**1688.** Tuy nhiên, điều này không phải là ngoại lệ so với nguyên tắc về hiệu lực pháp luật của bản án: việc Tòa án Phúc thẩm huỷ quyết định của Hội đồng chỉ có hệ quả đối với các bên khiếu kiện. Quyết định vẫn có hiệu lực chung thẩm đối với các bên khác liên quan. Hội đồng không giải quyết những gì liên quan đến các bên này.

Nếu có ý định ra quyết định mới sau khi quyết định ban đầu bị huỷ do vi phạm về thủ tục tố tụng, Hội đồng không được trở lại các căn cứ khiếu nại đã tổng đạt cho các bên, mà phải giải quyết một lần nữa trên cơ sở các căn cứ khiếu nại đã tổng đạt cho các bên, có yêu cầu vì quyết định ban đầu không còn tồn tại và đối với các bên Hội đồng không phải không còn nghĩa vụ giải quyết<sup>46</sup>.

Tương tự như vậy, khác với những phương thức thi hành quyết định của Tòa án Phúc thẩm, phương thức khiếu kiện các quyết định của tòa được áp dụng theo thông luật.

### **3) Kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm**

**1689.** Các bản án, quyết định ban hành bởi Tòa án Sơ

---

46. Trường hợp này đã xảy ra trong lĩnh vực quảng cáo: quyết định số 93-D-58.

thẩm hay Phúc thẩm đều có thể bị kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm.

Thời hạn kháng cáo, kháng nghị thông thường là hai tháng, trong lĩnh vực cạnh tranh rút xuống còn một tháng.

Việc kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm được thực hiện theo quy định chung của pháp luật tố tụng dân sự, nếu pháp luật không có quy định khác (như trường hợp quy định về thời hạn nêu trên).

Theo tinh thần này, Tòa án Tư pháp tối cao đã viện dẫn Điều 609 của Bộ luật Tố tụng dân sự mới<sup>47</sup> để bác kháng nghị của Bộ trưởng yêu cầu huỷ quyết định của Tòa án Phúc thẩm, với lý do Bộ trưởng không phải là một bên trong thủ tục phúc thẩm<sup>48</sup>.

#### **§4. Đánh giá cải cách theo quy định của Luật ngày 6-7-1987**

**1690.** Nhìn lại cơ chế kiểm soát của Tòa án Phúc thẩm Paris đối với quyết định của Hội đồng Cạnh tranh, có thể thấy rằng những nhận xét phê phán mà dựa vào đó để chuyển thẩm quyền của Tòa án Hành chính tối cao sang cho Tòa án Tư pháp từ năm 1987 là không phải hoàn toàn có cơ sở. Có thể nhìn nhận sự kiểm soát này theo chiều hướng ca tụng.

- Các quyết định liên quan đến cạnh tranh từ nay chịu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của tòa án (1).

- Sự kiểm tra, giám sát của Tòa án Phúc thẩm được thực hiện nhanh hơn nhiều so với Tòa án Hành chính tối cao trước đây (2).

---

47. Điều 609 của Bộ luật Tố tụng dân sự mới quy định "*chỉ các bên tham gia thủ tục xét xử phúc thẩm mới có quyền kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm*".

48. Tòa án Tư pháp tối cao, ngày 25-3-2003, số 575.

- Cuối cùng, Tòa án Phúc thẩm Paris cũng đã tính đến tính chất đặc thù của pháp luật cạnh tranh (3).

### **1) Sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của tòa án**

**1691.** Một trong những hệ quả của cải cách là tăng cường sự kiểm tra, giám sát của tòa án đối với quyết định của cơ quan điều tiết: quyết định của Hội đồng Cạnh tranh bị khởi kiện ra Tòa án Phúc thẩm Paris thường xuyên hơn so với số lượng các quyết định của Bộ trưởng bị khởi kiện ra Tòa án Hành chính tối cao theo cơ chế được thực hiện trước khi áp dụng chính sách cải cách năm 1986 và 1987.

Việc so sánh các con số sẽ không có ý nghĩa, nhất là vì ngày nay hình thức các quyết định có thể bị khiếu kiện rất đa dạng: ngoài các quyết định về nội dung còn có cả quyết định bác đơn và quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Bên cạnh đó còn phải kể đến quyết định của Chánh án Tòa án Phúc thẩm về yêu cầu tạm đình chỉ thi hành quyết định của Hội đồng Cạnh tranh.

Do đó, giá trị tuyệt đối có ý nghĩa hơn là việc so sánh với cơ chế giải quyết tranh chấp trước đây, trước Tòa án Hành chính tối cao.

Ví dụ, ngay trong năm đầu áp dụng luật tháng 7-1987, một phần tư số quyết định của Hội đồng Cạnh tranh đã bị kháng cáo, kháng nghị (22 khiếu kiện trên tổng số 90 quyết định), từ 22 vụ khiếu kiện này dẫn đến 32 quyết định, hoặc là của Tòa án Phúc thẩm, hoặc là quyết định của chánh án.

Từ khi thành lập Hội đồng Cạnh tranh đến cuối năm 2000, 312 trên tổng số 1.041 quyết định giải quyết tranh chấp của Hội đồng đã bị kháng cáo, kháng nghị. Cho đến ngày 31-12-2000, Tòa án Phúc thẩm đã giải quyết 298 vụ.

Những bản án của Tòa án Phúc thẩm giữ nguyên hoàn toàn

quyết định của Hội đồng hoặc giữ nguyên về nội dung và sửa đổi về mức phạt tiền và về yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm chiếm khoảng 80% trường hợp. Chỉ có 29 trường hợp huỷ hoàn toàn hoặc một phần.

Việc kiểm soát được thực hiện đối với tất cả các khía cạnh trong việc thực hiện Điều L.420-1 và các điều tiếp theo của Quyển IV Bộ luật: nhiều quan điểm xét xử của toà án đã được giải thích rõ, sửa đổi hoặc khẳng định.

Vấn đề thủ tục tố tụng và chế tài thường xuyên bị xem xét nhiều nhất.

Chế tài đôi khi bị huỷ hoặc giảm nhẹ. Tuy nhiên, dù rất hiếm nhưng cũng có trường hợp Tòa án Phúc thẩm nghiêm khắc hơn Hội đồng Cạnh tranh.

Ví dụ, theo yêu cầu của Bộ trưởng Kinh tế, Tòa án Phúc thẩm đã quyết định áp dụng chế tài đối với một nhóm các công ty trực địa mà trước đó Hội đồng đã không xử lý.

## **2) Thủ tục giám sát nhanh chóng**

**1692.** Một hệ quả nữa của việc chuyển thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực cạnh tranh cho Tòa án Phúc thẩm Paris là sự tăng tốc rõ rệt về thời hạn giải quyết khiếu kiện.

Để bảo đảm tính hiệu quả của những quyết định của Hội đồng trong một lĩnh vực mà ở đó việc xử lý được thực hiện càng nhanh càng tốt, pháp luật đã quy định ngoại lệ đối với thời hạn thông thường trong tố tụng dân sự.

Ông Pierre Drai, Chánh án Tòa án Phúc thẩm Paris vào thời điểm cải cách, đã ấn định mục tiêu xét xử một vụ việc cạnh tranh trong thời hạn tối đa là sáu tháng.

Dưới sự lãnh đạo của ông, Tòa án Phúc thẩm Paris đã đạt được mục tiêu này. Đây là điều đáng khâm phục.

Thủ tục nhanh chóng của Phân toà thứ nhất, Tòa án Phúc

thẩm Paris, là một trong những điểm đáng chú ý của hình thức khiếu kiện đặc biệt này. Phải chăng, khi kết hợp giữa một cơ quan chuyên môn rất có năng lực với một cơ quan xét xử, người ta đã tìm được một mô hình có thể áp dụng cho các lĩnh vực pháp luật khác và một giải pháp cho sự chậm trễ trong thủ tục tố tụng?

Nhưng liệu cơ quan chuyên môn có lùi bước trước sự chậm trễ?

Trên thực tế, trong khoảng từ ngày 6-7-1987 đến ngày 7-7-1988, thời gian trung bình để đưa ra quyết định về nội dung là sáu tháng.

Thậm chí thời gian này rút xuống chỉ còn ba tháng nếu xét chung tất cả các loại quyết định (bác đơn, với thời gian trung bình bốn tháng; biện pháp khẩn cấp tạm thời: một tháng; quyết định trước xét xử về nội dung: năm tháng; tạm đình chỉ thi hành: hai tuần).

Có thể so sánh thành tích xử lý nhanh này với thời gian mà Tòa án Hành chính tối cao xử lý các quyết định liên quan đến các vụ khiếu kiện khi Tòa án này còn có thẩm quyền đối với các vấn đề cạnh tranh.

Mãi đến năm 1990, Tòa án Hành chính tối cao mới có phán quyết về một vụ việc cạnh tranh trên thị trường sản phẩm bảo vệ thực vật, trong khi đó tranh chấp diễn ra từ năm 1983. Hơn nữa, những tình tiết đầu tiên của vụ này đã phát sinh từ 12 năm trước đó, tính từ ngày Tòa án ra quyết định.

Tòa án Hành chính tối cao chắc cũng sẽ có những tiến bộ về thời hạn, nếu được trao lại thẩm quyền kiểm soát quyết định của Hội đồng. Trong khi đó, Tòa án Phúc thẩm Paris không phải lúc nào cũng tuân thủ được thời hạn sáu tháng như đã đặt ra ban đầu. Tuy nhiên, cải cách năm 1987 vẫn là một giải pháp cứu thế.

**1693.** Sở dĩ Tòa án Phúc thẩm Paris xử lý vụ việc nhanh chóng là nhờ một quy định của Nghị định ngày 19-10-1987. Tại

Điều 8, Nghị định quy định Chánh án hoặc người đại diện của Chánh án ấn định thời hạn cho các bên thông báo cho nhau văn bản trình bày quan điểm pháp lý và ngày giờ tiến hành phiên tranh luận.

Trên thực tế, ngay khi nhận được khiếu kiện, toà án tổ chức một phiên điều trần tập hợp các bên hoặc luật sư của các bên và đại diện của Viện Công tố, của Bộ Kinh tế và của Hội đồng Cạnh tranh. Chủ tọa thông qua cam kết chung của các bên về lịch trình giải quyết vụ việc và chính thức hoá lịch trình đó trong quyết định về việc giải quyết vụ việc.

### **3) Tính đến tính chất đặc thù của pháp luật cạnh tranh**

Tòa án Phúc thẩm Paris đã nhanh chóng kết hợp tính đặc thù và tính đặc biệt của pháp luật cạnh tranh, đồng thời đã tạo ra cho Hội đồng Cạnh tranh một quy chế có tính tư pháp hơn.

#### **a. Về nội dung**

**1694.** Nhìn chung, Tòa án Phúc thẩm đã hỗ trợ Hội đồng Cạnh tranh trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

Mặc dù nhiều người trong giới chuyên môn luật và luật sư tìm cách gây ảnh hưởng với Tòa nhằm lái hành động của Hội đồng theo hướng giảm sự nghiêm khắc, Tòa cũng không phủ nhận tính đặc thù của luật cạnh tranh.

Tòa án đã nhiều lần huỷ hoặc giảm chế tài phạt tiền, nhưng đôi khi cũng yêu cầu Hội đồng phải nghiêm khắc hơn.

Sau khi bị phạt tiền do phát hành barem tính thù lao sửa chữa theo giờ, Liên đoàn quốc gia các nhà sản xuất và sửa chữa khung xe (GNCR) đã khởi kiện lên Tòa án Phúc thẩm, Tòa án đã quyết định tăng mức phạt<sup>49</sup>.

---

49. Kiến nghị của Ủy ban Cạnh tranh ngày 12-2-1981, đã được Bộ trưởng chấp thuận.



Uy tín của Tòa còn thể hiện ở chỗ đã thừa nhận vị trí của pháp luật cạnh tranh trong mối tương quan với pháp luật hợp đồng, vốn quen thuộc hơn với các tòa án tư pháp.

Mối tương quan này đặc biệt được chứng minh qua vụ thùng chứa. Bằng bản án ngày 5-5-1988, Tòa án Phúc thẩm Paris đã giải quyết trong chưa đầy sáu tháng, một vụ tranh chấp giữa một số doanh nghiệp lớn cung cấp nhiên liệu và những người bán lẻ cùng ký hợp đồng về việc hoàn lại nguyên vẹn các thùng chứa và các phương tiện khác trong trường hợp huỷ hợp đồng trước thời hạn.

Đây là ví dụ điển hình về cách thức luật thương mại có thể giúp cho mọi người tự do ký hợp đồng mà không phải chịu những điều khoản dành quyền lợi nhiều hơn cho một bên.

Đáng chú ý là cũng trong vụ đó, Tòa án Phúc thẩm Paris đã có quyết định ngược lại với một án lệ trước đó vốn ưu tiên một cách hệ thống quyền tự do ký kết hợp đồng mà không căn cứ vào pháp luật cạnh tranh.

**1695.** Mặc dù đã chỉ ra rằng quyền tự do giao kết hợp đồng không bị suy giảm hay đe dọa bởi Luật Cạnh tranh, nhưng Tòa án cũng ý thức được việc không rơi vào thái cực ngược lại, nghĩa là không khẳng định tính vượt trội quá mức của pháp luật cạnh tranh so với pháp luật hợp đồng.

**1696.** Hơn nữa, Tòa án Phúc thẩm Paris đôi khi còn phản đối quan điểm của Tòa án giải quyết tranh chấp về thẩm quyền đối với những vấn đề liên quan đến hợp đồng hành chính.

Về tổng thể, Tòa án Phúc thẩm đã tương đối thấu hiểu những yêu cầu đặc thù của pháp luật cạnh tranh, vì vậy đã duy trì và tăng cường quyền lực của Hội đồng Cạnh tranh.

Tuy nhiên, có thể nhận xét rằng Tòa án Phúc thẩm Paris chỉ sử dụng một cách ôn hoà thẩm quyền giải quyết tranh chấp của mình. Mặc dù đã nhiều lần sửa đổi quyết định vì các vấn đề liên

quan đến thủ tục tố tụng hoặc mức phạt tiền, nhưng hiếm khi Tòa án Phúc thẩm sửa đổi vì những vấn đề nội dung. Tòa án Phúc thẩm đã sửa đổi quyết định vì những căn cứ liên quan đến vấn đề xác định ngưỡng tới hạn hay xác định thị trường liên quan, nhưng hiếm khi viện dẫn các vấn đề nội dung cơ bản hơn.

**1697.** Tòa án Phúc thẩm không khuyến khích Hội đồng áp dụng quy định tại Khoản 2 e) Điều 8 trước đây của Pháp lệnh về lạm dụng quan hệ phụ thuộc về kinh tế.

**1698.** Tòa án đã chống lại một số cải cách mạnh mẽ nhưng tốt đẹp của Hội đồng, nhưng đã không ngăn cản các cải cách mạnh khác không tốt đẹp bằng. Đôi khi Tòa còn chấp thuận các quyết định có thể gây tranh cãi.

Ví dụ, Tòa án Phúc thẩm đã thừa nhận những nhận định chính thức của Hội đồng liên quan đến yêu cầu về bình đẳng trong cạnh tranh khi khẳng định quyết định của Hội đồng, trong đó Hội đồng phạt nặng công ty *Intermarché* do đã phát hành “Đặc san phân phối”. Khi quyết định như vậy, Tòa đã cấm tập đoàn thương mại độc lập thực hiện hành vi hợp pháp mà các tập đoàn cạnh tranh liên kết khác như Carrefour hay Auchan được phép làm. Phải chăng Hội đồng và Tòa án Phúc thẩm đã không nhìn thấy trong vụ này một trong những mục tiêu của việc thực hiện luật cạnh tranh là chống lại sự mất cân đối làm sai lệch pháp luật.

**1699.** Tương tự như vậy, Tòa án Phúc thẩm cũng đã có quan điểm sáng tạo và cải cách hơn về nhiều vấn đề khác nhau. Ví dụ, khái niệm tiến bộ kinh tế cho phép thực hiện một số hành vi phản cạnh tranh, hoặc khái niệm khả năng chấp nhận một số khiếu nại về hành vi thoả thuận đôi khi cũng là yếu tố được sử dụng trong việc xác định các hành vi tập trung kinh tế.

Ngoài ra, Tòa án Phúc thẩm cũng không lưu ý đến việc điều chỉnh sự chặt chẽ thái quá trong việc áp dụng các điều kiện miễn trừ theo quy định tại Điều L.420-4, Khoản 2<sup>o</sup>). Cũng

không thấy Tòa án Phúc thẩm yêu cầu Hội đồng phải giải thích một cách nhất quán hơn khái niệm hành vi gây tổn hại cho thị trường. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng Hội đồng đã bảo đảm được sự nhất quán đó nhằm tăng cường kiểm soát đối với hành vi hạn chế cạnh tranh, nhưng một cách chặt chẽ hơn nhiều để đánh giá hành vi lạm dụng quan hệ phụ thuộc về kinh tế.

Nói tóm lại, có thể đặt câu hỏi về tính chất yêu cầu giải quyết tranh chấp một cách đầy đủ của hành vi khiếu kiện. Phải chăng hành vi này ít vượt khỏi bình diện hình thức là điều không tránh khỏi? Hành vi này có tương thích với nguyên tắc hiến định vốn có từ lâu đời, theo đó Tòa án Tư pháp không được “can thiệp” vào việc thực hiện chức năng hành pháp không? Hay như Chánh án Tòa án Tư pháp tối cao, ông Guy Canivet đã đặt ra câu hỏi: *“Tòa án Tư pháp có thực sự là nơi xem xét lại chính sách điều tiết không?”*<sup>50</sup>.

#### ***b. Về hình thức và trình tự tố tụng***

**1700.** Có thể thấy dưới góc độ này, Tòa án Phúc thẩm bảo đảm không được tốt tính đặc thù của pháp luật cạnh tranh.

Điều quan trọng là Tòa án đã thành công trong việc tự áp đặt cho mình và cho các bên những thời hạn nhanh chóng.

Tòa án Phúc thẩm Paris cũng đã biết tạo ra sự hài hoà giữa đặc thù của luật cạnh tranh với những nguyên lý có thể áp dụng cho trình tự tố tụng dân sự để bảo vệ người thứ ba.

Thủ tục áp dụng trong hoạt động kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh chủ yếu tập trung vào các bên đương sự liên quan đến hoạt động mà Hội đồng xem xét.

Văn bản không quy định gì về người thứ ba trong các vụ

---

50. Diễn đàn về hoạt động điều tiết, Trường Khoa học Chính trị Paris, ngày 15-10-2001.

tranh chấp mà Hội đồng Cạnh tranh nhận được đơn khiếu nại, cũng không quy định khả năng yêu cầu độc lập, khả năng khiếu nại về hiệu lực đối với người thứ ba để yêu cầu tuyên bố rằng quyết định được ban hành đối với người thứ ba không có hiệu lực đối với mình.

Tòa án Phúc thẩm đã bổ sung những thiếu sót này với những điều kiện nêu ở phần trên<sup>51</sup>.

**1701.** Ngược lại, Tòa án Phúc thẩm đôi khi lại có lập trường mà trong một số trường hợp có thể đe dọa đến tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh, và đôi khi có thể nói là ít nhiều không tính đến đặc thù của pháp luật cạnh tranh.

Ví dụ, Tòa án đã thừa nhận quyền của bị đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của hội đồng xét xử bao gồm toàn thể các thành viên của Hội đồng Cạnh tranh thay vì giao cho Ủy ban Thường trực quyết định việc này. Nhưng sau đó, quy định bất thường này đã bị xóa bỏ.

Một ví dụ khác là về những yêu cầu, được xem là quá mức, về phương thức tổng đạt quyết định của Hội đồng Cạnh tranh.

Cũng có thể lấy làm tiếc khi Tòa án Phúc thẩm từ chối mọi khả năng khởi kiện ra Tòa án những quyết định trong đó Hội đồng Cạnh tranh tuyên bố thụ lý giải quyết một khiếu nại<sup>52</sup>. Có thể hiểu là Tòa án Phúc thẩm e ngại sẽ có nhiều khiếu kiện và trình tự xét xử vốn đã dài lại bị kéo dài thêm. Nhưng, với điều kiện giới hạn trong những thời hạn ngắn, phương thức khiếu kiện đặc biệt và chặt chẽ của các bên liên quan đối với các quyết định có thể đặt họ trong nhiều năm vào tình trạng mất an toàn về mặt pháp lý một cách thiếu căn cứ, sẽ cho phép Hội đồng

51. Xem phần trước, mục 1675.

52. "Về suy đoán vô tội trong lĩnh vực kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh", *Dominique Brault, Gaz, Pal*, ngày 2-8-2003.

dành một phần ít ỏi công việc của mình cho một thủ tục tố tụng kéo dài và kết thúc bằng quyết định không đưa ra xét xử.

Một trong những dấu ấn của ảnh hưởng của tòa án đối với hoạt động kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh của cơ quan hành chính là xu hướng yêu cầu cả các pháp nhân thực hiện các nguyên tắc theo truyền thống chỉ được áp dụng đối với các thể nhân.

Chúng tôi đã nêu ví dụ về việc này khi nói về việc cá thể hóa các hình phạt và tính không thể chuyển giao của hình phạt cũng như khả năng áp dụng một phần quy định tại Điều 6 của Công ước châu Âu về quyền con người.

Nhìn chung, chúng ta phải thừa nhận rằng Tòa án Phúc thẩm Paris đã góp phần mạnh mẽ vào sự phát triển của Hội đồng Cạnh tranh theo hướng tư pháp hóa. Nhiều người đã ca ngợi điều này. Tác giả của tài liệu này không thuộc số những người đó. Sở dĩ nhà làm luật có ý định thành lập một cơ quan hành chính độc lập để xem xét hành vi phản cạnh tranh với cái nhìn của nhà chuyên môn, đó là vì họ có lý do để thành lập. Tòa án Tư pháp không nên phản đối sự lựa chọn của người làm luật như Tòa án Phúc thẩm Paris đã làm khi thực hiện liên tiếp các điều chỉnh.

Về điểm này Tòa án Phúc thẩm Paris và Tòa án Công lý châu Âu có thái độ trái ngược nhau.

Tòa án Phúc thẩm Paris đối lập nguyên tắc bình đẳng về quyền bào chữa được quy định trong Pháp lệnh năm 1986 để biện luận cho việc không cho phép báo cáo viên và Báo cáo viên trưởng tham gia nghị án với Hội đồng Cạnh tranh; để làm điều này Tòa án Phúc thẩm Paris đã đi tới chỗ coi báo cáo viên là một bên trong vụ việc.

Tòa án Công lý thì cho rằng sở dĩ Ủy ban có thể không hiểu quyền bào chữa của bên khiếu nại cũng rộng như quyền của các

bên mà quyết định cuối cùng có thể chống lại họ, đó là vì Ủy ban là cơ quan hành chính.

Ủy ban châu Âu không được và không nên có ý định đóng vai trò thẩm phán trong các vụ tranh chấp giữa các bên, nguyên đơn hoặc bị đơn. Dù chủ động thụ lý hay giải quyết theo đơn khiếu nại, Ủy ban là người giữ gìn trật tự kinh tế và bảo đảm cho thị trường vận hành tốt. Như vậy, Ủy ban được Tòa án Công lý bảo vệ không bị trượt vào quy chế của một cơ quan tài phán.

Hội đồng Cạnh tranh không được bảo vệ như vậy trong khi Hội đồng không phải là cơ quan tài phán có chức năng xét xử hành vi của các thể nhân, mà là một cơ quan hành chính có chức năng kiểm soát và điều chỉnh hành vi của các pháp nhân.

## Kết luận

Ngày nay, phạm vi của cạnh tranh và của pháp luật cạnh tranh đã mở rộng ra nhiều lĩnh vực mới mà cách đây từ 10 đến 15 năm chúng ta còn chưa nghĩ tới.

Có thể kể ra đây ví dụ về các giải thi đấu thể thao đang ngày càng hội nhập mạnh mẽ vào nền kinh tế hàng hóa, hay các doanh nghiệp độc quyền nhà nước về dịch vụ công, vào thời điểm mà việc tự do hóa và tư nhân hóa các lĩnh vực nhà nước đang được nhìn nhận như sự phát triển thành công của thị trường.

Cũng chính vì thế cho nên sẽ không có gì đáng ngạc nhiên khi khái niệm tự do cạnh tranh bị quy kết là *"tư tưởng một chiều"* và bị phản đối cùng với quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới và những hậu quả đủ loại mà người ta gán cho nó.

Sau 18 năm kể từ khi thiết lập cơ chế tự do giá cả và cũng là 18 năm kể từ khi ban hành Pháp lệnh về tự do cạnh tranh, tư tưởng phát triển dựa vào thị trường lẽ nào đã trở nên lỗi thời?

Ngày nay, khi người ta đặt dấu hỏi nghi vấn về những cái hay, cái tốt của thị trường, đó là để chỉ ra rằng bản thân thị trường không phải là yếu tố đủ để tái lập tăng trưởng kinh tế và việc làm.

Thái độ hoài nghi này có lẽ còn xuất phát từ nhiều lý do khác mà chúng ta còn chưa ý thức được một cách rõ ràng.

Một số xu hướng rất rõ nét đã hình thành, và làm cho

chúng ta phải đặt câu hỏi về tương lai của việc điều tiết cạnh tranh hoặc ý chí của các nhà nước trong việc thiết lập cơ chế điều tiết cạnh tranh: sự tồn dư của chủ nghĩa can thiệp nhà nước, sự ý thức không đầy đủ về những mối đe dọa mà quá trình tập trung kinh tế không được kiểm soát tốt có thể gây ra đối với cạnh tranh bền vững và thực chất, sự tham gia khách quan của người tiêu dùng và một số doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ vào việc hạn chế cạnh tranh trong các lĩnh vực công nghệ cao, và cuối cùng là sự trông chờ vào những thay đổi của hệ thống các thiết chế bảo vệ cạnh tranh của Pháp cho phù hợp với hoàn cảnh mới.

Sự quay trở lại của chủ nghĩa can thiệp nhà nước vào nền kinh tế thị trường được thể hiện khá đa dạng. Nhiều hành vi can thiệp của Nhà nước là cần thiết, bởi vì rõ ràng là quy luật cung cầu không đủ khả năng giải quyết được mọi vấn đề. Vì lẽ đó, chúng tôi không có ý định phê phán chủ nghĩa kinh tế hỗn hợp, mà chỉ muốn giải thích rõ tại sao doanh nghiệp lại khó chấp nhận những ràng buộc của cạnh tranh, một khi những ràng buộc này được kết hợp với những ràng buộc do Nhà nước đặt ra.

Chúng ta có thể nhận thấy rất rõ thái độ này ở những doanh nghiệp độc quyền hình thành theo quy định của pháp luật, khi họ phải mở cửa cho cạnh tranh.

Mặc dù trào lưu tư nhân hóa rộng lớn trước đây đã tái phân bổ quyền sở hữu các doanh nghiệp độc quyền nhà nước, nhưng về cơ bản trào lưu đó không thay đổi được phạm vi của thị trường tự do. Để có thể mở cửa được một số lĩnh vực độc quyền cho cạnh tranh, Nhà nước đã phải can thiệp hết sức mạnh mẽ.

Minh chứng rõ rệt nhất là trường hợp của Vương quốc Anh, đất nước vô địch về tư nhân hóa và hoạt động "dỡ bỏ sự điều tiết của Nhà nước". Những quyền hạn mà các cơ quan quản lý ngành tự trao cho mình trong việc quản lý các doanh nghiệp độc quyền trước đây hẳn phải làm cho các công chức của Pháp, đặc biệt là những người còn nhiều vương vấn nhất với chủ nghĩa can



thiệt nhà nước, không khỏi thêm muốn. Oftel, Ofgas, Ofwat và nhiều cơ quan chủ quản khác vẫn tiếp tục can thiệp vào việc xác định giá hoặc xác định thị phần ở một mức độ mà các doanh nghiệp Pháp chắc chắn phải cho là không thể chấp nhận được.

Thế nhưng, với vai trò trung gian truyền tải của quá trình xây dựng Liên minh châu Âu, những mô hình đó đang chuẩn bị được áp dụng tại Pháp.

Để xác minh tính không phân biệt đối xử giữa các mức giá kết nối vào mạng của France Télécom cũng như sự phù hợp giữa các mức giá đó với chi phí thực tế, Cơ quan Điều tiết viễn thông (ART) đã có những can thiệp vào hoạt động của doanh nghiệp này ở mức sâu hơn rất nhiều so với Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận thương mại khi Tổng cục này thực hiện công tác kiểm soát giá cả.

Sự can thiệp vào hoạt động quản lý của doanh nghiệp được lý giải bởi sự cần thiết phải dung hòa giữa việc mở cửa một doanh nghiệp độc quyền truyền thống cho cạnh tranh với yêu cầu bảo đảm dịch vụ công. Cơ quan quản lý càng có lý do phải can thiệp khi mà tập đoàn France Télécom đôi khi vẫn không muốn làm tròn vai trò mà Nhà nước trông đợi ở nó.

Chủ nghĩa can thiệp mới nêu trên đã gây ra không ít hiểu lầm và tranh cãi về sự tham gia của Nhà nước và của các cơ quan điều tiết chuyên ngành vào một nền kinh tế đang được chủ trương tự do hóa.

Nhưng chủ nghĩa chỉ huy kinh tế còn được thể hiện dưới nhiều hình thức khác ít hợp thời đại hơn và cũng có ít cơ sở hơn những hình thức can thiệp nêu trên.

Các đạo luật ngày 1-7-1996 và luật ngày 15-5-2001 về các biện pháp điều tiết kinh tế mới đã lần lượt bổ sung vào Pháp lệnh năm 1986 một số quy định mới, qua đó xác định thêm nhiều hành vi đương nhiên bị cấm và tăng cường mức độ nghiêm khắc của các hình thức chế tài có thể được áp dụng đối với các hành vi đó, vào đúng giai đoạn mà lẽ ra phải hành động theo chiều

hướng ngược lại bằng cách bãi bỏ một loạt những quy định của pháp luật cạnh tranh vốn được kế thừa từ truyền thống kinh tế chỉ huy trước kia.

Chúng ta có thể cho rằng thật lỗi thời và siêu hiện thực khi mà đến đầu thế kỷ XXI, người ta vẫn còn phải mong đợi có được quyền tự do từ chối bán sữa chua hay bánh bích quy - kết quả của một cuộc đấu tranh lớn lao - trong khi trong những lĩnh vực hoạt động nhạy cảm khác, ví dụ như lĩnh vực viễn thông, việc cấm từ chối bán trước kia đang có xu hướng nhường chỗ cho nghĩa vụ phải cung cấp dịch vụ.

Dương nhiên, các phương thức áp dụng đã có sự thay đổi sâu sắc: ngày nay không còn chuyện truy cứu hình sự nữa, và chính các cơ quan quản lý chuyên ngành là những cơ quan chịu trách nhiệm bảo đảm sự tuân thủ pháp luật. Nhưng về mặt nội dung và các nguyên tắc lớn, sự thay đổi có thực chất hay không? Mọi doanh nghiệp trước kia nắm độc quyền thì nay sẽ bị chấn chỉnh ngay nếu không cho phép đối thủ cạnh tranh của họ tiếp cận một cách tự do và không phân biệt đối xử vào mạng lưới của họ, nói cách khác là nếu họ từ chối bán hoặc từ chối cho thuê dịch vụ.

Chúng ta có thể hiểu và đồng tình với sự mạnh dạn của nhà lập pháp trong việc tạo lập sự bình đẳng và quy định các nghĩa vụ cung cấp dịch vụ khi cần mở cửa cho cạnh tranh trong các lĩnh vực mà trước kia thuộc quyền nắm giữ của các doanh nghiệp độc quyền tự nhiên: buộc chủ sở hữu các cơ sở hạ tầng quan trọng phải chia sẻ quyền sử dụng chắc chắn sẽ tốt hơn rất nhiều so với việc xây dựng thêm nhiều mạng lưới mới, như mạng lưới đường sắt hay mạng lưới điện cao áp, chẳng hạn.

Nhưng sẽ không hợp lý nếu đem áp dụng lý thuyết tiếp cận bình đẳng này cho các hoạt động kinh tế không liên quan đến việc thực hiện dịch vụ độc quyền công.

Đường như một lý thuyết mới, mang tên lý thuyết về các nguồn lực khan hiếm và thiết yếu, đang từng bước thay thế cho

khái niệm dịch vụ công cổ điển. Trước đây, yêu cầu đặt ra là phải bảo đảm quyền bình đẳng trong việc tiếp cận dịch vụ công. Tương tự như vậy, yêu cầu đặt ra ngày nay là phải bình đẳng hóa các điều kiện tiếp cận vào các nguồn lực khan hiếm và thiết yếu, cho dù những nguồn lực đó là do tư nhân xây dựng và quản lý. Mọi việc đang diễn ra như thể người ta đã sáng tạo ra một lý thuyết mới về dịch vụ công, kèm theo yêu cầu tiếp cận bình đẳng, nhưng lại mở rộng phạm vi áp dụng của nó đến một số sản phẩm và dịch vụ mới và đến những người tiêu dùng trung gian.

Các chương trình nghe nhìn cần thiết để nuôi sống các hệ thống phát thanh truyền hình có sức tiêu thụ chương trình vô cùng lớn nhờ công nghệ số, các bộ phim hoặc máy giải mã cần thiết cho mọi cơ sở phát hành sản phẩm nghe nhìn, các phần mềm máy tính, các công thức sản xuất dược phẩm và nhiều "nguồn lực thiết yếu" khác ngày càng bị trào lưu tư nhân hóa và tập trung kinh tế đẩy lên ngang hàng với những vấn đề quan trọng nhất của cạnh tranh.

Dù là của Nhà nước hay của tư nhân, một số sản phẩm hoặc dịch vụ đã được coi là có tầm quan trọng lớn đến mức nhà lập pháp cho rằng đối với những sản phẩm hoặc dịch vụ đó, cần phải bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng hoặc thuận lợi, bằng cách quy định nghĩa vụ cung cấp, nghĩa vụ bán hoặc nghĩa vụ cho thuê.

Buộc mọi doanh nghiệp nghe nhìn là chủ sở hữu của một thiết bị giải mã phải cho phép đối thủ cạnh tranh sử dụng thiết bị đó; bảo đảm để khán giả truyền hình được tự do tiếp cận một cách thuận lợi các chương trình truyền hình về các sự kiện thể thao lớn, mặc dù doanh nghiệp truyền hình phải đầu tư rất lớn mới có thể thực hiện được những chương trình đó; buộc các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm phải cung cấp thuốc chữa bệnh với giá đặc biệt cho một số nước kém phát triển.

Xu hướng này sẽ dẫn chúng ta đi tới đâu?

Từ chỗ viện dẫn yêu cầu mở rộng cạnh tranh để buộc các doanh nghiệp độc quyền nhà nước phải cho phép các doanh

nghiệp khác sử dụng mạng lưới của họ, phải chăng rồi đây sẽ hình thành cơ chế cấp lixăng cưỡng bức hoặc giao hàng bắt buộc trong những lĩnh vực được cho là thiết yếu đối với nền kinh tế, nhưng chưa có được sự cạnh tranh cần thiết?

Theo lôgích này, một số doanh nghiệp bị buộc phải chia sẻ thành quả của những đầu tư mà họ đã thực hiện trong quá khứ, kể cả những thành quả mà họ đạt được nhờ có khả năng cạnh tranh tốt hơn, nhằm tạo ra hoặc cải thiện các điều kiện cạnh tranh trong tương lai.

Kìm hãm đôi chút sự cạnh tranh trong hiện tại để có thêm một chút cạnh tranh trong tương lai.

Đó liệu có phải là cách làm tốt hay chỉ là một bước đi sai lầm nguy hiểm?

Có lẽ chúng ta còn phải đợi một thời gian rất lâu nữa thì mới có được câu trả lời, bởi vì câu trả lời này phụ thuộc rất nhiều vào việc các cơ quan điều tiết mới có tồn tại lâu dài hay không. Liệu sau khi can thiệp thành công và đã tạo dựng được các điều kiện cạnh tranh bền vững, họ có biết tự rút lui hay sẽ lại cố gắng nắm giữ chặt lấy những quyền hạn được trao giống như tình hình hiện nay?

Vấn đề này dù sao cũng cần được những người có trách nhiệm xây dựng và thực thi chính sách cạnh tranh lưu tâm suy xét.

Một trào lưu khác đang diễn ra trước mắt chúng ta và đe dọa cạnh tranh trong tương lai. Sự tập trung kinh tế giữa các doanh nghiệp đã và đang đạt đến trình độ rất cao, đến mức mà trong một số lĩnh vực chủ chốt của nền kinh tế, sự tập trung kinh tế đó đã vượt ra khỏi khả năng kiểm soát của các cơ quan quản lý cạnh tranh. Yêu cầu duy trì và bảo vệ cạnh tranh dần nhường chỗ cho những mục tiêu khác quan trọng hơn, trước bối cảnh có quá nhiều thách thức to lớn. Quá trình toàn cầu hóa hiện nay đã đẩy các quốc gia hoặc các tập đoàn kinh tế lớn vào

cuộc đua tranh, trong lúc chờ đợi giai đoạn độc quyền hóa cuối cùng. Trong bối cảnh đó, cuộc chạy đua về mặt quy mô đương nhiên không thể tránh khỏi.

Toàn cầu hóa và cạnh tranh khốc liệt bao nhiêu, thì sự tập trung kinh tế giữa các doanh nghiệp sẽ phát triển bấy nhiêu. Đương nhiên, mọi doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế đều lý giải rằng sở dĩ họ phải tập trung kinh tế, đó là để thích ứng với môi trường cạnh tranh khốc liệt và qua đó sẽ góp phần làm cho cạnh tranh thêm thực chất. Nhưng nếu chúng ta chỉ đứng dưới góc độ cạnh tranh và nhìn nhận vấn đề xa hơn một chút, thì có thể khẳng định rằng cuộc chạy đua về quy mô đó chắc chắn sẽ dẫn tới chỗ hạn chế cạnh tranh. Thậm chí cũng không sai khi nói rằng cái đe dọa nhiều nhất đến cạnh tranh không phải là các thỏa thuận trong sản xuất, kinh doanh, mà chính là các hoạt động sáp nhập, hợp nhất, mua lại và các hình thức tập trung kinh tế khác.

Thế nhưng điều nghịch lý là trong số tất cả các hình thức xâm hại đến cạnh tranh, thì hoạt động tập trung kinh tế lại vẫn được các cơ quan quản lý cạnh tranh dễ dàng chấp nhận nhất.

Kiểm soát các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của các cơ quan quản lý cạnh tranh; các hành vi thỏa thuận vẫn tiếp tục bị kiểm soát chặt chẽ và ngày càng bị xử lý nghiêm khắc; các hoạt động trợ cấp của Nhà nước chỉ được phép thực hiện với điều kiện phải có những cam kết hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết để bảo đảm sự phát triển của các doanh nghiệp thụ hưởng và đồng thời bảo đảm quyền và lợi ích của đối thủ cạnh tranh của các doanh nghiệp đó. Ngược lại, hoạt động tập trung kinh tế thì vẫn được nhìn nhận và đánh giá một cách ưu ái, được điều chỉnh bởi những quy định pháp luật riêng biệt mà việc áp dụng thường mang tính hòa giải. Trong lĩnh vực kiểm soát tập trung kinh tế, rất hiếm có các quy định cấm, còn chế tài thì hầu như không tồn tại, ngay cả khi doanh nghiệp không thực hiện đúng

các cam kết của họ. Hoạt động tập trung kinh tế rất dễ được suy đoán là phù hợp với lợi ích chung, và cũng ít khi bị coi là xâm hại đến cạnh tranh.

Khi xem xét để cho phép thực hiện trợ cấp nhà nước, Ủy ban châu Âu đặt ra những yêu cầu hết sức cụ thể và tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu đó. Nhưng khi kiểm soát các hoạt động tập trung kinh tế, thì Ủy ban lại dễ dàng chấp nhận các lý lẽ và cam kết do doanh nghiệp đưa ra.

Thật không thỏa đáng khi có sự khác biệt lớn như vậy giữa các cơ chế kiểm soát trong chính sách bảo vệ cạnh tranh. Mọi cơ chế bảo vệ cạnh tranh đều có nguy cơ bị đe dọa một cách tổng thể nếu có những lỗ hổng ở chỗ này hay chỗ khác.

Nói như vậy không có nghĩa là phải chuyển hóa vào thủ tục kiểm soát tập trung kinh tế tất cả những yêu cầu và sự khắt khe của cơ chế kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh hay các hoạt động trợ cấp. Thậm chí, có lẽ nên có thái độ mềm dẻo hơn đối với một số hành vi của doanh nghiệp, và dành sự thông cảm nhiều hơn đối với một số loại trợ cấp của Nhà nước.

Mục tiêu cần đạt tới là tạo nên sự thống nhất cao hơn nữa trong sự đối xử pháp lý đối với các hình thức xâm hại đến điều kiện và quy luật hoạt động tự do và lành mạnh của các thị trường.

Điều này đòi hỏi các cơ quan quản lý cạnh tranh phải làm thế nào đó để các doanh nghiệp đưa ra những bảo đảm cao hơn về mục đích cũng như kết quả của các hoạt động tập trung kinh tế của họ. Bên cạnh đó cũng phải trao cho các cơ quan quản lý cạnh tranh nhiều quyền hạn hơn để có thể thực hiện việc *hậu kiểm* những lợi ích thực tế mà hoạt động tập trung kinh tế mang lại và xác định rõ những hậu quả của các hoạt động tập trung kinh tế không thành công.

Ngoài ra, trước những vấn đề mang tính quốc tế, chắc chắn cũng phải tìm ra những giải pháp quốc tế<sup>1</sup>.

---

1. Dominique BRAULT, *Pháp luật cạnh tranh so sánh: phát triển theo một trật tự cạnh tranh quốc tế?* Economica, 1995, tr.125 đến 130.

Nếu không làm được điều đó thì sẽ ngày càng xuất hiện nhiều hơn những doanh nghiệp chiếm vị trí "siêu thống lĩnh" và nhanh chóng dẫn tới chỗ hình thành các doanh nghiệp tư nhân độc quyền hoặc gần như độc quyền có khả năng nắm giữ những lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế thế giới.

Chắc hẳn Tổ chức Thương mại thế giới sẽ phải có nhiệm vụ nâng cao ý thức của các quốc gia về những hiểm họa nói trên, đồng thời thiết lập nên những cơ chế cho phép bảo đảm các điều kiện cần thiết để cạnh tranh phát huy sức mạnh của nó trên phạm vi thế giới với tư cách là một yếu tố thúc đẩy sự phát triển.

Xu hướng đáng lo ngại thứ ba mà chúng ta có thể nhận thấy, đó là sự liên kết không rõ ràng giữa người tiêu dùng và một số doanh nghiệp cung ứng sản phẩm dịch vụ cho họ, nhằm mục đích hạn chế cạnh tranh.

Người tiêu dùng ngày nay đã trở thành đồng minh khách quan của một số doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ, làm giảm thiểu đáng kể một số hình thức cạnh tranh bằng cách cải tiến công nghệ trong một số lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ mới hoặc thiết yếu.

Người tiêu dùng chính là những người đòi hỏi sản phẩm, dịch vụ phải có sự chuẩn hóa, khả năng tương thích, khả năng kết nối, khả năng thay thế hoặc khả năng liên kết với nhau. Những đòi hỏi đó xuất phát từ tốc độ phát triển nhanh chóng của kỹ thuật và công nghệ, từ sự gia tăng chi phí cho việc mua sắm vật dụng gia đình, hoặc đơn giản là từ nhu cầu tiện nghi và thuận tiện.

Dưới những góc độ đó, lợi ích của người tiêu dùng đã gặp gỡ lợi ích của những doanh nghiệp không muốn đầu tư quá nhiều vào hoạt động nghiên cứu và cũng không muốn bị cô lập hoặc loại bỏ về mặt công nghệ. Thật vậy, sẽ thật rủi ro và không tưởng nếu doanh nghiệp đơn phương cải cách công nghệ trong những lĩnh vực chiến lược, những lĩnh vực đòi hỏi đầu tư vô cùng lớn mà ở đó người tiêu dùng có xu hướng chờ đợi những

sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao hơn. Người ta gọi đó là triệu chứng của kẻ tiên phong cô đơn, giống như trong giải đua xe đạp vòng quanh nước Pháp vậy.

Những thách thức về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cũng như những thách thức về tài chính lớn đến mức doanh nghiệp rất ngần ngại chấp nhận rủi ro một mình hoặc đứng nhìn doanh nghiệp khác chấp nhận rủi ro. Do đó, doanh nghiệp sẵn sàng thỏa thuận với các đối thủ của họ để cùng áp dụng một tiêu chuẩn kỹ thuật chung.

Năm 1979, sau khi toát mồ hôi vì cuộc chiến tiêu chuẩn với JVC bốn năm trước đó trên thị trường đầu video, Sony và Philips đã thỏa thuận với nhau về việc áp dụng một tiêu chuẩn chung cho sản phẩm đĩa CD.

Đầu năm 1995, các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng lớn nhất trên thế giới đã thỏa thuận áp dụng một tiêu chuẩn duy nhất, gọi là tiêu chuẩn Toshiba-Time Warner, cho sản phẩm đĩa hình sẽ thay thế băng videocassette trong tương lai (DVD: digital video disc).

Cuối năm 1995, các doanh nghiệp sản xuất máy tính lớn của Hoa Kỳ, Nhật Bản và châu Âu đã đạt được thỏa thuận về việc sử dụng một hệ điều hành thống nhất, đó là hệ điều hành Unix.

Cũng vào cuối năm 1995, để các doanh nghiệp chế tạo phần mềm không bị buộc phải lựa chọn, để tránh cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn và bảo đảm sự phát triển của thị trường, Microsoft và Intel đã thỏa thuận với nhau về việc áp dụng một kiến trúc máy tính thống nhất.

Đầu năm 1996, 10 doanh nghiệp sản xuất linh kiện bán dẫn của Nhật Bản đã liên kết với nhau thành lập một công ty con chung để thiết kế bộ nhớ thế hệ 2000. Trong khi đó Kodak, Fuji và một số doanh nghiệp sản xuất máy ảnh lớn khác đã hợp tác với nhau để thực hiện một bước tiến mới về công nghệ phim và công nghệ máy ảnh.



Tháng 9-1996, sau chín tháng thương lượng, các doanh nghiệp sản xuất đĩa video kỹ thuật số (DVD-ROM và DVD-Video) đã đạt được thỏa thuận về việc xác định một tiêu chuẩn kỹ thuật chung.

Năm 2002, chín doanh nghiệp sản xuất đồ điện tử của Nhật Bản, Hàn Quốc và châu Âu đã cùng thiết lập một chuẩn kỹ thuật chung, chuẩn "Blu-ray" cho đĩa DVD.

Hai tiêu chuẩn điện thoại di động từng cạnh tranh với nhau để kế tục công nghệ GSM. Nhưng đến đầu năm 1998, các doanh nghiệp liên quan đã thỏa thuận phối hợp lại thành một tiêu chuẩn chung, gọi là UMTS.

Sự gặp gỡ giữa lợi ích của người tiêu dùng và lợi ích của các doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường ít người bán sẽ còn mạnh mẽ và phát triển nhanh chóng hơn nhiều so với những phản ứng của các quốc gia và các cơ quan quản lý cạnh tranh trong việc thiết lập những công cụ cần thiết để kiểm soát hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp lớn và các tập đoàn doanh nghiệp quốc tế.

Dành rằng đại đa số những thỏa thuận về tiêu chuẩn kỹ thuật đều là những thỏa thuận tích cực, trực tiếp mang lại lợi ích cho người tiêu dùng.

Tuy nhiên, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để lo ngại rằng phạm vi điều chỉnh thực tế của pháp luật cạnh tranh sẽ không bao quát được những sản phẩm và dịch vụ hiện đại và đắt đỏ dưới con mắt của người tiêu dùng, và có xu hướng tập trung quá nhiều vào những thị trường truyền thống, chỉ mang tính thứ cấp hoặc địa phương.

Một loạt các vụ việc được khiếu nại lên Hội đồng Cạnh tranh và được Hội đồng giải quyết chẳng phải đã cho chúng ta thấy rõ điều đó?

Dường như đã đến lúc cần phải xác định rõ hơn cho các thiết chế quản lý cạnh tranh đâu là những vấn đề lớn về cạnh tranh trong nền kinh tế hiện đại.

Trước hết là Hội đồng Cạnh tranh: ngày nay, Hội đồng đang đánh mất sự tập trung cần thiết, vì bị quá tải bởi quá nhiều vụ việc được khiếu nại và vì bị ràng buộc bởi những thủ tục tố tụng không phù hợp với việc thực thi chức năng của Hội đồng, chức năng của một cơ quan hành chính, như chính Ủy ban châu Âu đã khẳng định và chứng minh.

Từ chức năng ban đầu của một cơ quan quản lý cạnh tranh có vai trò tạo động lực cho nền kinh tế, Hội đồng Cạnh tranh đã dần tự biến mình thành một dạng tòa án chuyên biệt luôn quan tâm giải quyết các tranh chấp riêng giữa doanh nghiệp này với doanh nghiệp khác. Hội đồng Cạnh tranh đã nhiễm phải những đặc điểm tiêu biểu của cơ quan tư pháp - thủ tục kéo dài, quyết định ít có tính giáo dục - mà vẫn không đáp ứng được mong đợi của những người đã đẩy Hội đồng vào con đường này.

Không ai có thể hài lòng khi thấy rằng sau một quá trình hình thành và phát triển, Hội đồng Cạnh tranh lại rơi vào thế lẩn quẩn giữa hai quy chế: quy chế là cơ quan hành chính độc lập và quy chế của một cơ quan tài phán.

Điều chắc chắn là phải khắc phục sự mập mờ này để tăng cường sự đóng góp của thiết chế này vào việc phát huy các tiềm bộ kinh tế.

Liệu chúng ta có thể chấp nhận được rằng Hội đồng Cạnh tranh vẫn tiếp tục dành phần lớn thời gian và nguồn lực của mình để xem xét nguy cơ xâm hại đến cạnh tranh của việc tập trung kinh tế trên thị trường sản phẩm nấm ăn ở Paris, để giải quyết tranh chấp giữa năm doanh nghiệp sản xuất thùng đựng rượu vang ở Bourgogne trong khi tranh chấp này đã được khởi kiện ra trước tòa án, để xem xét vị trí thống lĩnh của một cửa hàng bán thịt ở thành phố Nice trên thị trường thịt dành cho người Do thái, để giải quyết đơn khiếu nại của một người lái taxi ở thành phố Cannes trong khi người này đã khởi kiện lên Tòa án về vụ tranh chấp với các đồng nghiệp, để chỉnh đốn đi

chỉnh đốn lại các thỏa thuận phản cạnh tranh của các đội xe cứu thương, hay để bảo vệ các quyền nhân thân của Josiane Balasko không?

Hay chúng ta cần phải đòi hỏi Hội đồng Cạnh tranh dành toàn bộ các phương tiện của mình cho những mục tiêu quan trọng nhất: dỡ bỏ những rào cản đối với việc tiếp cận các nguồn lực khan hiếm và thiết yếu; xử lý hiệu quả các hành vi thông đồng trong đấu thầu công trình hay mua sắm công; phát hiện và xử lý các thỏa thuận ngầm cản trở sự phát triển công nghệ; phối hợp với Ủy ban châu Âu để đấu tranh chống lại các hành vi phân chia thị trường; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động tập trung kinh tế khi mà việc chạy đua về quy mô có thể gây ra những hệ quả tiêu cực đối với cạnh tranh; sử dụng cơ chế của OECD để thuyết phục các cơ quan quản lý cạnh tranh của các nước khác cùng hành động như trên?

Nếu những vấn đề nêu trên thật sự là ưu tiên hàng đầu, thì nhất thiết phải có sự đổi mới. Đổi mới ở đây không phải là đổi mới các công cụ can thiệp của Nhà nước, bởi lẽ các công cụ đó vốn đã rất phù hợp, mà là đổi mới phương thức sử dụng các công cụ đó.

Như vậy, việc cần làm là phải đảo ngược lại xu hướng hiện nay, tức là xu hướng tài phán hóa cơ quan quản lý cạnh tranh, và bảo đảm để các hình thức can thiệp của Hội đồng Cạnh tranh thực sự phù hợp với quy chế của một cơ quan hành chính độc lập.

Đây là một yêu cầu tất yếu. Yêu cầu đó xuất phát từ chính những ưu điểm và nhược điểm của cơ chế bảo vệ và phát huy cạnh tranh của Pháp.

Cơ chế bảo vệ cạnh tranh của Pháp có hai ưu điểm lớn, nhưng hai ưu điểm đó đã dần bị hạn chế bởi các văn bản quy phạm pháp luật và bởi việc áp dụng chúng trong thực tiễn. Ưu điểm thứ nhất là cơ chế hậu kiểm chỉ được áp dụng đối với các

hành vi lạm dụng. Ưu điểm thứ hai là đã có sự tách biệt cần thiết về vai trò, nhiệm vụ của các thiết chế có chức năng quản lý và bảo vệ cạnh tranh.

Có lẽ nét đặc trưng nhất và đáng chú ý nhất của cơ chế bảo vệ cạnh tranh của Pháp, đó là cơ chế đó mang tính kinh tế nhiều hơn là pháp lý, gắn với thực tiễn nhiều hơn là lý luận.

Luật về cạnh tranh được quy định ngắn gọn và mang tính tổng hợp chứ không đi vào xây dựng những quy phạm chi tiết. Các văn bản luật và dưới luật hầu như không có sự phân biệt hay phân loại các hành vi phản cạnh tranh về mặt bản chất và các hành vi phản cạnh tranh không mang tính bản chất. Xu hướng né tránh mọi sự xếp loại là rất rõ nét. Mãi về sau này, tại Điều 10, Pháp lệnh năm 1986 mới quy định về việc cho hưởng miễn trừ theo loại đối với một số loại thỏa thuận phản cạnh tranh. Nhưng điều đáng lưu ý là quy định đó chỉ được áp dụng cho lĩnh vực nông nghiệp, một lĩnh vực mà dù sao đi chăng nữa cũng không phải chịu nhiều ràng buộc về cạnh tranh. Ngoài ra, khác với pháp luật của Liên minh châu Âu, pháp luật Pháp không quy định phương thức suy đoán theo luật, theo đó một số hành vi hoặc một số hoạt động tập trung kinh tế chỉ bị coi là trái với pháp luật về cạnh tranh nếu vượt quá một số ngưỡng mang tính định lượng.

Nói tóm lại, không giống như pháp luật của Liên minh châu Âu, pháp luật cạnh tranh của Pháp rõ ràng phủ nhận nhu cầu an toàn pháp lý. Để bảo đảm được an toàn pháp lý cho doanh nghiệp, thì cần phải quy định nhiều thủ tục và phải có sự can thiệp mang tính chủ quan từ phía cơ quan nhà nước. An toàn pháp lý rất khó được bảo đảm một cách thực chất, bởi vì không thể tránh khỏi tính chủ quan trong cách đánh giá các hành vi phản cạnh tranh, và bởi vì mỗi vụ việc được xem xét lại có những đặc điểm riêng. Vì vậy cho nên nhà lập pháp đã để cho doanh nghiệp được tự do giao kết các thỏa thuận và chịu cơ chế hậu kiểm, thay vì phải tuân thủ theo cơ chế xin phép (tiền

kiểm). Với cơ chế hậu kiểm, tính an toàn pháp lý thấp hơn bởi vì doanh nghiệp có thể bị buộc phải từ bỏ thực hiện thỏa thuận đã giao kết, hoặc bị áp dụng chế tài nếu họ làm sai.

Nhà lập pháp của Pháp cũng ưu tiên giải pháp để Hội đồng Cạnh tranh được quyền chủ động thụ lý hoặc thụ lý theo đơn khiếu nại đối với các vụ việc đặt ra những vấn đề quan trọng nhất về cạnh tranh, thay vì phải thực hiện thủ tục xem xét, cấp phép vốn chỉ nhằm mục đích bảo đảm rằng các hành vi mà doanh nghiệp xin phép thực hiện là hợp pháp.

Đây là một cơ chế mà trong đó vai trò quản lý của Nhà nước được hạn chế đến mức tối đa có thể. Sở dĩ như vậy là bởi vì theo quan niệm của Pháp, cạnh tranh là một công cụ chứ không phải là một giá trị nền tảng. Người ta bảo vệ cạnh tranh không phải là vì cạnh tranh; cạnh tranh chỉ là một công cụ trong số nhiều công cụ khác được sử dụng để phát huy tiến bộ và hiệu quả kinh tế.

Quan điểm đó cũng giải thích vì sao ngay từ những năm 1950, nước Pháp đã xây dựng phương pháp đánh giá tác động kinh tế của hành vi để làm cơ sở xử lý hành vi đó. Phương pháp này đã được lồng ghép vào logic của Khoản 1 và Khoản 3, Điều 81, Hiệp ước Rome.

Quan điểm đó cũng chính là lý do giải thích vì sao Hội đồng Cạnh tranh của Pháp hầu như không bao giờ ban hành quyết định miễn trừ đối với các hành vi phản cạnh tranh, mặc dù xét dưới góc độ pháp lý thì cơ chế của Pháp thông thoáng hơn so với cơ chế của Liên minh châu Âu hay của Đức. Các thỏa thuận phản cạnh tranh được phép thực hiện ở Pháp cũng nhiều như ở Đức; nhưng cái khác là ở chỗ: ở Pháp cơ quan quản lý cạnh tranh không cần ra quyết định để cho phép, còn ở Đức thì việc cho phép được thể hiện bằng quyết định cụ thể của cơ quan quản lý nhà nước.

Cơ quan Điều tiết cạnh tranh chỉ can thiệp vào quy luật cung cầu tự do trong trường hợp cần thiết, tức là khi và chỉ khi quy luật cung cầu đó không tự điều chỉnh được thị trường.

Nhà nước chỉ can thiệp vào sự vận hành tự do của thị trường trong trường hợp việc can thiệp đó là cần thiết. Đây là một quan điểm hiện đại.

Điều đó xác đáng đến mức mà Ủy ban châu Âu đã sử dụng đến cụm từ "hiện đại hóa" để đặt tên cho chương trình cải cách do ủy ban tiến hành trên cơ sở tham khảo cơ chế miễn trừ theo luật đối với các thỏa thuận phản cạnh tranh trong pháp luật Pháp.

Sở dĩ nói đó là một quan điểm hiện đại là bởi vì nó xuất phát từ một nguyên tắc của chủ nghĩa kinh tế tự do, theo đó mỗi người phải tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình trong một xã hội tự do. Điều làm cho doanh nghiệp có trách nhiệm hơn chắc chắn không phải là việc bắt họ phải thông báo trước về các thỏa thuận mà họ có ý định ký kết để xin cấp giấy phép. Cách tốt nhất để nâng cao trách nhiệm, đó là để cho doanh nghiệp tự do giao kết thỏa thuận, nhưng họ phải tự phòng ngừa những chệch tài của cơ chế hậu kiểm bằng cách bảo đảm làm sao để thỏa thuận mà họ ký kết luôn có tác động tích cực về mặt kinh tế.

Lý do cuối cùng cho phép khẳng định tính hiện đại trong cách tiếp cận của Pháp đối với các hành vi xâm hại cạnh tranh, đó là cách tiếp cận đó được xây dựng trên cơ sở một nguyên tắc chung về kiểm soát các hành vi vi phạm pháp luật; nó cho phép tập trung vào những vấn đề quan trọng nhất của thị trường, huy động các nguồn lực vốn còn hạn chế của cơ quan quản lý cạnh tranh để giải quyết những vấn đề cạnh tranh cần ưu tiên.

Đáng tiếc là thực tiễn áp dụng pháp luật ở Pháp lại không thể hiện được quan điểm tiên bộ đó: thay vì phải can thiệp một cách có chọn lọc thì các cơ quan quản lý cạnh tranh của Pháp lại đi theo một hướng khác về mặt thủ tục.

Thực tiễn ở Pháp vẫn chưa có sự lựa chọn rõ ràng giữa hai quan điểm liên quan đến quy chế của Hội đồng Cạnh tranh: Hội đồng Cạnh tranh có phải là một cơ quan hành chính có nhiệm vụ tham gia quản lý nền kinh tế hay không? Nếu đúng như vậy,

thì phải chăng Hội đồng cần phải mềm dẻo trong việc chọn lọc các vụ việc cạnh tranh để xử lý cho phù hợp với những mục tiêu xác định trước? Hay Hội đồng Cạnh tranh là một cơ quan tài phán có nghĩa vụ phải giải quyết mọi vụ việc cạnh tranh được khiếu nại một cách hợp lệ, ngay cả khi vụ việc đó không mấy liên quan đến lợi ích chung?

Thiết nghĩ Hội đồng Bảo hiến cần phải giải quyết dứt điểm vấn đề này theo hướng thứ nhất để chấm dứt sự mập mờ và những tranh cãi về quy chế pháp lý của Hội đồng Cạnh tranh.

Sự mập mờ đó đã bị trầm trọng hóa vào năm 1986, khi nhà lập pháp ban hành quy định cho phép các doanh nghiệp được phép khiếu nại lên Hội đồng Cạnh tranh, làm như thể doanh nghiệp cũng phải chia sẻ với Nhà nước nhiệm vụ bảo đảm trật tự công về kinh tế, duy trì hoặc phát huy cạnh tranh trên thị trường nơi họ đang hoạt động.

Nếu so sánh với những vụ việc lớn đã được Hội đồng Cạnh tranh xử lý trước đây, có thể thấy rằng rất nhiều vụ việc do doanh nghiệp khiếu nại chỉ là những vụ việc lật vật. Hội đồng Cạnh tranh buộc phải dành thời gian để xử lý những khiếu nại loại này và phải xem xét giải quyết tất cả những trường hợp khiếu nại đủ điều kiện thụ lý, trong khi lẽ ra Hội đồng Cạnh tranh phải được phép lựa chọn và chỉ giải quyết những vụ việc nào có ảnh hưởng đáng kể đối với nền kinh tế và có ý nghĩa quan trọng đối với án lệ.

Pháp luật của Liên minh châu Âu cho phép Ủy ban từ chối thụ lý những đơn khiếu nại không có ảnh hưởng đáng kể đến lợi ích của Cộng đồng châu Âu và không được coi là ưu tiên. Điều 6, Quy chế số 99-63 ngày 25-7-1963 đã cho phép ủy ban làm như vậy, với điều kiện phải nêu rõ lý do từ chối và tạo điều kiện để bên khiếu nại được bày tỏ ý kiến.

Đương nhiên, Điều L.464-6 Bộ luật Thương mại Pháp (Điều 20 Pháp lệnh năm 1986) cũng có quy định tương tự, nhưng chỉ áp dụng đối với những vụ việc đã được thụ lý một cách quá dễ

dãi và việc thẩm định đã được thực hiện đến một mức độ nào đó, mà thường là sau nhiều năm. Việc lựa chọn vụ việc để giải quyết cần phải được thực hiện ngay từ ban đầu, vào thời điểm thụ lý, thì mới phù hợp.

Vai trò của Hội đồng Cạnh tranh đối với nền kinh tế cũng như đối với việc bảo vệ và phát huy cạnh tranh là rất quan trọng. Nhưng vai trò đó sẽ còn được tăng cường hơn nếu như Hội đồng được phép gạt bỏ bớt những vụ việc ít nghiêm trọng, vốn đang làm cho Hội đồng bị quá tải và có thể còn bị tê liệt.

Luật ngày 15-5-2001 đã bước đầu đưa ra một số quy định mới theo hướng giảm nhẹ thủ tục tố tụng cạnh tranh, nhưng lại không có quy định mới nào liên quan đến giai đoạn xem xét thụ lý vụ việc cạnh tranh.

Đó là việc cần thiết phải làm khi mà nhiệm vụ của Hội đồng Cạnh tranh trở nên nặng nề hơn, nhất là trong lĩnh vực kiểm soát tập trung kinh tế.

Ưu điểm thứ hai của cơ chế bảo vệ cạnh tranh của Pháp, đó là ngay từ Pháp lệnh ngày 1-12-1986 đã có sự phân định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan có thẩm quyền thực thi pháp luật cạnh tranh.

Sự phân định khó khăn đó đã được thực hiện tương đối thành công trên văn bản.

Hội đồng Cạnh tranh có nhiệm vụ ngăn chặn, điều chỉnh, xử lý mọi hành vi phản cạnh tranh một khi hành vi đó gây ảnh hưởng đến sự vận hành của một thị trường liên quan.

Các hành vi hạn chế cạnh tranh thuộc thẩm quyền xử lý của tòa án. Điều đó không có nghĩa là tòa án không có thẩm quyền đối với các hành vi phản cạnh tranh, nhưng quyền hạn của tòa án trong lĩnh vực này có một số hạn chế: tòa án chỉ có quyền tuyên vô hiệu đối với các hợp đồng, giao dịch hoặc giải quyết yêu cầu bồi thường cho những thiệt hại mà hành vi phản cạnh tranh gây ra, chứ không có quyền buộc phải chấm dứt hành vi phản



cạnh tranh hoặc áp dụng các hình thức chế tài đặc biệt như Hội đồng Cạnh tranh.

Việc kiểm soát tập trung kinh tế là nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Kinh tế. Trong lĩnh vực này, Hội đồng Cạnh tranh chỉ có vai trò tư vấn. Tuy nhiên, trong trường hợp hoạt động tập trung kinh tế được thực hiện dưới hình thức một thỏa thuận theo quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh hoặc có thể được định danh là một hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thì Hội đồng Cạnh tranh hoàn toàn có quyền xử lý các hoạt động đó với đầy đủ thẩm quyền của mình.

Trên đây là ý tưởng của nhà làm luật, nhưng thực tiễn lại cũng có những khác biệt so với quy định trên văn bản: sự cân bằng giữa vai trò của Hội đồng Cạnh tranh và vai trò của tòa án cũng như sự bổ sung lẫn nhau giữa hai thiết chế này đang có xu hướng mai một dần.

Sự đóng góp của tòa án vào việc thực thi các quy định về kiểm soát hành vi phản cạnh tranh ngày càng bị hạn chế; Hội đồng Cạnh tranh làm cho xu hướng phát triển này thêm rõ nét bằng cách dẫm chân vào lĩnh vực vốn thuộc thẩm quyền của tòa án, còn Bộ trưởng Bộ Kinh tế thì lại lấn sân sang lĩnh vực thẩm quyền của Hội đồng Cạnh tranh.

Vai trò của tòa án trong việc áp dụng các quy định về kiểm soát hành vi phản cạnh tranh ngày càng bị giới hạn.

Các hành vi phản cạnh tranh hầu như không còn bị xử lý hình sự, mặc dù Pháp lệnh năm 1986 quy định rõ khả năng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân tham gia trực tiếp và tích cực vào hành vi phản cạnh tranh.

Hội đồng Cạnh tranh gần như không bao giờ đưa những vụ việc mà Hội đồng đã giải quyết ra trước tòa án hình sự, mặc dù một số vụ việc lẽ ra phải bị xử lý tiếp về mặt hình sự.

Khác với thực tiễn ở Hoa Kỳ, các hành vi phản cạnh tranh ở Pháp hầu như không bao giờ bị khởi kiện ra trước tòa án dân sự.

Tòa án cũng rất ít khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Cạnh tranh.

Xu hướng theo đó tòa án ngày càng ít áp dụng pháp luật cạnh tranh là một xu hướng đáng tiếc. Xu hướng đó càng thêm trầm trọng trước một thực tế khác, đó là Hội đồng Cạnh tranh ngày càng lấn sâu sang lĩnh vực thẩm quyền của tòa án.

Pháp luật quy định rằng các hành vi hạn chế cạnh tranh thuộc thẩm quyền tuyệt đối của tòa án. Thế nhưng trong thực tiễn, Hội đồng Cạnh tranh đã thành công trong việc đưa những hành vi đó vào phạm vi thẩm quyền của mình.

Tương tự như cách làm của Ủy ban châu Âu trong mối quan hệ với Tòa án Công lý của Liên minh châu Âu, Hội đồng Cạnh tranh sẽ thụ lý để xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh nếu như hành vi đó được thực hiện thông qua một thỏa thuận hoặc sự phối hợp cùng hành động giữa các doanh nghiệp, trong khi khái niệm "phối hợp cùng hành động" lại luôn được giải thích theo nghĩa rộng.

Bằng cách này, Hội đồng Cạnh tranh đã thành công trong việc đưa một phần đáng kể nhiệm vụ kiểm soát các hành vi hạn chế cạnh tranh vào phạm vi thẩm quyền của mình.

Về phần mình, Bộ trưởng Bộ Kinh tế có xu hướng lấn sâu sang phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Cạnh tranh trong việc kiểm soát các hoạt động tập trung kinh tế và thậm chí là cả trong việc kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh.

Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận thương mại đã tự tạo cho mình thói quen không tham khảo ý kiến của Hội đồng Cạnh tranh khi Tổng cục xem xét cho phép thực hiện các dự án tập trung kinh tế.

Tổng cục thậm chí còn không thực hiện nghĩa vụ luật định của mình, đó là nghĩa vụ tham khảo ý kiến Hội đồng Cạnh tranh trước khi áp dụng bất kỳ biện pháp cưỡng chế nào. Đôi khi, Tổng cục không tham khảo ý kiến của Hội đồng mà chỉ căn cứ vào những nguyên tắc giải quyết do Hội đồng đặt ra trong các

vụ việc tương tự trước đó để thương lượng với doanh nghiệp về một giải pháp nào đó.

Các cơ quan chức năng trực thuộc Bộ Kinh tế dường như đã từng bước không sử dụng đến sự hỗ trợ của Hội đồng Cạnh tranh và chỉ tham khảo ý kiến của Hội đồng trong những trường hợp cần phải dựa vào Hội đồng để ngăn chặn hoặc sửa đổi một dự án tập trung kinh tế.

Cuộc cải cách năm 2001 về thủ tục kiểm soát tập trung kinh tế đã không thay đổi cơ bản thực trạng này.

Bộ trưởng Bộ Kinh tế đôi khi cũng lấn sang lĩnh vực thẩm quyền tuyệt đối của Hội đồng Cạnh tranh, đó là lĩnh vực kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh. Hội đồng Cạnh tranh đã từng thụ lý một vụ việc liên quan đến hành vi phân chia thị trường rập chiếu phim, nhưng sau đó lại để vụ việc này cho Bộ trưởng Bộ Kinh tế xử lý trong khuôn khổ thủ tục kiểm soát tập trung kinh tế. Trước đó, Hội đồng cho rằng vụ việc này vừa có dấu hiệu của hành vi phản cạnh tranh, vừa có dấu hiệu của hành vi tập trung kinh tế, và do vậy các quy định về hành vi phản cạnh tranh và các quy định về tập trung kinh tế đều có thể được áp dụng. Tuy nhiên, khi để vụ việc cho Bộ trưởng Bộ Kinh tế xử lý, Hội đồng Cạnh tranh đã chấp nhận dành ưu tiên cho một trong hai cách định danh hành vi và coi hai cách định danh này là loại trừ lẫn nhau. Với cách tiếp cận đó, Hội đồng Cạnh tranh đã thoái thác thực hiện quyền hạn của mình đối với vụ việc này. Đây là điều đáng tiếc, bởi vì Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận thương mại rất hay viện dẫn tiền lệ nếu như tiền lệ đó được Tòa án Phúc thẩm Paris chấp nhận.

Sự tách bạch về vai trò và thẩm quyền giữa các thiết chế thực thi pháp luật cạnh tranh không chỉ bị ảnh hưởng bởi cách áp dụng pháp luật trong thực tiễn, mà còn bị ảnh hưởng bởi chính những sửa đổi, bổ sung do nhà làm luật ban hành. Đây là một hệ quả trực tiếp của việc tái thiết lập các chế tài hình sự trong lĩnh vực cạnh tranh.

Một trong những mục tiêu quan trọng của Pháp lệnh ngày 1-12-1986 là phi hình sự hóa pháp luật cạnh tranh. Kể từ thời điểm đó, việc xử lý hình sự chỉ được áp dụng đối với những cá nhân có thủ đoạn gian dối, tham gia trực tiếp và mang tính quyết định vào việc thiết kế, tổ chức hoặc thực hiện hành vi phản cạnh tranh.

Tuy nhiên, sau một thời gian, xu hướng xử lý hình sự đã lại tái xuất hiện trong lĩnh vực kiểm soát hành vi phản cạnh tranh.

Điều 52-1 mới (được bổ sung năm 1992 vào Pháp lệnh năm 1986, nay là Điều L.443-2 Bộ luật Thương mại) quy định: người nào tung ra thị trường những thông tin chào hàng nhằm mục đích làm rối loạn giá cả hoặc sử dụng các thủ đoạn lừa dối nhằm làm cho giá hàng hóa, dịch vụ tăng hoặc giảm một cách giả tạo thì có thể bị phạt tù đến hai năm, kèm theo phạt tiền. Đối tượng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm này có thể là cá nhân hoặc pháp nhân.

Nếu chúng ta coi thỏa thuận phản cạnh tranh là một "thủ đoạn lừa dối" nhằm tăng hoặc giảm giá một cách giả tạo, thì quy định trên đây có thể dẫn tới chỗ tái hình sự hóa pháp luật cạnh tranh và tái phát huy việc áp dụng Điều 412 cũ của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, hệ thống bảo vệ cạnh tranh của Pháp sẽ bị mất đi những yếu tố đã làm nên ưu điểm của nó.

Đương nhiên, không có gì là bất thường khi xuất hiện nhu cầu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật sau một thời gian áp dụng chúng. Tuy nhiên, đó phải là những sửa đổi, bổ sung có chủ định và bảo đảm được tính thống nhất. Những xu hướng trái ngược nhau nêu trên thật khó có thể coi là có chủ định và thống nhất.

Có lẽ đã đến lúc cần phải xem xét lại vấn đề để có những điều chỉnh về mặt pháp luật cho kịp thời, cụ thể là phải quy định cơ chế cho phép Hội đồng Cạnh tranh được quyền hành động một cách có chọn lọc với tư cách là một cơ quan hành chính, tái

lập lại sự phân định rõ ràng về thẩm quyền giữa các cơ quan có trách nhiệm bảo vệ cạnh tranh.

Yêu cầu trên có thể được bảo đảm bằng cách cho phép Hội đồng Cạnh tranh được lựa chọn các vụ việc cần xem xét giải quyết, sửa đổi thủ tục tố tụng để xử lý nhanh chóng các vụ việc được lựa chọn, xây dựng cách tiếp cận dựa trên mục đích giáo dục hơn là trừng phạt, giảm thiểu những khác biệt giữa hai chế độ pháp lý áp dụng đối với các hành vi phản cạnh tranh và với các hoạt động tập trung kinh tế, chuyên môn hóa các tòa án bởi vì dấu sao thì các tòa án trong nước cũng phải áp dụng pháp luật cạnh tranh của Liên minh châu Âu nhiều hơn.

Ủy ban châu Âu đã có rất nhiều sáng kiến nhằm tập trung mọi nỗ lực vào việc giải quyết những vụ việc quan trọng nhất có liên quan đến lợi ích của Cộng đồng châu Âu: Ủy ban ban hành các quyết định miễn trừ theo loại, ra thông cáo về những loại thỏa thuận được coi là không quan trọng, mở rộng từng bước ngoại lệ đó trong phạm vi can thiệp của mình, yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên tham gia tích cực hơn vào công tác thực thi pháp luật cạnh tranh của Liên minh châu Âu, chuyển một số vụ việc cho các cơ quan quốc gia theo nguyên tắc hỗ trợ để các cơ quan này áp dụng pháp luật quốc gia đối với các vụ việc đó, và phát triển quan hệ hợp tác giữa Ủy ban với các cơ quan quản lý cạnh tranh quốc gia.

Dĩ nhiên chúng ta có thể lấy làm tiếc vì Ủy ban châu Âu đã phải mất rất nhiều cố gắng từ nhiều thập kỷ qua để khắc phục vấn đề quá tải do những quy định của Quy chế số 17 gây ra. Mặc dù vậy, ít nhất thì Ủy ban châu Âu cũng đã có dũng cảm đề xuất một cuộc cải cách sâu rộng và đã triển khai sự cải cách đó đạt nhiều kết quả.

Còn ở Pháp các cơ quan quản lý cạnh tranh và Nghị viện đều không có được nhận thức đó, và cũng không nỗ lực tìm kiếm giải pháp giống như Ủy ban châu Âu.

Thậm chí nhà lập pháp còn làm cho Hội đồng Cạnh tranh bị

quá tải thêm, với việc quy định cho Hội đồng một số thẩm quyền mới, ví dụ như thẩm quyền kiểm soát hành vi áp dụng mức giá quá thấp. Bản thân Hội đồng Cạnh tranh cũng tích cực góp phần vào việc mở rộng phạm vi thẩm quyền và qua đó tạo thêm gánh nặng cho chính mình, đặc biệt là thông qua việc áp dụng cách giải thích theo nghĩa rộng đối với các khái niệm "thỏa thuận ý chí", "thỏa thuận theo chiều dọc" và cách giải thích theo nghĩa hẹp đối với khái niệm "ngưỡng đáng kể". Hội đồng Cạnh tranh đã thành công trong việc mở rộng thẩm quyền của mình sang các hoạt động dịch vụ công, vốn thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hành chính.

Cho phép Hội đồng Cạnh tranh được quyền lựa chọn các vụ việc cạnh tranh để xử lý rõ ràng đã trở thành một yêu cầu mang tính cấp bách.

Thoạt nhìn thì đề xuất này có thể làm cho nhiều người ngạc nhiên, đặc biệt là những người chưa bao giờ chấp nhận quan điểm theo đó Hội đồng Cạnh tranh là một cơ quan hành chính, cho dù đây là quan điểm đã được cả Nghị viện lẫn Hội đồng Bảo hiến thừa nhận.

Đề xuất trên cũng không khỏi gây ngạc nhiên cho những ai có suy nghĩ cho rằng cần phải chuyển hóa nguyên tắc truy cứu trách nhiệm hình sự vào một ngành luật kinh tế, cho dù ngành luật này cần được tiếp cận nhiều hơn dưới góc độ hành chính.

Không ít người sẵn sàng chấp nhận rằng Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận thương mại cũng như Ủy ban châu Âu không nhất thiết phải giải quyết tất cả các trường hợp khiếu nại, rằng Tòa án Hành chính tối cao và Tòa án Tư pháp tối cao đều có thể ra bản án từ chối thụ lý một số trường hợp khởi kiện và không cần nêu rõ lý do, nhưng vẫn được coi là không vi phạm quy định tại Điều 6, Công ước của Liên minh châu Âu về quyền con người. Thế nhưng, cũng những người đó lại không sẵn sàng phản đối việc dành cho mọi doanh nghiệp quyền được khiếu nại quá dễ dàng lên Hội đồng Cạnh tranh,

mặc dù đây là một cơ quan hành chính.

Hội đồng Cạnh tranh có rất ít tự do trong việc giải quyết khiếu nại hay trong việc đơn giản hóa thủ tục tố tụng vốn quá nhiều ràng buộc.

Hội đồng Cạnh tranh chỉ có quyền từ chối thụ lý khiếu nại nếu như hành vi bị khiếu nại không đủ điều kiện để áp dụng các quy định về kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh, do tính chất của hành vi đó hoặc do thiếu chứng cứ.

Như vậy, Hội đồng Cạnh tranh gần như có nghĩa vụ phải giải quyết mọi trường hợp khiếu nại, mặc dù rất nhiều vụ việc không hề có ý nghĩa giáo dục về những gì pháp luật cho phép hoặc ngăn cấm. Chỉ cần đọc *Bản tin chính thức về cạnh tranh* thì cũng đủ thấy Hội đồng Cạnh tranh phải dành biết bao thời gian và nguồn lực để xử lý những vụ việc như vậy: một số vụ việc mang tính lặp đi lặp lại; một số khác do Tổng cục Cạnh tranh đưa lên chỉ với mục đích làm đẹp báo cáo tổng kết; một số khác nữa thực chất chỉ là những tranh chấp vặt vặt giữa doanh nghiệp này với doanh nghiệp khác. Tất cả những vụ việc đó chẳng có mấy liên hệ với lợi ích công hay với sự vận hành của thị trường. Đó là chưa kể nhiều khi doanh nghiệp chỉ sử dụng việc khiếu nại để gây sức ép buộc doanh nghiệp khác phải thương lượng với họ, hoặc để có được những thông tin mà họ không được quyền tiếp cận nếu khởi kiện dân sự.

Hội đồng Cạnh tranh phải giải quyết tất cả những vụ việc đó, dù số lượng là bao nhiêu, dù là việc lớn hay nhỏ, dù đáng quan tâm hay không đáng quan tâm. Hội đồng Cạnh tranh không được quyền xác định cái gì là cần thiết, cái gì không, cũng không thực sự có quyền thể hiện một chính sách riêng. Cái mà Hội đồng nhận được nhiều nhất, đó là những lời chỉ trích vì thủ tục tố tụng kéo dài.

Đối với mọi trường hợp khiếu nại, Hội đồng Cạnh tranh phải ra quyết định thụ lý hoặc không thụ lý trong vòng một tháng kể từ khi tiếp nhận đơn.

Luật cần phải quy định thêm một số căn cứ mới để Hội đồng Cạnh tranh có thể dựa vào đó mà từ chối thụ lý. Luật có thể tạo điều kiện thuận lợi cho Hội đồng Cạnh tranh trong việc ra các quyết định không thụ lý hoặc đình chỉ giải quyết vụ việc, ngay cả khi việc thẩm định hồ sơ đã được bắt đầu, bằng cách quy định khái niệm ngưỡng đáng kể đối với các hành vi phản cạnh tranh. Điều L.464-6-1 Bộ luật Thương mại có thể được coi là bước đi đầu tiên theo hướng này.

Luật cũng có thể quy định rằng Hội đồng Cạnh tranh không nhất thiết phải nêu rõ lý do cho các quyết định của mình, tương tự như Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận thương mại khi cơ quan này thực hiện thẩm quyền điều tra theo khiếu nại của doanh nghiệp. Các quyết định không nêu rõ căn cứ của Hội đồng Cạnh tranh không thể bị kháng cáo nếu như bên khiếu nại có thể đưa vụ việc ra một cơ quan khác để yêu cầu giải quyết.

Hiện nay đang tồn tại một thực trạng là doanh nghiệp ít khi khởi kiện về những tranh chấp của họ trong lĩnh vực cạnh tranh, trong khi tòa án hoàn toàn có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp đó<sup>2</sup>. Thủ tục trung gian tư pháp theo quy định tại Luật ngày 8-2-1995<sup>3</sup> cũng là một giải pháp giải quyết tranh chấp rất nhanh gọn, bởi vì bên trung gian chỉ có thời hạn ba tháng để cùng các bên tìm ra giải pháp hòa giải. Ngoài ra, đây còn là một thủ tục rất ít tốn kém.

Một khi không bị quá tải, Hội đồng Cạnh tranh sẽ có thể giải quyết từng vụ việc một cách nhanh chóng và chính xác hơn.

Không cần phải chờ đợi nhà lập pháp tạo điều kiện, Hội đồng Cạnh tranh hoàn toàn có thể thắt chặt các tiêu chí thụ lý và can thiệp một cách có lựa chọn hơn tùy theo mức độ nguy hại của hành vi khiếu nại đối với cạnh tranh.

2. Xem mục 1095 và các mục tiếp theo.

3. Nghị định hướng dẫn thi hành luật này được ban hành ngày 22-7-1996.



Những mục tiêu đó giờ đây cần phải được quan tâm nhiều hơn, bởi vì luật ngày 15-5-2001 đã có một số sửa đổi làm cho thủ tục tố tụng trước Hội đồng Cạnh tranh phù hợp hơn với yêu cầu xử lý nhanh chóng vụ việc cạnh tranh.

Chúng ta còn có thể đi xa hơn nữa giống như trong pháp luật của Liên minh châu Âu, bằng cách giảm bớt những bảo đảm về tranh tụng để đổi lấy khả năng thương lượng và đàm phán giữa doanh nghiệp và cán bộ thẩm định hồ sơ.

Nếu đặt mục đích trấn áp lên hàng đầu như hiện nay, thì bắt buộc phải tăng cường bảo đảm quyền bào chữa của doanh nghiệp, làm cho thủ tục tố tụng thêm phức tạp hóa. Đây chính là trở ngại cần phải gỡ bỏ. Hoàn toàn có thể và cần thiết phải quy định một thời hạn chung cho toàn bộ thủ tục giải quyết vụ việc cạnh tranh, đồng thời giảm bớt những ràng buộc liên quan đến tính tranh tụng của thủ tục, nếu như Hội đồng Cạnh tranh giảm bớt cách tiếp cận lúc nào cũng mang tính trấn áp như hiện nay.

Ủy ban châu Âu thường áp dụng các mức phạt tiền cao hơn rất nhiều so với Hội đồng Cạnh tranh, nhưng cũng ít ra quyết định phạt tiền hơn so với Hội đồng Cạnh tranh. Kết quả là Ủy ban có ảnh hưởng lớn hơn đối với sự phát triển của các hoạt động cạnh tranh trên thị trường.

Mặc dù việc phạt tiền là bảo đảm tốt nhất cho hiệu lực của các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh và làm cho tác động giáo dục của các quyết định đó cao hơn, nhưng cũng phải thừa nhận rằng chế tài phạt tiền không phải lúc nào cũng phù hợp để chấn chỉnh những hành vi vi phạm trong tương lai.

Chế tài phạt tiền thậm chí còn không có tác dụng hoặc bất công nếu như nó được đem ra áp dụng đối với những hành vi không còn diễn ra vào thời điểm xử phạt, đặc biệt là trong trường hợp doanh nghiệp đã không cố tình vi phạm pháp luật.

Như vậy, có thể thấy rằng cần phải ưu tiên sử dụng biện pháp buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm hoặc buộc phải thực

hiện một nghĩa vụ nào đó. Lâu nay, biện pháp này quá ít khi được sử dụng vì phải nhường chỗ cho biện pháp phạt tiền.

Hội đồng Cạnh tranh có thể mất đi ít nhiều thẩm quyền xử phạt, nhưng bù vào đó, hoạt động của Hội đồng này sẽ có ý nghĩa giáo dục nhiều hơn.

Về vấn đề này, thực trạng hiện nay có nhiều thứ cần được cải thiện. Các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh thường quá dài và rất khó hiểu. Dường như phần lớn các quyết định đều được trích từ báo cáo điều tra. Phần căn cứ của quyết định thường không chứa bất kỳ thông điệp nào. Quyết định của Hội đồng Cạnh tranh cũng không được ban hành kèm các bản thông cáo giống như cách làm của Ủy ban châu Âu.

Trong khi đó mọi quyết định của Hội đồng Cạnh tranh lẽ ra cần phải có thêm những thông tin hữu ích khác dành cho giới doanh nghiệp nói chung, chứ không chỉ cho các doanh nghiệp liên quan đến vụ việc. Đó là những thông tin giúp cho doanh nghiệp biết rõ những hành vi nào là phù hợp, hành vi nào là không phù hợp với pháp luật cạnh tranh ở từng giai đoạn cụ thể.

Còn một lợi ích khác mà Hội đồng Cạnh tranh có thể thu được nếu Hội đồng giảm bớt cách tiếp cận chỉ dựa trên chế tài.

Hiện nay, vai trò của Hội đồng Cạnh tranh trong việc kiểm soát các hoạt động tập trung kinh tế là rất hạn chế, mặc dù đây là một trong những nội dung vô cùng quan trọng của công tác điều tiết cạnh tranh.

Nhược điểm này hoàn toàn có thể khắc phục bằng cách giảm bớt những khác biệt giữa chế độ pháp lý áp dụng đối với các hành vi phản cạnh tranh và chế độ pháp lý áp dụng đối với các hoạt động tập trung kinh tế.

Tác động của các hành vi phản cạnh tranh và tác động của các hoạt động tập trung kinh tế có quá nhiều điểm chung, vì vậy cho nên không thể cứ tách biệt mãi hai cơ chế kiểm soát áp dụng cho từng lĩnh vực.

Sự tách biệt đó là hoàn toàn trái ngược với yêu cầu kiểm soát các hoạt động hạn chế cạnh tranh dưới góc độ kinh tế nhiều hơn là dưới góc độ hình thức pháp lý.

Ngoài ra, sự khác biệt đó càng lớn thì càng có nguy cơ doanh nghiệp lợi dụng sự không rõ ràng trong cách định danh hành vi để thoát ly khỏi hoặc hạn chế những ràng buộc của pháp luật.

Để làm cho hai chế độ pháp lý áp dụng đối với các hành vi phản cạnh tranh và các hoạt động tập trung kinh tế xích lại gần nhau hơn, thì việc sửa đổi cơ chế kiểm soát các thỏa thuận phản cạnh tranh theo hướng gợi ý nêu trên là chưa đủ. Cách tốt nhất để giảm thiểu khác biệt đó là tập trung thẩm quyền về một đầu mối, cụ thể là trao cho Hội đồng Cạnh tranh thẩm quyền ra quyết định giải quyết các vụ việc liên quan đến hoạt động tập trung kinh tế. Ở Đức và ở Liên minh châu Âu, thẩm quyền kiểm soát tập trung kinh tế và thẩm quyền kiểm soát các hành vi phản cạnh tranh đều nằm trong tay một cơ quan duy nhất.

Bên cạnh đó, trong thực tiễn áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật, cũng cần khắc phục sự khác biệt giữa một bên là cách đánh giá chặt chẽ về tác động kinh tế của các hành vi phản cạnh tranh và bên kia là cách đánh giá khá dễ dãi về tác động kinh tế của các hoạt động tập trung kinh tế.

Việc giảm thiểu sự khác biệt giữa hai cơ chế pháp lý sẽ càng chắc chắn hơn nếu thống nhất được các tiêu chí miễn trừ áp dụng đối với các hành vi phản cạnh tranh và các hoạt động tập trung kinh tế, với điều kiện Nhà nước vẫn giữ quyền giám sát đối với các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh<sup>4</sup>.

Khi xem xét sâu hơn về chính sách cạnh tranh, chúng ta thấy xuất hiện một câu hỏi cơ bản hơn: việc tăng cường chính sách cạnh tranh sẽ gây ra những hệ quả gì?

---

4. Dominique BRAULT, "Thỏa thuận phản cạnh tranh và tập trung kinh tế. Có hay không một thỏa thuận ngầm nhằm phân chia thị trường bảo vệ cạnh tranh?", *RJDA*, tháng 2-1995.

Việc bảo vệ cạnh tranh hiện nay đang rơi vào một vòng luẩn quẩn: các hành vi phản cạnh tranh càng bị xử lý thường xuyên và nghiêm khắc thì chúng lại càng được che đậy tốt hơn; và khi chúng càng khó bị phát hiện và khó chứng minh, thì để đánh giá và xử lý chúng, các cơ quan quản lý cạnh tranh càng phải sử dụng đến các quy định cũ và thiếu tính mềm dẻo. Quan điểm xây dựng các quy định về cạnh tranh dựa theo thuyết mục đích đã dẫn đến chỗ đặt ra những khái niệm như "vị trí thống lĩnh tập thể" hay "lạm dụng đương nhiên" và làm cho pháp luật cạnh tranh phù hợp hơn với những nhu cầu mới. Nhưng bên cạnh đó, pháp luật cạnh tranh cũng trở nên khó tiên liệu hơn. Điều đó dẫn đến một nghịch lý: các tác nhân kinh tế càng không hiểu rõ thế nào là hợp pháp, thế nào là không hợp pháp - nói cách khác là sự an toàn pháp lý của họ càng thấp - thì các hành vi vi phạm của họ càng bị xử lý nghiêm khắc. Thực tế này có thể được chấp nhận đối với những thỏa thuận bị xử lý vì gây ra hệ quả phản cạnh tranh rõ rệt, nhưng khó có thể chấp nhận được trong các trường hợp khác.

Chính vì lẽ đó cho nên các doanh nghiệp nắm giữ vị trí thống lĩnh (như các doanh nghiệp từng nắm độc quyền trong một số lĩnh vực dịch vụ công, chẳng hạn) rất khó hiểu và khó chấp nhận được việc xử lý ngày càng nặng đối với sự vi phạm những nghĩa vụ hình thành từ một quan niệm rất rộng về tình trạng lạm dụng đương nhiên. Họ có cảm giác như bị bắt buộc phải dọn chỗ cho các đối thủ cạnh tranh mới gia nhập thị trường. Kết quả là họ tìm cách phản đối lại triết lý của các cơ quan quản lý cạnh tranh bằng một thái độ bất phục tùng, như chúng ta đã thấy trong lĩnh vực viễn thông.

Thái độ phản đối đó cũng ngày càng xuất hiện nhiều ở những doanh nghiệp muốn củng cố sức mạnh thị trường của mình một cách phù hợp với các quy định về tập trung kinh tế. Các quy định này cũng hết sức chặt chẽ, trong khi tình trạng mất an toàn pháp lý đang gia tăng cùng với quá trình phát triển của một số thị trường ít người bán. Nhà làm luật của Pháp đã

tăng cường cơ chế kiểm soát tập trung kinh tế, vào đúng thời điểm mà giới doanh nghiệp bắt đầu phản ứng lại thái độ không khoan nhượng của một Ủy ban vốn bị ràng buộc bởi một tiêu chí đánh giá quá cứng nhắc.

Làm cách nào để thoát ra khỏi vòng luẩn quẩn này?

Giải pháp chắc chắn không phải là từ bỏ tính có mục đích của pháp luật cạnh tranh, bởi đây là yêu cầu bắt buộc xuất phát từ tính chặt chẽ của Hiệp ước thành lập Liên minh châu Âu cũng như từ nhu cầu bảo vệ cạnh tranh trước những mối đe dọa ngày càng nhiều ở đầu thế kỷ XXI này.

Giải pháp cho vấn đề nêu trên càng không thể là xây dựng cả một bộ luật về cạnh tranh theo cách tiếp cận của Đức nhằm xếp loại và xác định trước hàng loạt những hành vi có khả năng làm ảnh hưởng đến quy luật tự do của thị trường.

Giữa hai thái cực giải pháp đó, chẳng lẽ lại không có chỗ cho một vài biện pháp chấp nhận được?

Tái thiết lập trong pháp luật cạnh tranh phương pháp "đánh giá tác động kinh tế" của hành vi và tạo ra một số khả năng miễn trừ, sử dụng phương pháp này để thay thế cho các tiêu chí đánh giá tập trung kinh tế hiện hành của pháp luật Liên minh châu Âu, đơn giản hóa các quy định giống như cách làm của Ủy ban châu Âu, giảm thiểu đến mức tối đa những khác biệt giữa cơ chế kiểm soát hành vi phản cạnh tranh và cơ chế kiểm soát tập trung kinh tế ngay khi có thể, xác định rõ các quy tắc phân chia thẩm quyền giữa các cơ quan quốc gia và các cơ quan của Liên minh châu Âu trong việc thực thi pháp luật cạnh tranh của Liên minh châu Âu, đó là một loạt những giải pháp thực tiễn nằm trong tầm tay của các cơ quan quản lý cạnh tranh.

Những giải pháp thực tiễn nêu trên càng trở nên cần thiết và được mong đợi khi mà những định hướng mới trong cơ chế thực thi pháp luật của Liên minh châu Âu, ít nhất là những quy định liên quan đến các hành vi thỏa thuận và lạm dụng vị trí thống lĩnh, đang có xu hướng buộc doanh nghiệp phải tự bảo

đảm tính hợp pháp của các thỏa thuận và hành vi của họ thay vì chỉ dừng lại ở việc thông báo và chờ đợi ở sự đánh giá của Ủy ban châu Âu.

Lẽ dĩ nhiên là chúng ta không thể đòi hỏi quá nhiều an toàn pháp lý trong lĩnh vực pháp luật này. Nhưng nếu đi theo chiều hướng ngược lại, tức là để cho pháp luật cạnh tranh đi từ chỗ không có an toàn pháp lý đến chỗ bị đặt dưới sự can thiệp chủ quan của các cơ quan thực thi, thì còn tồi tệ hơn.

Thế nhưng, chúng ta đang chứng kiến sự hình thành của một quan điểm phòng ngừa rất khắt khe. Các cơ quan quản lý cạnh tranh không chỉ dừng lại ở chỗ *hậu* xử lý các hành vi phản cạnh tranh một cách ngày càng nghiêm khắc, tức là xử lý trên cơ sở những hệ quả thực tế của hành vi đối với thị trường, mà còn căn cứ vào các yếu tố mang tính cơ cấu trong hiện tại để suy đoán về các hành vi có khả năng vi phạm pháp luật trong tương lai và áp dụng chế tài ngay cả khi những hành vi đó chưa được xác định cụ thể. Xu hướng này được thể hiện rất rõ qua khái niệm "lạm dụng đương nhiên" vị trí thống lĩnh, hay qua một thành kiến theo đó việc một số doanh nghiệp nắm giữ nhiều chủng loại sản phẩm bổ sung cho nhau sau khi tập trung kinh tế có thể làm cho thị trường bị đóng cửa.

Việc Tòa án Sơ thẩm của Liên minh châu Âu ra bản án huỷ quyết định cấm tập đoàn Schneider mua quyền kiểm soát tập đoàn Legrand là một việc làm đáng hoan nghênh, bởi vì bản án đó cho thấy không phải cứ nắm giữ nhiều chủng loại sản phẩm là doanh nghiệp sẽ gây ra hệ quả phản cạnh tranh. Tòa án yêu cầu Ủy ban châu Âu phải xem xét nhiều hơn đến những đặc điểm riêng của từng vụ việc và phải đáp ứng yêu cầu về mặt chứng cứ ở mức cao hơn khi Ủy ban sử dụng cách lập luận, theo đó việc nắm giữ nhiều chủng loại sản phẩm cần phải bị ngăn chặn với lý do vị thế đó chắc chắn sẽ bị sử dụng vào mục đích phản cạnh tranh. Tại sao lại phải ngăn chặn doanh nghiệp nắm quyền kiểm soát thêm nhiều chủng loại sản phẩm, khi mà cơ

quan quản lý cạnh tranh hoàn toàn có thể định danh các hành vi bán kèm mang tính phản cạnh tranh rõ nét, nhất là những hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh hoặc lạm dụng sự lệ thuộc về kinh tế của doanh nghiệp khác?

Như vậy, thật đáng mừng khi các tòa án có thẩm quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan quản lý cạnh tranh đã rất chú ý đến việc định ra những giới hạn mà khi vượt quá những giới hạn đó thì sự can thiệp của cơ quan quản lý cạnh tranh sẽ bị coi là hạn chế quyền tự do kinh doanh một cách thái quá.

Một số những phân tích và gợi ý trên đây về việc tìm kiếm điểm cân bằng giữa một bên là quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp và bên kia là yêu cầu bảo đảm trật tự công về kinh tế chắc chắn sẽ đi ngược lại với những thói quen sẵn có hay những tư tưởng bảo thủ. Vì vậy, chắc chắn những phân tích và gợi ý đó sẽ gặp phải sự phản ứng mạnh mẽ, nhưng đồng thời cũng sẽ nhận được sự đồng ý của những ai tin rằng pháp luật cạnh tranh và chính sách cạnh tranh là hai vấn đề không thể tách rời nhau.

## Mục lục

Chú dẫn của Nhà xuất bản .....	5
Lời tựa .....	7
Tóm tắt .....	9
Lời nói đầu .....	11
<b>THIÊN III. QUẢN LÝ CẠNH TRANH .....</b>	<b>21</b>
<b>Chương I. Các thiết chế thực thi pháp luật cạnh tranh, thẩm quyền và mối quan hệ giữa các thiết chế .....</b>	<b>23</b>
<b>MỤC I. CÁC THIẾT CHẾ CHỊU TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHÁP LUẬT CẠNH TRANH Ở PHÁP .....</b>	<b>24</b>
<b>§1. Vai trò của Tổng cục cạnh tranh, tiêu dùng và chống gian lận thương mại .....</b>	<b>25</b>
1. Chức năng giám sát thị trường .....	26
2. Thẩm quyền khiếu nại .....	28
3. Thẩm quyền can thiệp vào một số tranh chấp trước toà án .....	29
4. Kiểm tra, giám sát việc thi hành các quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh .....	34
<b>§2. Hội đồng cạnh tranh .....</b>	<b>36</b>
1. Thành phần và cơ chế hoạt động của Hội đồng Cạnh tranh .....	36
2. Tính độc lập của Hội đồng Cạnh tranh .....	44
3. Bản chất pháp lý của Hội đồng Cạnh tranh .....	45
4. Thẩm quyền tư vấn của Hội đồng Cạnh tranh .....	51
a. Các trường hợp tham vấn tùy nghi .....	52
b. Các trường hợp tham vấn bắt buộc .....	66



<b>§3. Vai trò của Tòa án</b>	72
1. Các vụ kiện dân sự liên quan đến hành vi phản cạnh tranh	74
2. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời mà tòa án có thể áp dụng	85
3. Xử lý hình sự đối với các hành vi phản cạnh tranh	86
4. Vai trò của Tòa án Hành chính	92
<b>§4. Ủy ban theo dõi hoạt động thương mại</b>	103
<b>§5. Sự thay đổi về vai trò của các thiết chế thực thi     pháp luật cạnh tranh</b>	106
1. Xu hướng nhằm lẫn giữa vai trò của tòa án và vai trò của Hội đồng Cạnh tranh?	106
2. Xu hướng phân định lại thẩm quyền giữa Tổng cục Cạnh tranh, Tiêu dùng và Chống gian lận thương mại với thẩm quyền của Hội đồng Cạnh tranh?	108
<b>MỤC II. THẨM QUYỀN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU VỀ THOẢ THUẬN PHẢN CẠNH TRANH VÀ LẠM DỤNG VỊ TRÍ THỐNG LĨNH</b>	110
<b>§1. Vai trò của Ủy ban châu Âu và của các cơ quan     quản lý cạnh tranh quốc gia trong việc thực thi     Điều 81 và Điều 82 Hiệp ước Rome</b>	111
A. TIÊU CHÍ “ÁNH HƯỞNG ĐẾN TRAO ĐỔI THƯƠNG MẠI GIỮA CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN”	112
B. CƠ CHẾ PHÂN CHIA THẨM QUYỀN THỰC THI PHÁP LUẬT CẠNH TRANH CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU THEO QUY ĐỊNH CHUNG CỦA PHÁP LUẬT	120
C. CƠ CHẾ PHÂN CHIA THẨM QUYỀN ĐIỀU TIẾT CẠNH TRANH TRONG LĨNH VỰC VẬN TẢI HÀNG KHÔNG TRƯỚC ĐÂY	136
<b>§2. Sự tham gia của các quốc gia thành viên     vào hoạt động của Ủy ban châu Âu</b>	146
<b>§3. Thẩm quyền áp dụng các quy định của Liên minh     châu Âu trong Không gian kinh tế châu Âu</b>	156
<b>MỤC III. QUAN HỆ GIỮA PHÁP LUẬT CẠNH TRANH QUỐC GIA VÀ PHÁP LUẬT CẠNH TRANH CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU</b>	157
<b>§1. Ảnh hưởng gián tiếp của pháp luật cạnh tranh     của Liên minh châu Âu</b>	158
A. MỨC ĐỘ ÁNH HƯỞNG GIÁN TIẾP	159
a. Ảnh hưởng gián tiếp của pháp luật Liên minh châu Âu đối với nội luật Pháp về cạnh tranh	159

b. Ảnh hưởng gián tiếp của pháp luật Liên minh châu Âu đối với thực tiễn áp dụng nội luật . . . . .	161
<b>§2. Ảnh hưởng trực tiếp của pháp luật Liên minh châu Âu đối với nội luật . . . . .</b>	<b>173</b>
1. Một số nguyên tắc điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật của Liên minh châu Âu và nội luật . . . . .	174
2. Những khó khăn và hạn chế trong việc áp dụng các nguyên tắc điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Liên minh châu Âu và nội luật . . . . .	177
3. Những nghi ngại về hệ quả của các nguyên tắc điều chỉnh mối quan hệ giữa hai trật tự pháp luật . . . . .	184
4. Vai trò của pháp luật quốc gia trong tương lai . . . . .	200
<b>Chương II. Điều tra vụ việc cạnh tranh và thủ tục giải quyết vụ việc cạnh tranh . . . . .</b>	<b>209</b>
<b>MỤC I. ĐIỀU TRA VỤ VIỆC CẠNH TRANH . . . . .</b>	<b>209</b>
<b>§1. Điều tra vụ việc cạnh tranh theo quy định của pháp luật Pháp . . . . .</b>	<b>211</b>
1. Thời điểm điều tra, thời hiệu xử lý hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh . . . . .	213
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của điều tra viên . . . . .	221
3. Điều tra thông thường . . . . .	222
4. Điều tra đặc biệt . . . . .	227
5. Vai trò của Hội đồng Cạnh tranh trong lĩnh vực điều tra . . . . .	236
<b>§2. Hoạt động điều tra vụ việc cạnh tranh của Ủy ban châu Âu . . . . .</b>	<b>241</b>
<b>MỤC II. CHỨNG CỨ VỀ CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT CẠNH TRANH . . . . .</b>	<b>253</b>
<b>§1. Chứng cứ về các hành vi phản cạnh tranh . . . . .</b>	<b>253</b>
1. Nghĩa vụ chứng minh . . . . .	253
2. Phương tiện chứng minh . . . . .	255
3. Chứng cứ không tồn tại dưới hình thức vật chất cụ thể . . . . .	262
4. Khuyến khích việc tự giác khai báo về hành vi phản cạnh tranh . . . . .	275
<b>§2. Chứng minh các căn cứ miễn áp dụng quy định cấm đối với các hành vi phản cạnh tranh . . . . .</b>	<b>277</b>

1. Nghĩa vụ chứng minh tác động tích cực của hành vi	277
2. Thừa nhận trước về hành vi vi phạm	279
3. Chứng minh tính hợp pháp của hành vi phản cạnh tranh	280
<b>MỤC III. THỦ TỤC XỬ LÝ CÁC HÀNH VI PHẢN CẠNH TRANH</b>	281
<b>§1. Yêu cầu Hội đồng Cạnh tranh xem xét, giải quyết vụ việc cạnh tranh</b>	282
1. Ai có quyền yêu cầu Hội đồng Cạnh tranh xem xét, giải quyết vụ việc cạnh tranh?	282
2. Hình thức khiếu nại	291
3. Điều kiện thụ lý đơn khiếu nại vụ việc cạnh tranh	292
4. Khả năng đình chỉ thụ lý vụ việc	296
5. Phạm vi thụ lý	296
6. Hệ quả của việc thụ lý vụ việc cạnh tranh	298
<b>§2. Thủ tục tranh tụng trong nội luật</b>	308
1. Thủ tục thông thường	315
2. Thủ tục rút gọn	323
<b>§3. Thủ tục giải quyết vụ việc cạnh tranh trong pháp luật của Liên minh châu Âu</b>	340
1. Thụ lý vụ việc cạnh tranh	341
2. Thủ tục giải quyết vụ việc cạnh tranh	346
3. Một vài nhận xét về thủ tục tố tụng cạnh tranh của Ủy ban châu Âu	351
a. Từ chỗ có quá nhiều quy định về thủ tục đến chỗ thiếu chặt chẽ về thủ tục	351
b. Vai trò của các chính sách chung trong việc áp dụng các quy định của pháp luật cạnh tranh ở Liên minh châu Âu	355
<b>Chương III. Các biện pháp xử lý trong và sau quá trình tổ tụng cạnh tranh</b>	359
<b>MỤC I. CÁC BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI</b>	359
<b>§1. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật Liên minh châu Âu</b>	361
<b>§2. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời áp dụng đối với hành vi phản cạnh tranh theo quy định của nội luật Pháp</b>	365

1. Chủ thể có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời .....	365
2. Điều kiện để Hội đồng Cạnh tranh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời .....	368
a. Điều kiện thứ nhất: đơn khiếu nại vụ việc cạnh tranh phải có đủ điều kiện thụ lý về mặt nội dung .....	369
b. Điều kiện thứ hai: thiệt hại nghiêm trọng và tức thì .....	374
3. Thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời .....	376
4. Nội dung và hiệu lực của quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời .....	378
<b>MỤC II. CÁC BIỆN PHÁP THÔNG THƯỜNG ĐƯỢC ÁP DỤNG SAU KHI KẾT THÚC THỦ TỤC TỔ TỤNG CẠNH TRANH .....</b>	
<b>§1. Quyết định của Tòa án .....</b>	<b>383</b>
<b>§2. Quyết định của Hội đồng Cạnh tranh .....</b>	<b>384</b>
1. Nội dung và hiệu lực cưỡng chế của các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh .....	384
2. Phạt tiền .....	385
3. Mức phạt tiền tối đa .....	387
4. Phạt tiền vì chậm thực hiện yêu cầu của Hội đồng Cạnh tranh .....	389
5. Khả năng áp dụng chế tài phạt tiền .....	390
6. Nguyên tắc chủ đạo trong việc xác định mức tiền phạt ..	391
7. Thực tiễn áp dụng pháp luật của Hội đồng .....	393
8. Các chương trình khoan hồng .....	399
9. Buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm .....	404
<b>§3. Điểm giống nhau trong các quyết định của Hội đồng Cạnh tranh .....</b>	<b>409</b>
1. Quyết định có tính chính thức .....	409
2. Quyết định có đối tượng xác định rõ ràng .....	417
3. Quyết định nêu rõ căn cứ và được công bố công khai ..	418
4. Quyết định có hiệu lực giới hạn về thời gian .....	419
5. Quyết định được kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện .....	421
<b>§4. Quyết định của Ủy ban châu Âu .....</b>	<b>425</b>
1. Quyết định buộc phải chấm dứt hành vi vi phạm ....	427

2. Phạt tiền .....	428
3. Phạt tiền do chậm thực hiện yêu cầu của Ủy ban .....	437
<b>Chương IV. Hoạt động kiểm tra, giám sát của toà án đối với việc áp dụng các quy định pháp luật về cạnh tranh .....</b>	<b>439</b>
<b>MỤC I. HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA GIÁM SÁT CỦA TOÀ ÁN THEO PHÁP LUẬT CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU .....</b>	<b>441</b>
<b>§1. Thẩm quyền .....</b>	<b>441</b>
<b>§2. Các phương thức khiếu kiện .....</b>	<b>445</b>
1. Khởi kiện để yêu cầu huỷ văn bản .....	445
2. Khởi kiện để yêu cầu giải quyết tranh chấp .....	452
3. Khởi kiện vì thiếu trách nhiệm .....	452
<b>§3. Quan hệ giữa hoạt động kiểm tra, giám sát của các toà án Liên minh châu Âu và hoạt động kiểm tra, giám sát của toà án quốc gia của các nước thành viên ..</b>	<b>452</b>
<b>MỤC II. HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA TOÀ ÁN THEO QUY ĐỊNH CỦA NỘI LUẬT .....</b>	<b>455</b>
<b>§1. Tòa án có thẩm quyền .....</b>	<b>455</b>
<b>§2. Các phương thức kiểm tra, giám sát .....</b>	<b>458</b>
1. Các quyết định có thể bị khiếu kiện .....	459
2. Những người có quyền khởi kiện .....	463
3. Thủ tục tố tụng .....	467
<b>§3. Hệ quả của kháng cáo .....</b>	<b>469</b>
1. Hệ quả tức thì của kháng cáo .....	469
2. Hệ quả của quyết định cuối cùng của Tòa án Phúc thẩm ..	471
3. Kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm .....	473
<b>§4. Đánh giá cải cách theo quy định của Luật ngày 6-7-1987 .....</b>	<b>474</b>
1. Sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của toà án .....	475
2. Thủ tục giám sát nhanh chóng .....	476
3. Tính đến tính chất đặc thù của pháp luật cạnh tranh ...	478
a. Về nội dung .....	478
b. Về hình thức và trình tự tố tụng .....	481
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>485</b>

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRỊNH THỨC HUỖNH

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung

ThS. NGUYỄN KHÁNH HOÀ

ThS. NGUYỄN KIM NGÀ

Biên tập kỹ, mỹ thuật

TRẦN PHAN BÍCH LIỄU

Trình bày bìa

NGUYỄN PHƯƠNG MAI

Chế bản vi tính

TRẦN PHAN BÍCH LIỄU

Sửa bản in

KIM OANH - MINH THU

Đọc sách mẫu

NGỌC BÍCH

Mã số: 3.327(522)  
CTQG - 2006

---

In 1.000 cuốn, khổ 15,5x23,5 cm, tại Công ty In và Văn hoá phẩm.

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 159-2006/CXB/562-474/CTQG.

Quyết định xuất bản số: 282-QĐ/NXBCTQG, ngày 20-4-2006.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2006.